

Số: 108/BC-BCT

Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2023

BÁO CÁO

Tổng kết thực tiễn thi hành Luật Điện lực (giai đoạn 2005 - 2023)

Kính gửi: Chính phủ

PHẦN I

**CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, TỔ CHỨC TRIỂN KHAI
THI HÀNH LUẬT ĐIỆN LỰC**

**1. Công tác phổ biến, tuyên truyền, theo dõi, đôn đốc, hỗ trợ pháp lý,
hướng dẫn tháo gỡ vướng mắc, khó khăn trong thi hành Luật**

Luật Điện lực được Quốc hội khoá XI, kỳ họp thứ 6, thông qua ngày 03 tháng 12 năm 2004, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2005 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2012 bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực được Quốc hội khoá XIII thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2012, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2013; được sửa đổi, bổ sung năm 2018 bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch được Quốc hội khoá XIV thông qua ngày 15 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 và được sửa đổi, bổ sung năm 2022 bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 09 luật có liên quan đến đầu tư được Quốc hội khoá XV thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2022), quy định về chính sách phát triển điện lực; quy hoạch và đầu tư phát triển điện lực; tiết kiệm điện; thị trường điện lực; mua bán điện và dịch vụ cung cấp điện; giá điện; giấy phép hoạt động điện lực; quyền, nghĩa vụ của đơn vị điện lực và khách hàng sử dụng điện; bảo vệ trang thiết bị điện, công trình điện lực và an toàn điện; điện phục vụ nông thôn, miền núi, hải đảo; quản lý nhà nước về hoạt động điện lực và sử dụng điện.

1.1. Về tuyên truyền, phổ biến pháp luật

Bộ Công Thương đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan tiến hành các hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật về điện lực bằng nhiều hình thức như: tổ chức các hội nghị, hội thảo phổ biến văn bản quy phạm pháp luật; đăng tải bài viết trên các phương tiện thông tin đại chúng. Bộ Công Thương thực hiện công tác truyền thông nhằm tạo sự đồng thuận đối với xã hội và người dân về quy hoạch và chính sách đầu tư phát triển điện lực, chính sách điều hành giá điện của Chính phủ và Bộ Công Thương; cung cấp thông tin về tình hình cung cấp điện các năm; tuyên truyền sử dụng điện tiết kiệm, an toàn và hiệu quả,...; cung cấp thông tin và giải đáp các ý kiến theo quy định của pháp luật về điện lực phục vụ công tác truyền thông tại các kỳ họp Quốc hội.

Ngoài ra, Bộ Công Thương đã tích cực, chủ động trong công tác đào tạo, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, giúp các doanh nghiệp hiểu rõ quy định pháp luật về điện lực, đồng thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình áp dụng để các doanh nghiệp phát triển hoạt động điện lực trên cơ sở quy định pháp luật.

Hàng năm, căn cứ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc, Bộ Công Thương đã giao nhiệm vụ cho các đơn vị trong Bộ tổ chức các lớp tập huấn, tuyên truyền phổ biến văn bản quy phạm pháp luật về điện lực, trong đó có các khóa đào tạo, bồi dưỡng để cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực và thẻ An toàn điện. Đối tượng chủ yếu được phổ biến, hướng dẫn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về điện lực là lãnh đạo, cán bộ, công chức thuộc Sở Công Thương của 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; lãnh đạo, cán bộ, kỹ sư, công nhân kỹ thuật của các đơn vị điện lực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), các Tổng công ty phát điện hoạt động trong lĩnh vực phát điện, truyền tải điện, phân phối điện, bán buôn điện, bán lẻ điện trên phạm vi toàn quốc. Nội dung phổ biến tập trung vào hệ thống hoá các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực điện lực, các nội dung cơ bản của Luật Điện lực, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực, Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực, Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện và Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực, các quy định về thị trường điện, giá điện, hệ thống điện, cấp phép hoạt động điện lực, kiểm tra hoạt động điện lực, sử dụng điện và an toàn điện.

1.2. Công tác tham mưu về các vấn đề pháp lý, hướng dẫn tháo gỡ vướng mắc, khó khăn trong thi hành Luật và các văn bản quy phạm pháp luật dưới Luật

Trong quá trình triển khai thi hành Luật Điện lực, Bộ Công Thương đã chủ động theo dõi, kịp thời phát hiện và tiếp nhận ý kiến phản ánh, kiến nghị của các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương, các đơn vị điện lực, các tổ chức, cá nhân sử dụng điện; hướng dẫn khắc phục, giải đáp vướng mắc, khó khăn trong thực tiễn thi hành Luật bằng nhiều hình thức khác nhau như thông qua các lớp tập huấn, trả lời bằng văn bản, trả lời qua điện thoại, email để giải đáp thắc mắc và hướng dẫn áp dụng các quy định pháp luật trong lĩnh vực điện lực. Bộ Công Thương đã kịp thời sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh các vấn đề phát sinh trong thực tế, tạo khung pháp lý chuẩn mực cho hoạt động điện lực và sử dụng điện.

Ngoài ra, thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính, trong giai đoạn 2011 - 2020, Bộ Công Thương đã rà soát và bãi bỏ 47 thủ tục hành chính trong lĩnh vực cấp giấy phép hoạt động điện lực, 02 thủ tục hành chính trong lĩnh vực cấp thẻ kiểm tra viên điện lực, 01 thủ tục hành chính miễn trừ thực hiện nghiên cứu phụ tải, 01 thủ tục hành chính đăng ký tham gia thị trường điện; đơn giản hóa, cắt giảm điều kiện, rút ngắn thời gian thực hiện đối với các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương trong lĩnh vực điện lực, góp phần tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp thông qua việc cắt giảm chi phí tuân thủ pháp

luật trong quá trình thực hiện các quy định về lĩnh vực điện lực.

Bộ Công Thương đã xây dựng cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp đảm bảo tách bạch nhiệm vụ an sinh xã hội và các nhiệm vụ kinh doanh khác, hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ bảo toàn và phát triển vốn; quy định đặc thù đối với dự án đầu tư công trình điện quan trọng quốc gia...

Bộ Công Thương cũng đánh giá tổng thể các quy định tại Luật Điện lực so với sự phát triển thực tế của ngành năng lượng trong thời gian gần đây (có nhiều sự tham gia của thành phần kinh tế tư nhân, nước ngoài; năng lượng tái tạo phát triển) để có các cơ chế, chính sách thúc đẩy phù hợp.

Đồng thời, trong quá trình xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Công Thương nghiên cứu kỹ lưỡng và huy động sự tham gia rộng rãi của các địa phương, các nhà khoa học và các đối tượng chịu sự điều chỉnh của Luật để các điều luật đi vào thực tiễn, đảm bảo tính hiệu quả, khả thi, tính thống nhất, đồng bộ của Luật Điện lực với các Luật khác.

1.3. Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật và kiểm tra việc thực hiện pháp luật

Hàng năm, Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt Kế hoạch thanh tra, kiểm tra, theo dõi thi hành pháp luật trong lĩnh vực điện lực đối với các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực điện lực và đối với các Sở Công Thương và giao cho các đơn vị thuộc Bộ thực hiện. Đối với hình thức theo dõi thi hành pháp luật thường được thực hiện bằng hai hình thức thu thập thông tin và kiểm tra thực tế.

Trong giai đoạn 2011 - 2022, Bộ Công Thương đã tổ chức thanh tra, kiểm tra thực tế tại 295 đơn vị, kịp thời phát hiện và yêu cầu một số đơn vị điện lực nghiêm túc khắc phục các tồn tại trong hoạt động điện lực, thực hiện đúng quy định của pháp luật; hướng dẫn, phổ biến các quy định mới; đồng thời nắm bắt thực tế hoạt động của các đơn vị điện lực, các nội dung chưa được pháp luật quy định cụ thể, các nội dung không còn phù hợp với thực tế, cần thiết phải sửa đổi văn bản quy phạm pháp luật nhằm nâng cao chất lượng các quy định trong quản lý nhà nước về hoạt động điện lực và đáp ứng các yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội.

Công tác thanh tra, kiểm tra và theo dõi thi hành pháp luật đã giúp cho Luật Điện lực (được sửa đổi năm 2012, năm 2018 và năm 2022) được thực thi nghiêm túc, phát huy tác dụng trên thực tế, góp phần thúc đẩy sự phát triển của ngành điện để đáp ứng yêu cầu sử dụng điện ngày càng cao của nền kinh tế - xã hội và nhân dân.

2. Công tác chỉ đạo, tổ chức ban hành văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành

Việc tổ chức triển khai thi hành Luật Điện lực (được sửa đổi, bổ sung năm 2012 và năm 2018) được Chính phủ và Bộ Công Thương đặc biệt quan tâm thông qua việc ban hành các Nghị định, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư hướng dẫn thực hiện.

Sau khi Luật Điện lực được Quốc hội ban hành, căn cứ quy định tại Điều

70 giao “Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật này”, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, các cơ quan có thẩm quyền đã ban hành các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Điện lực. Đã có 184 văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ và Bộ Công Thương ban hành hướng dẫn thực hiện, trong đó có 09 Nghị định, 22 Quyết định, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và 153 Thông tư (bao gồm cả các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp trước đây). Lĩnh vực điện lực là lĩnh vực mang tính kỹ thuật, cần có những hướng dẫn cụ thể bằng các văn bản dưới Luật đảm bảo sự hình thành và phát triển thị trường điện, cũng như vận hành hệ thống điện phù hợp với từng thời kỳ phát triển kinh tế xã hội. Việc ban hành các văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Điện lực thể hiện sự phân công, phân cấp trong rõ trách nhiệm quản lý nhà nước trong lĩnh vực điện lực của các cấp có thẩm quyền, đặc biệt trong việc hướng dẫn các nội dung mang tính kỹ thuật, còn nhiều biến động tại Luật Điện lực, cụ thể:

2.1. Các văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ ban hành

Chính phủ đã ban hành 09 Nghị định để quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Điện lực như quy định các nội dung liên quan đến mua bán điện bao gồm: hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt, thanh toán tiền điện, ngừng, giảm mức cung cấp điện, mua bán điện với nước ngoài...; quy định về giá điện; quy định về cấp giấy phép hoạt động điện lực; quy định về bảo vệ công trình lưới điện cao áp và quy định về xử phạt vi phạm pháp luật trong lĩnh vực điện lực; trong đó có 05 Nghị định được xây dựng sau khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực năm 2012 được ban hành và đến nay có 05 Nghị định còn hiệu lực thi hành.

2.2. Các văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 22 văn bản quy phạm pháp luật quy định về các nội dung: Tiết kiệm điện (03 Quyết định và Chỉ thị); quy hoạch phát triển điện lực và cơ chế khuyến khích đầu tư phát triển năng lượng mới và năng lượng tái tạo (09 Quyết định); thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Điều tiết điện lực thuộc Bộ Công Thương (02 Quyết định); lộ trình, các điều kiện hình thành và phát triển các cấp độ thị trường điện lực tại Việt Nam (02 Quyết định); giá điện và điều chỉnh giá điện theo cơ chế thị trường (06 Quyết định). Trong đó có 14 văn bản quy phạm pháp luật được xây dựng sau khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực năm 2012 được ban hành và đến nay có 12 văn bản còn hiệu lực thi hành.

2.3. Các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Điện lực do các Bộ, cơ quan ngang Bộ ban hành

Các Bộ quản lý ngành theo chức năng, thẩm quyền được giao đã ban hành 153 văn bản quy phạm pháp luật (Thông tư, Quyết định). Trong đó, có 85 văn bản quy phạm pháp luật được xây dựng sau khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực năm 2012 được ban hành. Đến nay, có 75 văn bản còn hiệu lực thi hành, cụ thể như sau:

a) Tổng số các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Công nghiệp/Bộ Công Thương ban hành là 143 văn bản bao gồm các Quyết định, Thông tư quy định các nội dung về quy hoạch và đầu tư phát triển điện lực (14 văn bản); tiết kiệm điện (02 văn bản); cấp giấy phép hoạt động điện lực (10 văn bản); giá điện và dịch vụ cung cấp điện theo hợp đồng có thời hạn (53 văn bản); an toàn điện, kỹ thuật điện và hệ thống điện (43 văn bản); quy định vận hành thị trường điện (10 văn bản); kiểm tra hoạt động điện lực và sử dụng điện, giải quyết tranh chấp và hướng dẫn xử phạt vi phạm hành chính (11 văn bản) và đến nay, có 71 văn bản còn hiệu lực thi hành.

b) Tổng số các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Tài chính ban hành là 05 văn bản, đến nay có 02 văn bản còn hiệu lực thi hành quy định về: các nội dung liên quan đến chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với việc đầu tư phát triển điện ở nông thôn, miền núi, hải đảo; thu phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực.

c) Tổng số Thông tư liên tịch do các Bộ, ngành (bao gồm: Bộ Công Thương, Bộ Tài chính, Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân tối cao) ban hành là 05 văn bản, trong đó có 02 văn bản được xây dựng sau khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực năm 2012 được ban hành. Đến nay, có 02 văn bản còn hiệu lực thi hành hướng dẫn về chuyển hồ sơ vụ trộm cắp điện để truy cứu trách nhiệm hình sự; hướng dẫn giao, nhận và hoàn trả vốn đầu tư tài sản lưới điện hạ áp nông thôn.

Các văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ quản lý ngành ban hành theo thẩm quyền đã được ban hành kịp thời, đồng bộ để điều chỉnh tương đối toàn diện các vấn đề pháp lý về hoạt động điện lực và sử dụng điện, đáp ứng yêu cầu thực tiễn của hoạt động điện lực và sử dụng điện, tạo lập được hành lang pháp lý vững chắc cho phát triển điện lực nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng điện ngày càng cao trong công cuộc phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

2.4. Các văn bản chỉ đạo, điều hành

Ngoài các văn bản quy phạm pháp luật, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương còn ban hành 63 Chỉ thị, Quyết định để điều hành, quản lý hoạt động điện lực và sử dụng điện.

2.5. Công tác rà soát, hệ thống hóa, hợp nhất, pháp điển văn bản quy phạm pháp luật, kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật

Bộ Công Thương kịp thời hợp nhất các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; hoàn thành xây dựng bộ pháp điển Đề mục số 03 Chủ đề số 07 về Điện lực và thường xuyên cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật mới vào bộ pháp điển theo quy định.

Định kỳ 06 tháng và hàng năm, việc rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực điện lực được Bộ Công Thương chỉ đạo thực hiện theo đúng quy định nhằm kịp thời phát hiện các quy định có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không còn phù hợp để xử lý hoặc kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật hàng năm.

Các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực điện lực có thủ tục hành chính đều được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính trước khi ban hành văn bản.

Việc tự kiểm tra các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực điện lực được Bộ Công Thương nghiêm túc thực hiện theo đúng quy định. Kết quả cho thấy hầu hết các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Điện lực và các Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Điện lực đều được hoàn thành và trình cấp có thẩm quyền ký ban hành theo đúng quy định của pháp luật, không có văn bản có dấu hiệu trái pháp luật.

3. Đánh giá hiệu quả của Luật Điện lực (được sửa đổi, bổ sung năm 2012, năm 2018 và năm 2022)

Các chế định pháp luật quy định tại Luật Điện lực đã xây dựng được khuôn khổ pháp lý cho quản lý tổ chức thực hiện quy hoạch và đầu tư phát triển điện lực; tiết kiệm điện; thị trường điện lực; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân hoạt động điện lực và sử dụng điện; bảo vệ trang thiết bị điện, công trình điện lực và an toàn điện; công tác quản lý nhà nước được thống nhất, hiệu quả, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân hoạt động điện lực, sử dụng điện tại Việt Nam.

Các văn bản hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Điện lực và các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực được ban hành kịp thời, đảm bảo tiến độ đề ra, tạo lập được một hệ thống văn bản pháp luật về lĩnh vực điện lực đồng bộ, thống nhất với các văn bản pháp luật có liên quan; thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí cho doanh nghiệp, nhà đầu tư, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội và chuẩn mực quốc tế; khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia hoạt động điện lực tại Việt Nam; thúc đẩy đầu tư trong ngành năng lượng nói chung và ngành điện nói riêng nhằm đáp ứng tình hình phát triển kinh tế xã hội và hội nhập quốc tế. Qua đó, góp phần đưa Luật Điện lực và các Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Điện lực vào cuộc sống, đảm bảo sự thống nhất, hiệu quả trong áp dụng pháp luật trên thực tế.

Qua gần 20 năm thực hiện, Luật Điện lực (đã được sửa đổi, bổ sung) đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, có vai trò rất lớn trong phát triển điện lực của nước ta:

- Góp phần phát triển điện lực bền vững trên cơ sở khai thác tối ưu mọi nguồn lực, công tác quy hoạch, đầu tư phát triển điện lực ngày càng phát triển, đáp ứng nhu cầu điện năng phục vụ đời sống nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh và an ninh năng lượng quốc gia;

- Xây dựng và phát triển thị trường điện lực cạnh tranh lành mạnh, nâng cao hiệu quả trong hoạt động điện lực; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đơn vị điện lực và khách hàng sử dụng điện; thu hút mọi thành phần kinh tế tham gia hoạt động phát điện, phân phối điện, bán buôn điện, bán lẻ điện và tư vấn chuyên ngành điện lực;

- Áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong hoạt động điện lực và sử dụng điện nhằm tiết kiệm, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn năng lượng, bảo vệ môi trường sinh thái;

- Đẩy mạnh việc khai thác và sử dụng các nguồn năng lượng mới, năng lượng tái tạo để phát điện;

- Rút ngắn thời gian thực hiện tiếp cận điện năng, giảm thành phần hồ sơ và ứng dụng công nghệ trong hoạt động điện lực đem lại hiệu quả cao trong đáp ứng nhu cầu sử dụng điện của nền kinh tế - xã hội và của nhân dân;

- Đảm bảo hiệu quả quản lý nhà nước về lĩnh vực điện lực, thực hiện phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước về điện lực.

PHẦN II

KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG THI HÀNH LUẬT ĐIỆN LỰC (ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2012, NĂM 2018 VÀ NĂM 2022)

Việc thi hành Luật Điện lực (được sửa đổi, bổ sung năm 2012, năm 2018 và năm 2022) và các văn bản hướng dẫn trong gần 20 năm qua đã đạt được một số kết quả chủ yếu như sau:

1. Tạo cơ sở pháp lý, chính sách ưu đãi để đầu tư phát triển điện lực

1.1. Về Chiến lược và Quy hoạch phát triển điện lực

1.1.1. Thực hiện phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước về quy hoạch

- Giai đoạn trước khi Luật Điện lực được sửa đổi bởi Luật số 28/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số Luật liên quan đến Luật Quy hoạch:

Theo Luật Điện lực, Quy hoạch phát triển điện lực (QHPTĐL) là quy hoạch chuyên ngành bao gồm QHPTĐL quốc gia và QHPTĐL tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Trong đó, đối với QHPTĐL quốc gia, Bộ Công Thương chịu trách nhiệm tổ chức lập, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; đối với QHPTĐL tỉnh, Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức lập, trình Bộ Công Thương phê duyệt Hợp phần Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110kV, đối với Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung và hạ áp sau các trạm 110kV do UBND tỉnh phê duyệt và điều chỉnh.

Việc phân cấp về quản lý nhà nước trong thực hiện QHPTĐL quốc gia và tỉnh theo trình tự thủ tục điều chỉnh quy hoạch theo chu kỳ (điều chỉnh tổng thể các nội dung quy hoạch) và trình tự rút gọn đối với việc điều chỉnh quy hoạch không theo chu kỳ (do ít ảnh hưởng đến quy hoạch chung) như sau:

+ Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển điện lực quốc gia: gồm nguồn điện trên 50 MW và lưới điện 220 kV, 500 kV.

+ Bộ Công Thương phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển điện lực tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương - Hợp phần Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110kV: gồm nguồn điện đến 50 MW, lưới điện 110 kV và lưới điện đấu nối nguồn điện.

+ UBND thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Hợp phần Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung và hạ áp sau các trạm 110kV.

Quy hoạch được lập, phê duyệt là cơ sở để thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với lĩnh vực điện lực tại địa phương. Quy hoạch giúp điều chỉnh hành vi của các tổ chức, cá nhân tham gia lĩnh vực điện lực, giúp đầu tư xây dựng hệ thống điện thống nhất, thông minh, hiện đại đảm bảo cung cấp điện ngày càng an toàn, ổn định, tin cậy. Đồng thời quy hoạch là cơ sở, căn cứ để giám sát, xử lý các đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động điện lực không tuân thủ về đầu tư xây dựng hệ thống điện trên địa bàn, kịp thời xử lý các công trình không có trong quy hoạch, sai quy hoạch đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống điện.

Việc phân công, phân cấp trong lập, phê duyệt, điều chỉnh bổ sung QHPTĐL quốc gia, QHPTĐL tỉnh đã tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp và địa phương thực hiện đầu tư xây dựng các dự án điện, kịp thời đảm bảo nhu cầu cung cấp điện, phục vụ phát triển kinh tế xã hội của địa phương và toàn quốc.

- Giai đoạn sau khi Luật Điện lực được sửa đổi bởi Luật số 28/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số Luật liên quan đến Luật Quy hoạch:

Luật Điện lực đã được sửa đổi bởi Luật số 28/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số Luật liên quan đến Luật Quy hoạch, trong đó, tại Chương II về quy hoạch và đầu tư phát triển điện lực có quy định: QHPTĐL là quy hoạch ngành quốc gia, Bộ Công Thương là cơ quan tổ chức lập quy hoạch và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập nội dung phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh (UBND tỉnh là cơ quan tổ chức lập, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh). Việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, tổ chức thực hiện và điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực theo quy định của pháp luật về quy hoạch và không có quy định phân cấp trong phê duyệt, điều chỉnh thực hiện quy hoạch. Theo đó, việc điều chỉnh QHPTĐL hoặc điều chỉnh Quy hoạch tỉnh (về nội dung phương án phát triển mạng lưới cấp điện) đều do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

1.1.2. Kết quả thực hiện theo Chiến lược và Quy hoạch phát triển điện lực

Trong giai đoạn 2004 - 2020, dưới sự chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Công Thương phối hợp với các Bộ ngành, cơ quan, đơn vị điện lực đã xây dựng Chiến lược phát triển ngành điện lực Việt Nam, các Quy hoạch phát triển hệ thống điện. Ngày 05 tháng 10 năm 2004, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược phát triển ngành điện lực Việt Nam giai đoạn 2004 - 2010, định hướng đến năm 2020 tại Quyết định số 176/2004/QĐ-TTg. Ngoài ra, Bộ Công Thương đã tổ chức xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (được phê duyệt tại Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ) trong đó xác định rõ chủ trương, chính sách liên quan đến khuyến khích phát triển sử dụng năng lượng mới, tái tạo cho phát điện.

Đánh giá thực hiện các Chiến lược này cho thấy, đến nay ngành điện đã đạt

được đại đa số các mục tiêu như: hầu hết các chỉ tiêu về sản lượng điện, tỷ lệ cấp điện nông thôn, khối lượng xây dựng nguồn điện và lưới điện đều đạt và vượt yêu cầu; thị trường điện lực cạnh tranh đã được hình thành và đang dần hoàn thiện để chuẩn bị bước sang giai đoạn thị trường bán lẻ điện cạnh tranh; về khoa học công nghệ đã đạt được một số thành tựu về áp dụng các công nghệ tiên tiến hiệu suất cao với nguồn điện; cơ khí điện lực đã sản xuất được máy biến áp tới cấp 500 kV, ứng dụng bê tông đầm lăn trong xây dựng nhiều đập thủy điện lớn; đội ngũ tư vấn, xây lắp điện đã đảm nhận được nhiều công trình quan trọng; các hoạt động giảm nhẹ tác động ô nhiễm môi trường ngày càng được chú trọng.

Theo quy định tại Luật Điện lực, QHPTĐL là quy hoạch chuyên ngành bao gồm QHPTĐL quốc gia và QHPTĐL tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. QHPTĐL được lập, phê duyệt để làm cơ sở cho các hoạt động đầu tư phát triển điện lực và được điều chỉnh phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ. Công tác QHPTĐL của Việt Nam đã được thực hiện khá bài bản. QHPTĐL phải phù hợp với quy hoạch các nguồn năng lượng sơ cấp cho phát điện gồm cả nguồn năng lượng mới, năng lượng tái tạo và có tính đến quy hoạch khác có liên quan theo quy định của pháp luật, trong đó, QHPTĐL quốc gia được lập trên cơ sở chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước cho từng giai đoạn 10 năm và có định hướng cho 10 năm tiếp theo.

Giai đoạn 2005 - 2020, Bộ Công Thương đã chỉ đạo, tổ chức lập và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt 03 QHPTĐL quốc gia: Quy hoạch điện VI (Quyết định 110/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ), Quy hoạch điện VII (Quyết định số 1208/QĐ-TTg ngày 21 tháng 7 năm 2011), Quy hoạch điện VII điều chỉnh (Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ) và hiện nay đang triển khai lập và phê duyệt Quy hoạch điện VIII.

Đối với QHPTĐL của 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: các tỉnh, thành phố đều đã lập, phê duyệt QHPTĐL tỉnh cho các giai đoạn 2006 - 2010 có xét đến năm 2015; giai đoạn 2011 - 2015, có xét đến năm 2020. Hiện nay, tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã lập và được phê duyệt QHPTĐL giai đoạn 2016 - 2025, có xét đến năm 2035.

Ngoài ra, Bộ Công Thương còn thực hiện thẩm định phê duyệt QHPTĐL giai đoạn 2011 - 2015 có xét đến năm 2025 cho 03 vùng kinh tế trọng điểm (miền Nam, miền Trung, vùng Trung du miền núi phía Bắc).

QHPTĐL quốc gia và QHPTĐL tỉnh, thành phố đã thực sự trở thành công cụ hữu hiệu để quản lý đầu tư ngành điện, đảm bảo đáp ứng đủ điện cho phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng của đất nước và từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nói riêng.

Trong quá trình thực hiện, Bộ Công Thương và các Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bổ sung nhiều dự án điện (nguồn, lưới điện truyền tải) vào QHPTĐL quốc gia (các giai đoạn quy hoạch). Trong giai đoạn 2005 - 2020, triển khai thực hiện Luật Điện lực (được sửa đổi, bổ sung năm 2012 và năm 2018) và các văn bản hướng dẫn luật, dưới sự điều hành của

Bộ Công Thương, nhiều công trình điện lực phát sinh do nhu cầu thực tế đã được bổ sung vào quy hoạch và thực hiện các bước đầu tư xây dựng kịp thời, đáp ứng yêu cầu cung cấp, truyền tải điện năng, góp phần đảm bảo an ninh quốc phòng, phát triển kinh tế cho đất nước và đời sống sinh hoạt của nhân dân.

1.1.3. Đánh giá thực hiện quy hoạch đảm bảo cung cấp điện cho đất nước

- Về nguồn điện

Đến cuối năm 2020, tổng công suất lắp đặt nguồn điện toàn quốc đạt 69.342 MW. Trong đó, miền Bắc 25.121 MW (36,2% tổng công suất), miền Trung 12.232 MW (17,8%), miền Nam 31.898 MW (46%). Tổng công suất thủy điện là 20.993 MW (30,3% công suất, 29,6% sản lượng); nhiệt điện than 21.383 MW (30,8%, công suất, 50% sản lượng); tua bin khí 9.025 MW (13,1%, công suất, 14,6% sản lượng); điện gió 538 MW (0,8% công suất, 0,4% sản lượng), điện mặt trời 16.506 MW (23,8% công suất, 3,7% sản lượng), nguồn khác 325 MW (0,4% công suất, 0,5% sản lượng, nhập khẩu 572 MW (0,8% công suất, 1,2% sản lượng). Hệ thống điện Việt Nam có quy mô đứng thứ 2 Đông Nam Á và thứ 23 trên thế giới.

Về cơ bản, hệ thống điện đảm bảo đáp ứng nhu cầu phụ tải. Tuy nhiên, mặc dù công suất lắp đặt tương đối cao so với phụ tải cực đại (69.342/38.617 MW), nhưng mức độ dự phòng công suất khả dụng của hệ thống khá thấp do tính chất thay đổi theo mùa của thủy điện, nhu cầu sửa chữa, bảo dưỡng nhiệt điện và tính bất định của nguồn điện gió, mặt trời. Nếu không tính các nguồn điện gió, mặt trời thì vào mùa mưa, tỷ lệ dự phòng công suất khả dụng chỉ là 9,06%, mùa khô khoảng 8,16%.

Đánh giá kết quả thực hiện Quy hoạch điện VII điều chỉnh được tổng hợp sau đây¹:

Đánh giá tỷ lệ thực hiện nguồn điện theo Quy hoạch điện VII điều chỉnh trong giai đoạn 2016-2020

TT	Hạng mục	2016	2017	2018	2019	2020	Giai đoạn 2016-2020
A	Theo Quy hoạch điện VII điều chỉnh						
	Toàn hệ thống (MW)	3795	2716	4338	6230	4571	21650
1	Thủy điện	2195	426	516	471	544	4152

¹ Tham khảo theo Đề án Quy hoạch điện VIII và Tờ trình số 2279/TTr-BCT ngày 29/4/2022 của Bộ Công Thương trình Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch điện VIII

TT	Hạng mục	2016	2017	2018	2019	2020	Giai đoạn 2016-2020
2	Nhiệt điện	1310	1875	2850	4820	3040	13895
3	Nguồn NLTT+khác	290	415	972	939	987	3603
B	Thực tế thực hiện						
	Toàn hệ thống (MW)	3459	3059	3105	6333	12660	29114
1	Thủy điện	1759	556	413	335	219	3281
2	Nhiệt điện	1604	2045	1860	1288	600	8570
3	Nguồn NLTT+khác	346	107	297	4644	12060	17263
C	Tỷ lệ thực hiện (%)						
	Toàn hệ thống	91%	113%	72%	102%	277%	132%
1	Thủy điện	69%	212%	184%	85%	0%	91%
2	Nhiệt điện	122%	109%	65%	27%	20%	53%
3	Nguồn NLTT+khác	119%	26%	31%	495%	1222%	484%

Theo Quy hoạch điện VII điều chỉnh và các quyết định bổ sung, công suất nguồn điện quy hoạch cho giai đoạn 2016 - 2030 là 109.090 MW, trong đó các năm 2016 - 2020 là 35.470 MW, 2021 - 2025 là 45.030 MW, 2026 - 2030 là 28.590 MW.

Trong giai đoạn 2011 - 2020, về cơ bản hệ thống điện đảm bảo cung cấp điện năng phục vụ phát triển kinh tế xã hội và an ninh quốc phòng: Phụ tải tăng trưởng sát với dự báo tại Quy hoạch điện VII điều chỉnh. Xây dựng nguồn điện đạt 132% tổng công suất đặt so với Quy hoạch cho giai đoạn 2016 - 2020 nhưng cơ cấu xây dựng lại khác biệt: các nguồn nhiệt điện chỉ đạt 60% trong khi các nguồn năng lượng tái tạo lại vượt mức tới 480%. Điều này sẽ gây nguy cơ thiếu điện trong ngắn hạn do chậm tiến độ các nguồn điện.

Tỷ lệ thực hiện một số chỉ tiêu tính cho cả 02 giai đoạn Quy hoạch điện VII và Quy hoạch điện VII điều chỉnh (2011 - 2020) là chưa đạt được: Tỷ lệ thực

hiện phát triển nguồn điện đạt khoảng 80% so với quy hoạch (thực tế, các nguồn nhiệt điện than và khí thực hiện được 63%, thủy điện được 61%). Phát triển nguồn điện mất cân bằng giữa các vùng miền. Nhiều nguồn điện khu vực miền Bắc chậm tiến độ dẫn tới tình trạng thiếu hụt công suất nguồn điện vào một số thời điểm. Năng lượng tái tạo phát triển nhanh tại cuối kỳ quy hoạch tại miền Trung và miền Nam.

- Về lưới điện

Hệ thống điện Việt Nam hiện đang vận hành với nhiều cấp điện áp từ hạ áp (0,4 kV) đến trung áp (6-35 kV), cao áp (110, 220 kV) và siêu cao áp (500 kV). Đến cuối năm 2020, cả nước có 8.527 km đường dây 500 kV, 18.477 km đường dây 220 kV, 37 trạm biến áp 500 kV, tổng dung lượng 42.900 MVA, 136 trạm biến áp 220 kV, tổng dung lượng 67.824 MVA. Ngoài ra, có 866 trạm biến áp, 24.318 km đường dây 110 kV, 360.000 km lưới điện trung áp, 350.000 km lưới điện hạ áp, đảm bảo cung ứng điện cho 28,94 triệu khách hàng, 100% số xã, 99,47% số hộ dân (99,18% số hộ dân nông thôn)².

Lưới điện truyền tải 220 - 500 kV cơ bản đảm bảo vai trò xương sống của hệ thống điện quốc gia. Tổn thất điện năng của hệ thống điện giảm nhiều năm liên tục, năm 2020 còn 6,42%. Chỉ số thời gian mất điện bình quân khách hàng trong năm (SAIDI) đã giảm mạnh từ 2.281 phút vào năm 2015 xuống 356 phút vào năm 2020. Tuy nhiên, tỷ lệ thực hiện đường dây 500 kV so với quy hoạch chỉ là 72,2%, đường dây 220 kV là 80%, tại một số khu vực vẫn còn xuất hiện tình trạng đầy và quá tải lưới điện, chưa đáp ứng tiêu chí N-1 về độ tin cậy.

1.2. Về đầu tư phát triển điện lực

Một trong những chính sách về đầu tư phát triển điện lực quan trọng được quy định trong Luật Điện lực là *“thu hút mọi thành phần kinh tế tham gia hoạt động phát điện, phân phối điện, bán buôn điện, bán lẻ điện và tư vấn chuyên ngành điện lực. Nhà nước độc quyền trong hoạt động truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia, xây dựng và vận hành các nhà máy điện lớn...”*.

Trong giai đoạn 2005 - 2020, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, nhu cầu sử dụng điện trong toàn quốc ngày càng cao. Công tác đầu tư phát triển điện lực ngày càng phát triển, đáp ứng nhu cầu sử dụng điện cho nền kinh tế - xã hội và sinh hoạt của nhân dân. Kết quả đạt được như sau:

1.2.1. Về đáp ứng nhu cầu điện của nền kinh tế và xã hội

Ngành điện với nòng cốt và trực tiếp là Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), cùng với các Tổng công ty phát điện của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và các doanh nghiệp phát điện tư nhân, các dự án nguồn điện theo hình thức Xây dựng - Vận hành - Chuyển giao

² Tham khảo theo Đề án Quy hoạch điện VIII và Tờ trình số 2279/TTr-BCT ngày 29/4/2022 của Bộ Công Thương trình Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch điện VIII

(BOT) khác trong thời gian qua đã cơ bản đáp ứng đầy đủ nhu cầu điện cho sản xuất, kinh doanh, sinh hoạt của nhân dân và cho an ninh quốc phòng.

Năm 2020, tổng điện thương phẩm toàn quốc đạt mức 215,271 tỷ kWh và công suất cực đại toàn hệ thống đạt 38.617 MW. Điện thương phẩm của cả nước luôn duy trì tăng trưởng cao với tốc độ trung bình hàng năm cả giai đoạn 2005 - 2020 là 11,1%, trong đó giai đoạn 2005 - 2010 là 13,8%/năm, giai đoạn 2011 - 2015 là 10,7%/năm và giai đoạn 2016 - 2020 là 7,7 %/năm. Công suất cực đại của hệ thống tăng trưởng cao với tốc độ trung bình hàng năm cả giai đoạn 2005 - 2020 là 10%, trong đó giai đoạn 2005 - 2010 là 10,7 %/năm, giai đoạn 2011 - 2015 là 10,7%/năm và giai đoạn 2016 - 2020 là 8,3 %/năm.

Bộ Công Thương đã chỉ đạo EVN bám sát nhu cầu sử dụng điện, tình hình thủy văn và khả năng đảm bảo các nguồn nhiên liệu cho phát điện, huy động hợp lý các nguồn điện để tối ưu chi phí sản xuất và mua điện, hệ thống điện vận hành cơ bản an toàn, ổn định và có dự phòng ở miền Bắc và miền Trung, riêng khu vực miền Nam trong một số thời điểm mức dự phòng thấp hoặc không tự cân đối cung - cầu nội miền. Hàng năm, EVN đã phối hợp tốt với các địa phương để kết hợp hài hòa giữa khai thác thủy điện và cung cấp nước hạ du cho sản xuất nông nghiệp, đầy mặn và các nhu cầu dân sinh ở vùng hạ du các hồ chứa thủy điện.

Tổng hợp công suất cực đại và điện thương phẩm toàn quốc giai đoạn 2005 - 2010 - 2015 - 2020 trong bảng dưới đây³:

Hạng mục	2005	2010	2015	2020
Phụ tải cực đại hệ thống (MW)	9.255	15.416	25.809	38.617
Tốc độ tăng trưởng công suất đặt trung bình hàng năm giai đoạn 5 năm (%/năm)	Giai đoạn	2005-2010	2011-2015	2016-2020
		10,7%	10,9%	8,4%
Tổng điện thương phẩm (tỷ kWh)	44,921	85,586	143,340	216,826
Tốc độ tăng trưởng điện thương phẩm trung bình giai đoạn 5 năm (%/năm)	Giai đoạn	2005-2010	2011-2015	2016-2020
		13,8%	10,7%	7,7%
Hệ số đàn hồi điện giai đoạn 5 năm (tăng trưởng điện thương phẩm so với tăng trưởng GDP)		2,17	1,84	1,44

³ Số liệu từ các Tổng công ty Điện lực và Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia (NLDC)

1.2.2. Về đầu tư xây dựng hạ tầng cung cấp điện và vận hành hệ thống điện

Công tác đầu tư xây dựng nguồn và lưới điện đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu điện cả nước. Các dự án, công trình trọng điểm, cấp bách của EVN đảm bảo được tiến độ yêu cầu, đã hoàn thành nhiều công trình nguồn và lưới điện, tăng cường năng lực cấp điện cho hệ thống điện quốc gia. Bên cạnh đầu tư phát triển nguồn điện về chiều rộng để đảm bảo nhu cầu sử dụng điện, EVN đã quan tâm đầu tư theo chiều sâu để đảm bảo chất lượng điện năng và tăng độ tin cậy cung cấp điện. Trong các năm gần đây, EVN đã chú trọng ứng dụng công nghệ mới để nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống điện; nâng cao hiệu suất vận hành các nhà máy điện, cải thiện các chỉ tiêu độ tin cậy cung cấp điện; từng bước chuẩn hóa thiết bị trên hệ thống điện, nâng cao mức độ tự động hóa trong hệ thống điện nhờ việc ứng dụng các giải pháp, công nghệ lưới điện thông minh; tỷ lệ trạm biến áp không người trực ngày được tăng lên, góp phần nâng cao hiệu quả và hiệu suất lao động của ngành điện.

a) Về đầu tư phát triển nguồn điện

Hệ thống điện Việt Nam có tổng công suất đặt đối với tất cả các loại nguồn điện tính đến cuối năm 2020 đạt khoảng 62.676 MW (nếu tính cả điện mặt trời áp mái, công suất đặt lên khoảng 69.300 MW). Tốc độ tăng trưởng công suất đặt nguồn điện trung bình hàng năm cả giai đoạn 2005 - 2020 là 11,9%/năm, trong đó giai đoạn 2005 - 2010 là 13,2%/năm, giai đoạn 2011 - 2015 là 13%/năm và giai đoạn 2016 - 2020 là 9,6%/năm. Điện sản xuất (cả nhập khẩu) tính đến cuối năm 2020 đạt 245,9 tỷ kWh. Tốc độ tăng trưởng điện sản xuất tính cả nhập khẩu trung bình hàng năm giai đoạn 2005 - 2020 là 10,9%/năm, trong đó giai đoạn 2005 - 2010 là 14%/năm, giai đoạn 2011 - 2015 là 10,2%/năm và giai đoạn 2016 - 2020 là 8,6%/năm. Từ năm 2015 tới nay, tổng công suất nguồn điện Việt Nam xếp thứ 2 Đông Nam Á (sau Indonesia) và thứ 23 thế giới.

Tổng hợp công suất đặt và điện sản xuất của nguồn điện giai đoạn 2005 - 2010 - 2015 - 2020 trong bảng dưới đây:⁴

Hạng mục	2005	2010	2015	2020
Tổng công suất đặt (MW)	11.576	21.542	39.643	62.676
Tốc độ tăng trưởng công suất đặt trung bình hàng năm giai đoạn 5 năm (%/năm)	Giai đoạn	2005-2010	2011-2015	2016-2020
		13,2%	13,0%	9,6%
Tổng điện sản xuất (tỷ kWh)	52,075	100,432	163,039	245,898

⁴ Số liệu báo cáo vận hành năm của NLDC, số liệu đã bao gồm cả điện nhập khẩu. Thủy điện nhỏ đã được tính vào nguồn thủy điện nói chung. Nguồn NLTT ở đây gồm: điện gió, điện mặt trời và điện sinh khối.

Hạng mục	2005	2010	2015	2020
Tốc độ tăng trưởng điện sản xuất trung bình giai đoạn 5 năm (%/năm)	Giai đoạn	2005-2010	2011-2015	2016-2020
		14,0%	10,2%	8,6%

b) Về đầu tư phát triển lưới điện

Theo quy định của Luật Điện lực và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Điện lực, hệ thống điện quốc gia Việt Nam hiện đang vận hành với các cấp điện áp cao áp 500kV, 220 kV, 110kV, các cấp điện áp trung áp từ 35kV tới 6kV và cấp điện áp hạ áp 0,4kV.

Khối lượng phát triển lưới điện truyền tải giai đoạn 2005-2020 như sau:⁵

Hạng mục	2005		2010		2015		2020	
	km	MVA	km	MVA	km	MVA	km	MVA
500kV	3.265	6.150	3.890	12.000	6.957	22.500	8.510	42.900
220kV	5.230	14.890	10.015	20.020	14.198	39.103	18.477	67.824
110kV	10.874	18.459	13.141	28.183	19.414	49.556	24.318	84.898
Tổng	19.369	39.499	27.046	60.203	40.569	111.159	111.305	195.622

Do đặc thù về địa lý, hệ thống điện Việt Nam được phân làm 3 hệ thống điện miền: miền Bắc, miền Trung và miền Nam, liên kết với nhau chủ yếu qua hệ thống các đường dây truyền tải điện 220-500kV. Hệ thống điện truyền tải 500-220kV được đầu tư với khối lượng lớn đã đáp ứng yêu cầu đấu nối giải tỏa công suất các dự án nguồn điện và tăng cường năng lực truyền tải điện giữa các vùng, miền. Đặc biệt là các công trình trên hệ thống truyền tải 500kV Bắc - Nam, các công trình kết nối khép kín mạch vòng 500kV tại các vùng kinh tế trọng điểm miền Bắc, miền Nam và kết nối lưới điện cấp điện áp 500kV Đông Nam Bộ với Tây Nam Bộ. Các công trình đường dây và trạm biến áp 220kV đã được đầu tư, xây dựng đến hầu hết các tỉnh, thành phố để đáp ứng nhu cầu điện các địa phương và các thành phố lớn như TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh.

Lưới điện 220kV, 110kV và lưới trung thế đã phát triển vươn tới tất cả các tỉnh, thành phố, góp phần tăng tỷ lệ điện khí hóa nông thôn. Năm 2005: tỷ lệ

⁵ Tham khảo số liệu báo cáo Quy hoạch điện VI và báo cáo vận hành năm của NLDC.

quận, huyện có điện lưới là 98%, phường, xã cả nước có điện lưới là 96,55% và số hộ dân nông thôn có điện đạt 90,65%; năm 2010: tỷ lệ quận, huyện có điện lưới là 100%, số hộ của cả nước có điện lưới là 97,31% và số hộ dân nông thôn có điện đạt 96,29%; tính đến cuối năm 2020 tỷ lệ 100% phường, xã cả nước có điện lưới và 99,54% số hộ của cả nước có điện lưới, trong đó số hộ dân nông thôn có điện đạt mức 99,3%.

1.2.3. Về đầu tư phát triển điện nông thôn, miền núi, hải đảo

Thực hiện chính sách phát triển điện lực “Ưu tiên phát triển điện phục vụ nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn”, công tác đầu tư cấp điện nông thôn, miền núi được chú trọng, đặc biệt khu vực chưa có điện.

a) Giai đoạn 2005 - 2013

Là giai đoạn phát triển cả chiều rộng và chiều sâu của ngành điện, lưới điện quốc gia lan tỏa dần đến khu vực nông thôn khó khăn, khu vực miền núi và hải đảo, đồng thời củng cố hoàn thiện dần lưới điện ở những nơi đã có điện để đảm bảo cấp điện an toàn cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện chủ trương “Nhà nước và nhân dân cùng làm, Trung ương và địa phương cùng chung tay giải quyết điện khí hóa nông thôn”. Giai đoạn phát triển mạnh mẽ nhất từ năm 1998 đến năm 2013 khi có sự tham gia của các tổ chức tín dụng quốc tế, đã đầu tư cho phát triển lưới điện nông thôn khoảng 59.275 tỷ đồng, trong đó Ngân hàng Thế giới (WB) tài trợ 12 dự án với hơn 2 tỷ USD, các nhà tài trợ khác như Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) tài trợ 4 dự án với hơn 250 triệu USD; Ngân hàng Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) tài trợ 152 triệu USD; Ngân hàng Tái thiết Đức (KfW) tài trợ 152,96 triệu USD.

Kết quả đến năm 2013 tỷ lệ số hộ dân có điện đạt 97,76%, trong đó số hộ dân nông thôn có điện đạt 98,42%, tương đương khoảng 16,2 triệu hộ dân, Việt Nam trở thành một trong những nước đi đầu trên thế giới trong công tác đầu tư điện nông thôn.

b) Giai đoạn 2013 - 2020

Ngày 08 tháng 11 năm 2013, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2081/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo giai đoạn 2013 - 2020 với các nội dung chính như: Cung cấp điện từ lưới điện quốc gia cho khu vực nông thôn, miền núi, hải đảo; cùng với việc cung cấp điện từ nguồn năng lượng mới và tái tạo, thực hiện mục tiêu đến năm 2015 về cơ bản các xã trên toàn quốc có điện đưa đến trung tâm xã, đến năm 2020 hầu hết số hộ dân nông thôn có điện.

Thực hiện Quyết định số 2081/QĐ-TTg, giai đoạn 2013 - 2015 với mục tiêu số xã được cấp điện đạt 40 xã; số thôn, bản được cấp điện khoảng 2.500 thôn, bản; số hộ dân được cấp điện từ điện lưới quốc gia khoảng 140.800 hộ dân. Bằng các nguồn vốn chủ yếu của ngành công nghiệp, vay vốn ADB, WB và tự có của EVN đã hoàn thành mục tiêu cấp điện 40/40 xã (đạt 100%), khoảng 258.000 hộ dân thuộc 2.725 thôn, bản (vượt 83,2% kế hoạch), nâng tỷ lệ sử

dụng điện nông thôn đạt 98,65% hộ; EVN đã đầu tư và tiếp nhận bán điện trực tiếp các đảo/xã đảo/huyện đảo: Phú Quốc, Hòn Tre, Lại Sơn, Hòn Nghệ, Sơn Hải, Tiên Hải, Hòn Thơm, Cù Lao Chàm, Cồn Cỏ.

Ngày 26 tháng 8 năm 2016, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 73/NQ-CP phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu giai đoạn 2016 - 2020, trên cơ sở đó, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1740/QĐ-TTg ngày 13 tháng 12 năm 2018 phê duyệt Chương trình mục tiêu cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo, giai đoạn 2016 - 2020. Mục tiêu của Quyết định số 1740/QĐ-TTg là cung cấp điện từ lưới điện quốc gia, từ nguồn năng lượng tái tạo cho khu vực nông thôn, miền núi, hải đảo, thực hiện mục tiêu đến năm 2020 hầu hết số hộ dân nông thôn có điện, cụ thể như sau:

- Số xã chưa có điện được cấp điện: 17 xã (đạt 100% số xã có điện trên phạm vi cả nước); số thôn, bản được cấp điện khoảng 9.890 thôn, bản; số hộ dân được cấp điện từ điện lưới quốc gia khoảng 1.055.000 hộ dân; số hộ dân được cấp điện từ nguồn điện năng lượng tái tạo ngoài lưới điện quốc gia khoảng 21.000 hộ;

- Phát triển lưới điện cung cấp điện cho các trạm bơm tưới quy mô vừa và nhỏ khu vực đồng bằng sông Cửu Long (13 tỉnh/thành phố); xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các đường dây trung áp hiện có để cấp điện cho các trạm bơm điện quy mô vừa và nhỏ đã được quy hoạch đầu tư đến năm 2020 để đảm bảo chủ động tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, kết hợp cấp điện cho các hộ dân chưa có điện khu vực lân cận; tăng cường cấp điện cho các huyện đảo, xã đảo.

Tổng kết việc thực hiện Quyết định số 1740/QĐ-TTg trong giai đoạn 2016 - 2020 như sau:

- Vốn NSNN chỉ cấp được 4.743 tỷ đồng so với tổng nhu cầu vốn là 25.599 tỷ đồng, đạt 18,5%⁶, trong đó: Vốn NSTW (vốn trong nước) là 2.218 tỷ đồng; vốn nước ngoài (vốn ODA không hoàn lại của EU) là 2.525 tỷ đồng. Còn thiếu 81,5% tổng nhu cầu vốn (tương ứng với 20.856 tỷ đồng thuộc trách nhiệm NSTW), trong đó, 18 dự án/tỉnh chưa được bố trí vốn (Dự án do địa phương làm chủ đầu tư là Bắc Kạn, Kiên Giang, Vĩnh Long, Đảo Cồn Cỏ - Quảng Trị; EVN làm chủ đầu tư là Lai Châu, Thừa Thiên - Huế, Bình Định, Phú Yên, Gia Lai, Lâm Đồng, Bình Thuận, Tây Ninh, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Long An, Tiền Giang, Đồng Tháp), 08 dự án được bố trí vốn dưới 20%, 16 dự án bố trí vốn từ 20 - 50% và 05 dự án được bố trí vốn trên 50%.

- Đạt được mục tiêu cấp điện cho 17/17 xã (đạt 100%); cấp điện cho 5/5 đảo Lý Sơn, Bạch Long Vỹ, Nhơn Châu, Cù Lao Chàm, Trần và Cái Chiên (đạt 100%); số hộ dân được cấp điện 204.737/1.076.000 hộ dân (đạt 19,0%⁷) trên địa bàn 3.079 thôn, bản thuộc 1.107 xã; cấp điện trạm bơm: 89/2.727 trạm (đạt 3,26 %).

⁶ Tỷ lệ được xác định trên cơ sở phân trách nhiệm ngân sách trung ương

⁷ Trong đó: Cấp từ lưới điện lưới quốc gia: 204.120 hộ dân (đạt 19,35%); Cấp điện bằng NLTT: 617 hộ dân (đạt 2,94%).

Tính đến cuối năm 2020, số xã có điện trên cả nước đạt 100% và số hộ dân được sử dụng điện đạt 99,54%, trong đó số hộ dân nông thôn có điện đạt 99,3%.⁸

Như vậy, một số mục tiêu chủ yếu của Chương trình theo Quyết định số 1740/QĐ-TTg giai đoạn 2016 - 2020 chưa thực hiện được do nguyên nhân chính là thiếu vốn.

1.2.4. Về thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển nguồn điện, lưới điện phân phối và kinh doanh điện

Sau khi Luật Điện lực có hiệu lực, Thủ tướng Chính phủ và Bộ Công Thương đã tập trung chỉ đạo thực hiện chủ trương, giải pháp thúc đẩy đa dạng hóa các hình thức tham gia đầu tư phát triển nguồn điện, lưới điện.

a) Đối với nguồn điện, ngoài các Tập đoàn kinh tế nhà nước, đã có các nhà đầu tư tư nhân, liên doanh triển khai thực hiện đầu tư các dự án nguồn điện theo hình thức nhà máy điện độc lập (IPP) và các dự án nguồn điện theo hình thức Xây dựng - Vận hành - Chuyển giao (BOT). Đối với nguồn điện năng lượng tái tạo: Trong giai đoạn 2005 - 2015 nguồn năng lượng tái tạo trong hệ thống rất nhỏ và mức không thay đổi, chỉ khoảng 50 MW - 70 MW và chiếm tỷ trọng rất nhỏ khoảng 0,3%-0,4% tổng công suất nguồn trong hệ thống. Thực hiện chính sách của Luật Điện lực về: “*Đẩy mạnh việc khai thác và sử dụng các nguồn năng lượng mới, năng lượng tái tạo để phát điện; có chính sách ưu đãi đối với dự án đầu tư phát triển nhà máy phát điện sử dụng các nguồn năng lượng mới, năng lượng tái tạo*”, Chính phủ đã ban hành Chiến lược năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 25 tháng 11 năm 2015, đưa ra các mục tiêu chiến lược cụ thể đối việc đẩy mạnh phát triển các nguồn năng lượng tái tạo tới năm 2030, tầm nhìn tới năm 2050 và ban hành các cơ chế khuyến khích phát triển các dự án năng lượng tái tạo (điện mặt trời, điện gió, điện sinh khối, phát triển điện sử dụng chất thải rắn). Nhờ các chính sách khuyến khích này, thời gian qua, đã có sự phát triển rất nhanh của năng lượng tái tạo ở Việt Nam (đặc biệt là điện mặt trời). Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng công suất các nguồn điện năng lượng tái tạo tăng trưởng cao, đạt 9.715 MW, chiếm tỷ trọng 15,5% công suất nguồn của toàn hệ thống điện Việt Nam, bao gồm: điện gió (538 MW), điện mặt trời (8.852 MW), sinh khối (326 MW)⁹ chưa tính đến 7.755 MW điện mặt trời mái nhà, góp phần đảm bảo cung ứng điện cho cả giai đoạn 2021 - 2025 và góp phần tích cực thực hiện các mục tiêu, cam kết quốc tế về giảm phát thải của Việt Nam và thế giới.

Tính đến năm 2021, EVN sở hữu, quản lý, vận hành khoảng 57% tổng công suất đặt nguồn điện toàn hệ thống (nếu tính cả các nguồn điện do EVN nắm giữ cổ phần chi phối thì lên tới khoảng 67% tổng công suất đặt toàn hệ thống); các nhà đầu tư nước ngoài (theo hình thức BOT) và các nhà đầu tư tư nhân trong nước khác (theo hình thức IPP) chỉ sở hữu, quản lý, vận hành khoảng

⁸ Báo cáo Tổng kết thi hành Luật Điện lực của Tập đoàn Điện lực Việt Nam ngày 25/5/2021.

⁹ Báo cáo vận hành năm 2020 của NLDC.

9% tổng công suất đặt nguồn điện toàn hệ thống; phần còn lại do các Tổng công ty/Tập đoàn nhà nước (như PVN; TKV; Tổng công ty lắp máy Việt Nam và Tổng công ty Sông Đà vừa qua đã sáp nhập lại là Tập đoàn xây dựng công nghiệp Việt Nam...) sở hữu, quản lý, vận hành. Giai đoạn 2012 - 2020, cơ cấu chủ sở hữu đối với nguồn điện như sau:¹⁰

Chủ sở hữu	Công suất đặt (MW)	Tỷ lệ (%)
EVN	8.925	14,34%
EVNGENCO 1	7.929	12,74%
EVNGENCO 2	4.420	7,10%
EVNGENCO 3	8.593	13,80%
PVN	5.005	8,04%
TKV	1.810	2,91%
BOT	5.253	8,44%
Tư nhân	19.670	31,60%
Nhập khẩu	572	1,00%
Khác	72	0,12%
Tổng	62.248	100%

Hiện nay, tỷ lệ tham gia của tư nhân đầu tư nguồn điện đã tăng lên đáng kể, từ 9% (năm 2011) đến nay đã tăng lên là 31,6%, góp phần không nhỏ trong đảm bảo cung cấp điện của hệ thống điện, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

b) Đối với lưới điện 110kV trở xuống, EVN vẫn là đơn vị đầu tư chủ yếu. Trong những năm trước đây, các doanh nghiệp tham gia bán lẻ điện vừa và nhỏ của tư nhân và các thành phần kinh tế khác ngoài EVN rất ít đầu tư cho lưới điện đến công tơ bán điện như Luật Điện lực quy định (ví dụ như Công ty CP điện lực Khánh Hòa, các hợp tác xã bán lẻ điện...). Tuy nhiên, những năm gần đây xuất hiện các doanh nghiệp tham gia bán lẻ điện tại các khu công nghiệp, có đầu tư lưới điện hoặc nhận vận hành lưới điện của khu công nghiệp. Nhiều khách hàng công nghiệp lớn cũng tự đầu tư phần lưới điện trong ranh giới đất được sử dụng và thoả thuận mua, bán điện với EVN ở cấp điện áp 110 kV hoặc cấp trung áp (theo ranh giới đầu tư).

¹⁰ Báo cáo Tổng kết vận hành hệ thống điện quốc gia năm 2020 của Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia.

c) Đối với lưới điện truyền tải: Đơn vị truyền tải hiện nay, Tổng công ty truyền tải điện quốc gia (EVNNPT), là tổng công ty nhà nước thuộc EVN được nhà nước giao thực hiện quyền và nghĩa vụ của đơn vị truyền tải điện theo Điều 40, Luật Điện lực. Trong giai đoạn vừa qua, đánh giá chung công tác đầu tư xây dựng nguồn và lưới điện đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu điện cho phát triển kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng của đất nước. Lưới điện truyền tải cơ bản đảm bảo vai trò xương sống của hệ thống điện quốc gia. Ngoài EVNNPT thực hiện vai trò chính trong công tác đầu tư lưới truyền tải thì một số công trình truyền tải điện như sân phân phối điện 500 kV tại các Trung tâm nhiệt điện như: Vũng Áng, Sông Hậu, Long Phú cũng được Chính phủ giao cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; lưới điện đấu nối thủy điện Hòa Bình do Tổng công ty Điện lực dầu khí đầu tư thực hiện đầu tư và bàn giao lại cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), EVNNPT quản lý, vận hành (bàn giao theo hình thức tặng, giảm vốn nhà nước). Một số nhà đầu tư tư nhân đã được Chính phủ cho phép thực hiện đầu tư lưới điện truyền tải và bàn giao lại cho ngành điện quản lý, vận hành như: trạm biến áp 500 kV Thuận Nam và lưới điện truyền tải 500 kV, 220 kV đấu nối vào hệ thống điện quốc gia do Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam đầu tư (theo phương án bàn giao cho EVN quản lý và không yêu cầu hoàn trả chi phí). Một số công trình trạm và đường dây 500 kV đấu nối đồng bộ dự án nguồn điện do nhà đầu tư tư nhân thực hiện đầu tư xây dựng, quản lý vận hành (thuê EVNNPT vận hành) như: Trạm 500 kV Nhơn Hòa; Trạm 500 kV Ea Súp; Trạm 500 kV Ea Nam; Trạm 500 kV Pleiku 3.

Nhìn chung, EVN đang quản lý vận hành hệ thống lưới điện truyền tải, phần lớn hệ thống lưới điện phân phối; hệ thống thu thập và truyền dữ liệu phục vụ điều độ hệ thống điện quốc gia và thống nhất quản lý, vận hành điều độ toàn bộ hệ thống điện quốc gia. EVN đang chiếm lĩnh khoảng trên 90% thị phần bán lẻ điện năng trên cả nước, phần còn lại do các tổ chức kinh doanh điện khác thực hiện.

2. Tạo lập cơ sở pháp lý khuyến khích phát triển nguồn năng lượng tái tạo (NLTT)

2.1. Việc ban hành chính sách khuyến khích phát triển nguồn NLTT

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước rất quan tâm đến phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam nhằm đáp ứng nhu cầu năng lượng và nhu cầu điện cho phát triển kinh tế - xã hội và phục vụ đời sống nhân dân, đảm bảo an ninh năng lượng và phát triển bền vững. Quan điểm này đã được thể hiện trong nhiều Nghị quyết của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cụ thể:

- Kết luận số 26-KL/TW ngày 24/10/2003 của Bộ Chính trị khoá IX về Chiến lược và quy hoạch phát triển ngành điện lực Việt Nam giai đoạn 2001 - 2010, định hướng đến năm 2020 đã nêu rõ quan điểm “*Sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả nguồn năng lượng sơ cấp của đất nước... Đẩy mạnh nghiên cứu phát triển các dạng năng lượng mới và tái tạo được để đáp ứng nhu cầu sử dụng điện, đặc biệt đối với các hải đảo, vùng sâu, vùng xa*”.

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2007 của Bộ Chính trị khoá X về

Định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia nêu rõ "*Phát triển đồng bộ, hợp lý và đa dạng hoá các loại hình năng lượng; ưu tiên khai thác, sử dụng triệt để và hiệu quả các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới, năng lượng sạch*".

- Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2013, Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường định hướng giải pháp “thực hiện bù giá 10 năm đầu đối với các dự án phát triển năng lượng mới, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, tái chế chất thải, sản xuất điện từ chất thải”.

- Gần đây nhất, Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị khoá XII cũng nhấn mạnh quan điểm chỉ đạo "*Phát triển đồng bộ, hợp lý và đa dạng hoá các loại hình năng lượng, ưu tiên khai thác, sử dụng triệt để và hiệu quả các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới, năng lượng sạch*”, đồng thời đặt ra nhiệm vụ "*Xây dựng các cơ chế, chính sách đột phá để khuyến khích và thúc đẩy phát triển mạnh mẽ các nguồn năng lượng tái tạo nhằm thay thế tối đa các nguồn năng lượng hoá thạch*".

- Quyết định số 2068/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 25 tháng 11 năm 2015 phê duyệt Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định 2068) với các nội dung chính sau: Khuyến khích huy động mọi nguồn lực để đẩy mạnh phát triển và sử dụng nguồn năng lượng tái tạo (NLTT), nhằm giảm sự phụ thuộc vào nguồn năng lượng hóa thạch, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng, giảm nhẹ biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế - xã hội bền vững; phát triển và sử dụng nguồn năng lượng tái tạo góp phần thực hiện các mục tiêu môi trường bền vững và phát triển nền kinh tế xanh. Tại Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 25/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (điểm 2 mục V Điều 1) giao Bộ Công Thương: "*Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt giá điện áp dụng cho các dự án sản xuất điện sử dụng năng lượng tái tạo nổi lười...Việc mua bán điện được thực hiện thông qua hợp đồng mua bán điện mẫu do Bộ Công Thương quy định*".

Thực hiện chủ trương, chính sách của Trung ương và Bộ Chính trị, Chính phủ qua các thời kỳ đã ban hành và chỉ đạo ban hành nhiều chính sách cụ thể nhằm khuyến khích phát triển các loại hình năng lượng tái tạo, cụ thể:

(i) Về phát triển điện mặt trời:

- Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời tại Việt Nam (đã hết hiệu lực vào 30/6/2019).

- Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 6 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời tại Việt Nam, (giá bán điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã hết hiệu lực vào 01/01/2021).

(ii) Về phát triển điện gió:

- Quyết định số 37/2011/QĐ-TTg ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế hỗ trợ phát triển điện gió tại Việt Nam (Nhà nước hỗ trợ tương đương 1,0 UScent/kWh từ Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam).

- Quyết định số 39/2018/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 37/2011/QĐ-TTg (giá bán điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã hết hiệu lực vào 01/11/2021).

(iii) Về phát triển điện sinh khối:

- Quyết định số 24/2014/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện sinh khối tại Việt Nam:

+ Đối với các dự án đồng phát nhiệt - điện: giá mua điện tại điểm giao nhận tương đương 5,8 UScent/kWh.

+ Đối với các dự án không phải đồng phát nhiệt - điện: áp dụng biểu giá chi phí tránh được cho điện sinh khối do Bộ Công Thương ban hành hàng năm.

- Quyết định số 08/2020/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 24/2014/QĐ-TTg.

(iv) Về phát triển điện sử dụng chất thải rắn:

- Quyết định số 31/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án phát điện sử dụng chất thải rắn tại Việt Nam.

2.2. Kết quả thực hiện

Chính sách giá FIT gồm các quy định về: giá điện ưu đãi với thời gian phù hợp đời sống dự án tạo tính minh bạch trong đánh giá tính khả thi; ưu tiên huy động điện phát từ nguồn năng lượng tái tạo; áp dụng hợp đồng mua bán điện mẫu...

Chính sách giá FIT được ban hành áp dụng trên cơ sở kinh nghiệm của thế giới đối với các nước có thị trường điện năng lượng tái tạo mới hình thành và phát triển, các điều kiện thị trường điện chưa sẵn sàng, các dịch vụ, sản xuất phụ trợ chưa sẵn sàng, chi phí phát triển nguồn điện năng lượng tái tạo cao hơn so với các nguồn điện truyền thống, là cơ chế khuyến khích của Nhà nước chỉ được áp dụng trong thời gian nhất định để khuyến khích thu hút đầu tư vào những lĩnh vực cần đầu tư. Kinh nghiệm phát triển tại các nước trên thế giới cũng như thực tế tại Việt Nam cho thấy chính sách, cơ chế giá FIT là công cụ tốt để thúc đẩy phát triển nguồn điện công nghệ NLTT mới, sạch trong giai đoạn đầu phát triển.

Một số kết quả về phát triển NLTT trong những năm qua như sau:

- Góp phần cung ứng điện năng cho sản xuất, sinh hoạt: Tính đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021, đã có 16.364 MW điện mặt trời, hơn 3.987 MW điện gió, 318 MW điện sinh khối và điện chất thải rắn. Kết quả thực tế năm 2019, 2020 và 2021, sản lượng điện phát từ nguồn điện năng lượng tái tạo đạt tương ứng 5,242 tỷ kWh, 10,994 tỷ kWh và gần 30 tỷ kWh đã góp phần giảm đáng kể điện chạy

dầu giá cao. Nếu so sánh số liệu nguồn điện dầu thực tế được huy động với dự báo của EVN thì điện chạy dầu đã giảm 2,17 tỷ kWh năm 2019 và giảm 4,2 tỷ kWh năm 2020 (tiết kiệm khoảng 10.850 tỷ đồng - 21.000 tỷ đồng). Các nguồn điện năng lượng tái tạo đã hỗ trợ tích cực cung cấp nguồn điện cho miền Bắc khi miền Bắc thiếu nguồn, phụ tải tăng cao (như thời gian tháng 5-6 năm 2021), góp phần đảm bảo cung ứng điện cho cả giai đoạn 2021 - 2025, giảm phát thải khí nhà kính và các phát thải ô nhiễm khác như SOx, NOx, bụi, nhiệt.

- Phát triển thị trường đầu tư và công nghệ NLTT trong nước

Thúc đẩy mạnh mẽ các doanh nghiệp trong nước đầu tư vào các dự án điện mặt trời, điện gió, điện sinh khối; huy động hiệu quả, kịp thời nguồn tài chính thương mại trong nước tham gia đầu tư các dự án NLTT; giảm gánh nặng đầu tư nguồn điện từ ngân sách nhà nước.

Tăng cường năng lực, kinh nghiệm về đầu tư, xây dựng, lắp đặt, dịch vụ, của nhà đầu tư tư nhân, định chế tài chính, công ty tư vấn và dịch vụ, thi công xây dựng trong lĩnh vực NLTT.

Thúc đẩy thị trường sản xuất thiết bị điện trong nước như tấm quang điện, các thiết bị điện, dây cáp điện, tủ bảng điện...

- Phát triển công nghệ hạ tầng lưới điện tích hợp nguồn NLTT và giảm tổn thất truyền tải

Yêu cầu phát triển điện NLTT đã thúc đẩy ngành điện tăng cường nghiên cứu, đầu tư nâng cấp lưới điện nhằm gia tăng khả năng dự báo, điều độ, tích hợp nguồn điện NLTT một cách tối ưu, hiệu quả.

Các nguồn điện NLTT phân tán cung cấp hiệu quả cho phụ tải điện tại chỗ, giảm tổn thất truyền tải.

- Góp phần thúc đẩy nền kinh tế địa phương

Phát triển NLTT đã giúp khai thác có hiệu quả các vùng đất khô cằn, hiệu quả sản xuất nông nghiệp thấp; nâng cao nhận thức của người dân đối với các nguồn điện năng lượng tái tạo, huy động nguồn vốn trực tiếp từ người dân tham gia đầu tư điện mặt trời mái nhà; bổ sung nguồn ngân sách đáng kể cho các địa phương có tiềm năng; huy động nguồn lao động sẵn có tại địa phương.

3. Triển khai có hiệu quả các giải pháp để thực hiện nhiệm vụ tiết kiệm điện trong các khâu phát điện, truyền tải điện, phân phối điện và sử dụng điện

3.1. Công tác thông tin tuyên truyền, tư vấn về tiết kiệm điện

Hầu hết Ủy ban nhân dân 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã chỉ đạo các cơ quan chức năng tại địa phương xây dựng, trình ban hành và tổ chức thực hiện các Chương trình hành động 05 năm và hàng năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả với các chỉ tiêu định lượng về mức tiết kiệm năng lượng.

Các tổ chức chính trị xã hội như Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh,... đã vào cuộc và luôn luôn đi đầu trong công tác tuyên truyền, vận động quần chúng, gắn nội dung sử dụng năng

lượng tiết kiệm và hiệu quả vào chương trình sinh hoạt thường kỳ của các chi hội, đã có đóng góp không nhỏ trong việc nâng cao nhận thức cộng đồng ở khắp các phường, xã trong cả nước.

Các phương tiện thông tin đại chúng như các chương trình truyền hình, phát thanh, các báo viết, báo mạng ở Trung ương và các địa phương đã thường xuyên cập nhật các thông tin, các kiến thức về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, định kỳ hàng tháng, hàng quý phát sóng, đưa thông tin đến với người dân.

Tập đoàn điện lực Việt Nam đã triển khai các chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (SDNLTK&HQ) nói chung và tuyên truyền tiết kiệm điện nói riêng; phối hợp với các cơ quan, các tổ chức chính trị - xã hội từ Trung ương tới địa phương thực hiện các chương trình tuyên truyền tiết kiệm điện có hiệu quả như: “Giờ trái đất”, “Gia đình tiết kiệm điện”, “Tiết kiệm trong học đường”, “Tuyến phố tiết kiệm điện”, “Thay đèn sợi đốt/đèn compact bằng đèn LED”, “Tư vấn sử dụng điện an toàn, tiết kiệm và hiệu quả”, Chỉ thị số 171/CT-TTg ngày 26 tháng 01 năm 2011, Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 07 tháng 08 năm 2017 và Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 07 tháng 05 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường tiết kiệm điện...

Thông qua các hoạt động tuyên truyền và giáo dục cộng đồng, hơn 85% người dân Việt Nam biết và được tiếp cận với các kiến thức về tiết kiệm năng lượng; nhận thức của cộng đồng về sử dụng hiệu quả tài nguyên, tiết kiệm năng lượng, đảm bảo được an ninh năng lượng quốc gia ngày càng được nâng cao.

3.2. Kết quả thực hiện tiết kiệm điện

3.2.1. Kết quả tiết kiệm điện/năng lượng giai đoạn 2006 - 2010

Trong giai đoạn 2006 - 2010 đã thực hiện được các hầu hết mục tiêu đã đề ra, đặc biệt đã góp phần giảm 3,4% tổng tiêu thụ năng lượng trong cả giai đoạn. Bảng dưới đây tổng hợp kết quả tính toán tỷ lệ tiết kiệm năng lượng trong từng năm:

Mục	Đơn vị	2006	2007	2008	2009	2010	2006 - 2010
Tiêu thụ NLTM	<i>KTOE</i>	22.701	25.619	28.493	29.787	32.801	139.400
Tăng trưởng NLTM	<i>%/năm</i>	3%	13%	11%	5%	10%	
Tổng GDP	<i>Tỷ VNĐ</i>	425.373	461.344	490.498	516.568	550.145	
Tăng trưởng GDP	<i>%</i>	8,23%	8,46%	6,32%	5,32%	6,50%	

Mục	Đơn vị	2006	2007	2008	2009	2010	2006 - 2010
Tiêu thụ NLTM giả thiết	<i>KTOE</i>	23.581	26.576	29.003	31.173	33.968	144.300
NLTM tiết kiệm	<i>KTOE</i>	881	957	510	1.386	1.167	4.900
Tỷ lệ tiết kiệm		3,7%	3,6%	1,8%	4,4%	3,4%	3,4%

3.2.2. Kết quả tiết kiệm điện/năng lượng trong giai đoạn 2011 - 2015

Giai đoạn từ 2011 - 2015 được tính bằng hiệu số giữa năng lượng tiêu thụ giả thiết (BAU) và năng lượng tiêu thụ thực tế.

Hạng mục	Đơn vị	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2011-2015	2012-2015
Cường độ năng lượng giả thiết (BAU)	<i>kgOE /1000 USD</i>	428.8	428.8	428.8	428.8	428.8	428.8	428.8	428,8
Tiêu thụ năng lượng giả thiết (BAU)	<i>KTOE</i>	33,570	35,662	37,533	39,568	41,934	44,534	199,233	163.570
Tiêu thụ năng lượng thực tế	<i>KTOE</i>	33,570	34,502	35,216	36,987	39,552	41,715	187,971	153.469
Lượng năng lượng tiết kiệm	<i>KTOE</i>	-	1,160	2,317	2,582	2,382	2,820	11,261	10.101
Tỷ lệ tiết kiệm		0.0%	3.3%	6.2%	6.5%	5.7%	6.3%	5.65%	6,18%

Kết quả tính toán thu được từ giả thiết trên cho thấy, tỷ lệ tiết kiệm năng lượng

cộng dồn cho giai đoạn 2011 - 2015 sẽ là 5,65%, giai đoạn 2012 - 2015 sẽ là 6,18%.

Biểu số liệu dưới đây là số liệu đầu vào được sử dụng cho phương pháp chia tách nhằm tính toán ảnh hưởng của thay đổi cơ cấu kinh tế và tác động thực sự của việc hành vi thực hiện tiết kiệm năng lượng ở các ngành (thông qua thay đổi cường độ của các ngành kinh tế). Lưu ý rằng, tiêu thụ năng lượng của ngành Dịch vụ đã bao gồm Giao thông vận tải và khu vực Dân dụng.

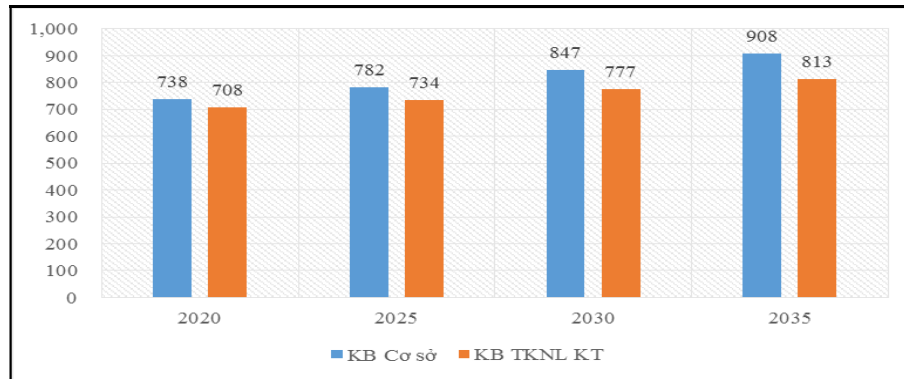
Hạng mục	Đơn vị	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Tổng GDP	<i>Triệu USD, Giá 2010</i>	115,932	123,166	129,629	136,658	144,835	154,509
Nông nghiệp	<i>Triệu USD, Giá 2010</i>	21,901	24,731	25,498	25,117	24,266	24,850.27
Công nghiệp	<i>Triệu USD, Giá 2010</i>	44,319	46,679	50,070	52,349	48,141	52,781.14
Dịch vụ	<i>Triệu USD, Giá 2010</i>	49,712	51,756	54,061	59,192	72,428	76,877.20
Tổng tiêu thụ NL	<i>KTOE</i>	33,570	34,502	35,048	36,978	39,552	41,715
Nông nghiệp	<i>KTOE</i>	580	624	617	604	615	636
Công nghiệp	<i>KTOE</i>	14,516	15,584	16,105	17,151	18,992	19,718
Dịch vụ	<i>KTOE</i>	18,474	18,294	18,326	19,223	19,945	21,361

3.2.3. Kết quả tiết kiệm điện/năng lượng đến năm 2020 và dự báo cho các giai đoạn tiếp theo

a) Đối với khu vực nông nghiệp

Về cơ bản, nền nông nghiệp Việt Nam có tỷ lệ cơ giới hóa thấp, chăn nuôi quy mô lớn chưa được nhân rộng và đánh bắt gàn bò vẫn còn phổ biến nên tiêu thụ năng lượng của ngành vẫn ở mức rất thấp. Theo thống kê, ngành nông nghiệp Việt Nam đóng góp 16,1% vào tổng GDP năm 2015 nhưng chỉ tiêu thụ 1,2% tổng tiêu thụ năng lượng, tương đương với 636 KTOE. Chỉ hai phân ngành chính: Đánh bắt thủy hải sản và tưới tiêu, nông nghiệp khác được sử dụng để tính toán tiềm năng tiết kiệm năng lượng cho khu vực nông nghiệp. Kết quả so với Kịch bản cơ sở, tỷ lệ năng lượng tiết kiệm sẽ là 4,2% 6,2%, 8,2% và 10,4% tương ứng ở các năm 2020, 2025, 2030 và 2035.

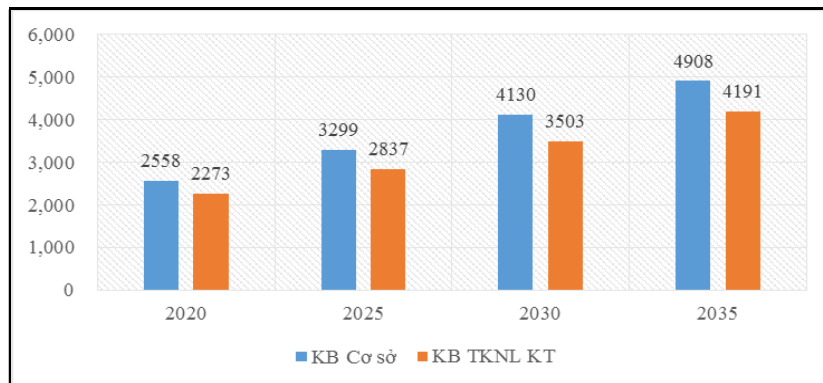
**Dự báo nhu cầu Sử dụng - Tiết kiệm năng lượng khu vực Nông nghiệp
(đơn vị: KTOE)**



b) Khu vực Dịch vụ

Ngành dịch vụ có mức đóng góp vào tổng GDP cao nhưng có tỷ trọng trong tổng tiêu thụ năng lượng cuối cùng thấp, chỉ với 3,4% trong tổng tiêu thụ năng lượng cuối cùng năm 2015. Tuy nhiên, theo dự báo, đây sẽ là ngành có tốc độ tăng trưởng tiêu thụ năng lượng cao trong giai đoạn tới. Kịch bản tiết kiệm năng lượng giả thiết rằng cường độ năng lượng của ngành này giảm dần, tới 15% vào năm 2035, đồng thời tỷ lệ chuyên hóa nhiên liệu cao, đầu DO gần như biến mất vào năm 2035.

**Dự báo nhu cầu Sử dụng - Tiết kiệm năng lượng khu vực Dịch vụ
(đơn vị: KTOE)**



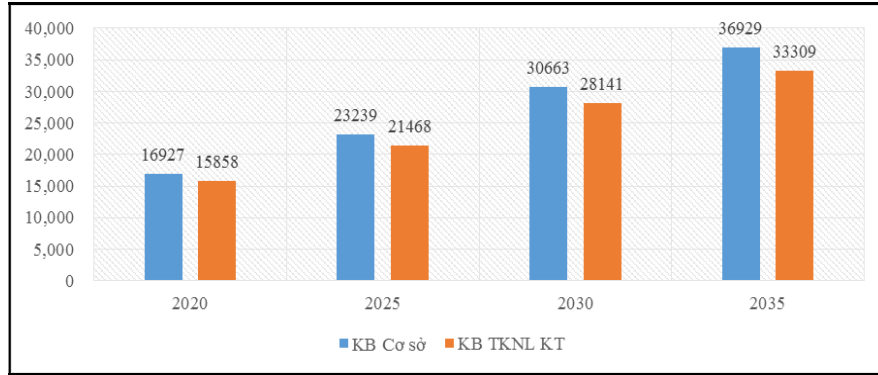
Kết quả tính toán cho thấy, tỷ lệ năng lượng tiết giảm so với năng lượng tiêu thụ ở Kịch bản cơ sở sẽ là 11,1%, 14,0%, 14,6% và 15,0% tương ứng ở các năm 2020, 2025, 2030 và 2035.

c) Khu vực Giao thông vận tải

Giao thông vận tải là một ngành phức tạp, có nhiều hình thức vận tải và công nghệ khác nhau. Với giả thiết là tiêu thụ nhiên liệu đường hàng không được giữ nguyên, kết quả tính toán cho thấy, tỷ lệ năng lượng tiết giảm so với năng lượng tiêu thụ ở Kịch bản cơ sở sẽ là 6,3%, 7,6%, 8,2% và 9,8% tương ứng ở các năm 2020, 2025, 2030 và 2035.

Dự báo nhu cầu Sử dụng - Tiết kiệm năng lượng khu vực Giao thông vận tải

(đơn vị:KTOE)

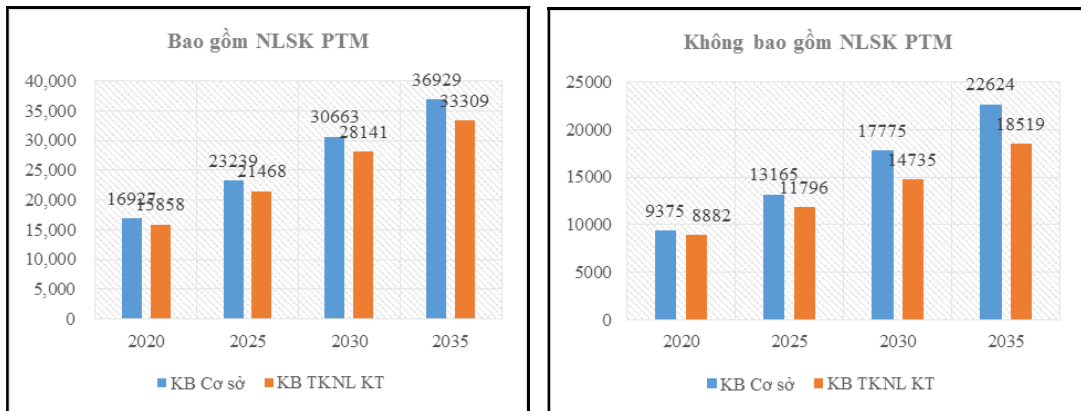


d) Khu vực Hộ gia đình

Mỗi hộ gia đình có 04 nhu cầu chính cần tiêu thụ năng lượng/nhiên liệu được thể hiện dưới đây, kèm theo các loại công nghệ và thiết bị được sử dụng tương ứng.

Dự báo nhu cầu Sử dụng - Tiết kiệm năng lượng khu vực Hộ gia đình

(đơn vị: KTOE)

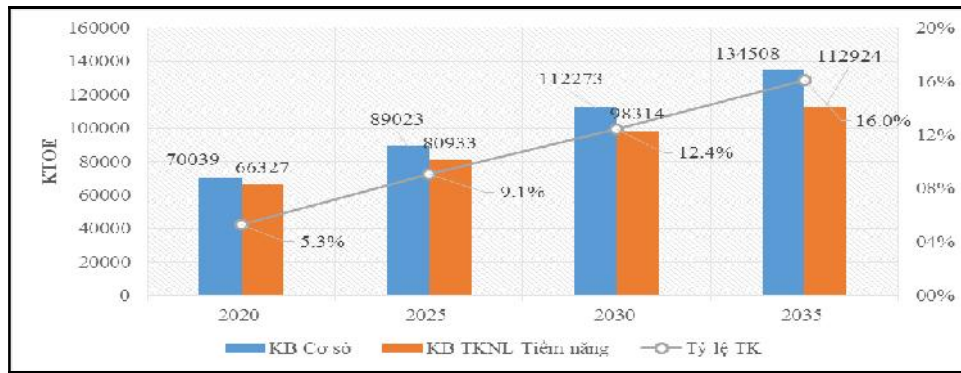


Kết quả tính toán cho thấy, tỷ lệ năng lượng tiết giảm so với năng lượng tiêu thụ ở Kịch bản cơ sở, đã bao gồm năng lượng sinh khối phi thương mại sẽ là 4,0%, 7,2%, 12,9% và 14,3% tương ứng ở các năm 2020, 2025, 2030, 2035. Nếu như chỉ tính đến các dạng năng lượng thương mại, tỷ lệ năng lượng tiết giảm còn cao hơn đạt 5,3%, 10,4%, 17,1% và 18,1% tương ứng ở các năm 2020, 2025, 2030 và 2035.

đ) Khu vực Công nghiệp

Kết quả đánh giá cho thấy tiềm năng tiết kiệm năng lượng tương đối cao với tỷ lệ tiết kiệm năng lượng 5,3%; 9,1%; 12,4% và 16,0% trên tổng tiêu thụ năng lượng cuối cùng theo Kịch bản cơ sở vào các năm 2020, 2025, 2030 và 2035.

Tổng hợp kết quả dự báo mức tiết kiệm năng lượng (đơn vị KTOE)



4. Tạo lập cơ sở pháp lý từng bước xây dựng và phát triển thị trường điện lực cạnh tranh các cấp độ (phát điện cạnh tranh, bán buôn điện cạnh tranh, bán lẻ điện cạnh tranh)

4.1. Về việc phân cấp, phân quyền trong thị trường điện

Theo quy định tại Luật Điện lực, việc thực hiện phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thị trường điện đã được thực hiện như sau:

4.1.1. Phân cấp về ban hành các quy định pháp lý

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật Điện lực, Thủ tướng Chính phủ quy định điều kiện, cơ cấu ngành điện để hình thành và phát triển các cấp độ thị trường điện lực, lộ trình phát triển thị trường điện lực. Căn cứ vào đó, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 26/2006/QĐ-TTg ngày 26 tháng 01 năm 2006, sau này được thay thế bởi Quyết định số 63/2013/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định về lộ trình, các điều kiện và cơ cấu ngành điện để hình thành và phát triển các cấp độ thị trường điện lực tại Việt Nam.

Theo Khoản 3 Điều 21 Luật Điện lực, Bộ Công Thương được giao thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Quy định các hoạt động giao dịch trên thị trường điện
- Hướng dẫn thực hiện các hoạt động điều hành giao dịch thị trường điện phù hợp với từng cấp độ của thị trường điện;

Căn cứ vào đó, Bộ Công Thương đã ban hành các thông tư quy định vận hành thị trường điện phù hợp với các cấp độ phát triển của thị trường, hiện nay là Thông tư số 45/2018/TT-BCT và Thông tư số 24/2019/TT-BCT (sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2018/TT-BCT) quy định vận hành thị trường bán buôn điện cạnh tranh do Bộ Công Thương ban hành.

Quá trình phân cấp trên phù hợp với thực tế vận hành thị trường điện trong các năm vừa qua và phát triển thị trường điện. Riêng đối với việc hướng dẫn về hoạt động điều hành giao dịch thị trường điện, Bộ Công Thương đề xuất sẽ bổ sung quy định chi tiết về quyền và nghĩa vụ của Đơn vị điều hành giao dịch thị trường điện tại Luật Điện lực.

4.1.2. Về các hoạt động trong thị trường điện

Bộ Công Thương đã thực hiện điều tiết hoạt động điện lực đúng các quy

định tại Điều 66 Luật Điện lực và chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động điện lực theo Khoản 2 Điều 65 Luật Điện lực, trong đó bao gồm việc phân cấp, phân quyền trong các hoạt động của thị trường điện. Theo đó, Bộ Công thương đã thực hiện:

- Ban hành các Thông tư quy định pháp lý cho các hoạt động mua bán điện giao ngay trên thị trường điện, chào giá và xác định giá thị trường, cung cấp dịch vụ phụ trợ và giá dịch vụ phụ trợ, xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp, khiếu nại về hoạt động mua bán điện và các dịch vụ phụ trợ trên thị trường điện.

- Quản lý chung và giám sát hoạt động của các đối tượng tham gia thị trường điện.

Các đơn vị điện lực: chủ động thực hiện các công tác tham gia thị trường điện (điều hành giao dịch, chào giá, thanh toán, đăng ký tham gia thị trường, ...) theo quyền và nghĩa vụ của từng đơn vị đã được quy định rõ tại Luật Điện lực.

Việc phân cấp các hoạt động trong thị trường điện hiện nay đã phù hợp, đảm bảo yêu cầu vận hành thị trường điện trong các năm vừa qua.

4.2. Về hình thành, phát triển thị trường điện lực

Luật Điện lực năm 2004 đã quy định các nội dung liên quan đến định hướng, nguyên tắc xây dựng thị trường điện cạnh tranh tại Việt Nam. Thị trường điện lực được hình thành và phát triển theo thứ tự các cấp độ sau: Thị trường phát điện cạnh tranh, Thị trường bán buôn điện cạnh tranh và Thị trường bán lẻ điện cạnh tranh.

4.2.1. Kết quả đạt được trong xây dựng, vận hành và phát triển các cấp độ của thị trường điện lực cạnh tranh

a) Thị trường phát điện cạnh tranh (giai đoạn 2012 - 2018)

- Quá trình hình thành và phát triển: Bộ Công Thương đã xây dựng và đưa Thị trường phát điện cạnh tranh chính thức vận hành từ ngày 01 tháng 07 năm 2012 đến hết năm 2018 với mục tiêu là phá bỏ tình trạng độc quyền của EVN trong khâu phát điện, tạo môi trường cạnh tranh công bằng, minh bạch giữa các đơn vị phát điện thuộc nhiều hình thức sở hữu khác nhau (sở hữu tư nhân, sở hữu nhà nước, công ty cổ phần,...).

Thị trường phát điện cạnh tranh áp dụng mô hình thị trường điện tập trung toàn phần. Các đơn vị phát điện cạnh tranh bán điện trên thị trường điện giao ngay thông qua việc chào giá hàng ngày. Toàn bộ điện năng phát của các nhà máy điện được chào bán cho EVN - Đơn vị mua buôn duy nhất trên thị trường giao ngay. Để phục vụ hình thành thị trường phát điện cạnh tranh, quá trình tái cơ cấu ngành điện đã được triển khai như sau:

- + Thành lập Tổng công ty Truyền tải điện quốc gia (dưới hình thức Công ty TNHH MTV thuộc EVN) - qua đó đã tách bạch được hoạt động truyền tải điện (mang tính độc quyền tự nhiên) với các khâu mang tính cạnh tranh (phát điện, mua bán điện) để cung cấp dịch vụ truyền tải điện một cách minh bạch;

+ Thành lập 03 Tổng công ty Phát điện thuộc EVN (dưới hình thức Công ty TNHH MTV) và 02 Tổng công ty Phát điện (thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam) nhằm nâng cao tính độc lập, có thị phần tương đương để tham gia cạnh tranh trong thị trường phát điện cạnh tranh.

- Kết quả đạt được: Qua hơn 06 năm vận hành, Thị trường phát điện cạnh tranh đã đạt được các kết quả tích cực, cụ thể:

+ Thị trường điện, hệ thống điện được vận hành ổn định góp phần đảm bảo an ninh cung cấp điện, cung cấp đủ điện năng cho phát triển kinh tế xã hội;

+ Quá trình lập lịch huy động các nhà máy điện được công khai, bình đẳng, minh bạch, không phân biệt đối xử giữa các đối tượng tham gia thị trường điện lực, tạo sự cạnh tranh lớn trong khâu phát điện đồng thời góp phần tối ưu hóa chi phí toàn hệ thống và tạo sự tin tưởng của các nhà đầu tư cũng như các thành viên tham gia thị trường điện;

+ Trong thị trường phát điện cạnh tranh, các đơn vị phát điện đã chủ động có chiến lược chào giá để tối đa hóa nguồn lợi nhuận của đơn vị, từ đó thu hút các đơn vị phát điện tham gia thị trường điện, số lượng các nhà máy điện tham gia Thị trường phát điện cạnh tranh qua từng năm liên tục có sự tăng trưởng mạnh: Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, số lượng các nhà máy điện tham gia giao dịch trên thị trường là 100 nhà máy điện với tổng công suất đặt là 27.711 MW, gấp 3 lần so với năm đầu đưa vào vận hành thị trường điện năm 2012 (chỉ có 32 nhà máy điện, tổng công suất đặt 9.523MW).

b) Thị trường bán buôn điện cạnh tranh (từ ngày 01/01/2019)

Thị trường bán buôn điện cạnh tranh được đưa vào vận hành chính thức từ ngày 01 tháng 01 năm 2019. Thị trường bán buôn điện cạnh tranh được xây dựng trên các nguyên tắc quy định tại Luật Điện lực, rút kinh nghiệm từ thị trường phát điện cạnh tranh, kinh nghiệm quốc tế cũng như sự phù hợp với điều kiện đặc thù ngành điện Việt Nam.

- Mục tiêu chính của Thị trường bán buôn điện cạnh tranh là mở rộng đối tượng tham gia thị trường điện và tạo sự cạnh tranh trong khâu mua buôn điện.

- Về mô hình: Kế thừa mô hình thị trường phát điện cạnh tranh, trong đó mở rộng số lượng đơn vị mua điện trên thị trường điện. Xóa bỏ vị thế độc quyền của EVN trong khâu mua buôn điện từ các nhà máy điện, thêm vào đó đã có thêm các đơn vị mua buôn điện khác ngoài EVN tham gia thị trường điện.

- Một số kết quả đạt được:

+ Mở rộng sự cạnh tranh sang khâu mua buôn điện (thay vì 01 đơn vị mua buôn điện duy nhất - EVN, đã thành lập thêm 05 đơn vị mua buôn điện khác là các Tổng công ty Điện lực). Các Tổng công ty Điện lực được tự tính toán dự báo nhu cầu phụ tải và có chiến lược phù hợp để tham gia mua điện trực tiếp trên thị trường giao ngay cũng như ký hợp đồng song phương với các nhà máy điện, nhằm tối thiểu hóa chi phí mua điện của đơn vị. Hiện nay, tỷ lệ điện năng thanh

toán theo cơ chế thị trường khoảng 10%, tạo tín hiệu tốt cho các nhà đầu tư tham gia vào công tác mua buôn điện và bán lẻ điện, từng bước đẩy mạnh sự cạnh tranh trong khâu mua buôn điện.

+ Tiếp tục duy trì được các kết quả đã đạt được trong vận hành đối với khâu phát điện (thu hút thêm được đơn vị phát điện tham gia thị trường điện, huy động, vận hành khâu phát điện tuân thủ đúng các quy định hiện hành).

- Tái cơ cấu phục vụ thị trường bán buôn điện cạnh tranh: Tiếp tục đẩy mạnh cổ phần hóa các Tổng công ty Phát điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

- Thị trường bán buôn điện cạnh tranh đã vận hành chính thức được hơn 02 năm, tuy nhiên công tác vận hành hiện tại chưa được hoàn chỉnh theo đúng thiết kế đã được quy định, một số vấn đề chính còn tồn tại như sau:

+ Do tỷ trọng các nguồn điện đặc thù không tham gia cạnh tranh trên thị trường điện như các nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu, các nhà máy BOT, và đặc biệt là các nguồn điện năng lượng tái tạo (là các nguồn điện được ưu tiên huy động) tăng mạnh trong thời gian vừa qua (trong năm 2020 tỷ trọng của các nguồn điện năng lượng tái tạo chiếm tỷ lệ 33,8% tổng công suất đặt của cả hệ thống), dẫn đến tỷ trọng nguồn điện trực tiếp tham gia thị trường điện thấp và có xu hướng giảm (tỷ trọng công suất đặt của các nguồn điện tham gia thị trường điện năm 2020 là 48%). Việc tỷ trọng nguồn trực tiếp tham gia TTĐ chưa cao phần nào ảnh hưởng đến mức độ cạnh tranh và hiệu quả vận hành TTĐ.

+ Về tái cơ cấu: tính độc lập của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện chưa được đảm bảo, hiện vẫn là 01 đơn vị hạch toán phụ thuộc EVN. Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp đang trình Thủ tướng Chính phủ Đề án chuyển đổi Trung tâm Điều độ hệ thống điện quốc gia (thuộc EVN) theo mô hình Công ty TNHH MTV để nâng cao tính độc lập của đơn vị này. Ngoài ra, mặc dù đã tiến hành cổ phần hóa các Tổng công ty phát điện của EVN, tuy nhiên tỷ lệ cổ phần bán ra còn thấp (chưa được 1%), do vậy EVN vẫn nắm giữ phần lớn và chi phối 03 Tổng công ty phát điện.

+ Thị trường bán buôn điện hiện đang vận hành ở mức đơn giản hóa do một số hạn chế về cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ vận hành thị trường điện, hiện EVN đang triển khai dự án đầu tư trang bị mới hệ thống này.

+ Ngoài ra còn các vấn đề về bù chéo giữa các Tổng công ty Điện lực trong bối cảnh vẫn giữ giá bán lẻ điện thống nhất toàn quốc, cơ chế thuế VAT cho các hợp đồng kỳ hạn dạng chênh lệch trong thị trường điện,... cần được xử lý để đảm bảo đúng nguyên tắc hoạt động của thị trường, đồng thời giá điện cũng cần phản ánh đầy đủ các chi phí trong quá trình sản xuất đến tiêu thụ điện năng.

Để khắc phục các tồn tại hạn chế, Bộ Công Thương đã chỉ đạo EVN khẩn trương hoàn thiện đồng thời phối hợp Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Bộ Tài chính hướng dẫn các cơ chế để các đơn vị thực hiện, đảm bảo đúng nguyên tắc được quy định tại văn bản pháp luật.

c) Thị trường bán lẻ điện cạnh tranh

Ngày 07 tháng 08 năm 2020, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 2093/QĐ-BCT phê duyệt Đề án thiết kế mô hình thị trường bán lẻ điện cạnh tranh. Đồng thời để chuẩn bị cho công tác triển khai thị trường bán lẻ điện, Bộ Công Thương đã xây dựng Đề án Tái cơ cấu ngành điện phục vụ Thị trường bán lẻ điện cạnh tranh và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (tại Tờ trình số 8729/TTr-BCT ngày 13 tháng 11 năm 2020).

- Mục tiêu chính của thị trường bán lẻ điện cạnh tranh bao gồm: Nâng cao tính cạnh tranh, đảm bảo sự công bằng, bình đẳng, minh bạch trong các hoạt động giao dịch mua bán điện và trong công tác bán lẻ điện.

- Mô hình thiết kế: Trong thị trường bán lẻ điện cạnh tranh, khách hàng sử dụng điện có thể mua điện trực tiếp trên thị trường điện giao ngay hoặc mua điện từ đơn vị bán lẻ điện. Khi tham gia thị trường bán lẻ điện, khách hàng được lựa chọn đơn vị cung cấp điện, đàm phán và ký hợp đồng với đơn vị bán lẻ điện, các đơn vị bán lẻ điện cạnh tranh bán điện cho khách hàng sử dụng điện.

- Kế hoạch triển khai thị trường bán lẻ điện cạnh tranh gồm 03 bước như sau:

+ Giai đoạn 1 (đến hết năm 2021): Hoàn thành các công tác chuẩn bị cho giai đoạn 2, song song với việc triển khai các nghiên cứu, đánh giá để hoàn thiện cơ chế cụ thể cho giai đoạn 3.

+ Giai đoạn 2 (từ năm 2022 đến năm 2024): Khách hàng sử dụng điện tham gia mua điện trên thị trường điện giao ngay. Thực hiện thí điểm khách hàng lớn ký hợp đồng với các nguồn điện sử dụng năng lượng gió, năng lượng mặt trời (các khách hàng chưa tham gia: cơ chế mua điện như hiện tại).

+ Giai đoạn 3 (từ sau năm 2024): Mở rộng đối tượng khách hàng sử dụng điện lớn được tham gia mua điện trên thị trường điện giao ngay, đồng thời từng bước đưa các khách hàng sử dụng điện tham gia thị trường bán lẻ điện để lựa chọn, chuyển đổi đơn vị bán lẻ điện (theo lộ trình phù hợp với quy mô tiêu thụ điện và cấp điện áp đầu nối của khách hàng sử dụng điện).

4.2.2. Quy mô, mức độ tham gia thị trường điện của các đơn vị

Tương ứng với từng cấp độ của thị trường điện, các đối tượng tham gia thị trường bán buôn điện cạnh tranh bao gồm:

- Các đơn vị phát điện đủ điều kiện được cấp phép tham gia thị trường điện đóng vai trò là bên bán điện.

- Bên mua điện gồm:

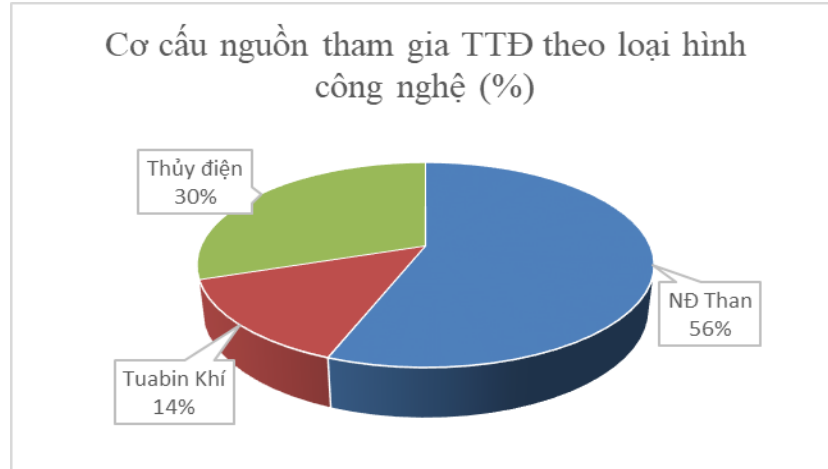
+ Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN): Mua buôn điện từ các đơn vị phát điện và bán buôn điện cho các Tổng công ty Điện lực.

+ 05 Tổng công ty Điện lực (mua buôn điện từ EVN và một phần từ thị trường điện giao ngay) bán lẻ điện cho khách hàng sử dụng điện đồng thời đóng vai trò là đơn vị phân phối điện.

- Ngoài ra, các đơn vị cung cấp dịch vụ như Truyền tải điện (Tổng công ty

truyền tải điện quốc gia), Đơn vị điều độ hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện (Trung tâm điều độ hệ thống điện quốc gia).

Trải qua gần 09 năm vận hành thị trường điện chính thức (từ 01 tháng 7 năm 2012), quy mô và mức độ tham gia vào thị trường điện của các đơn vị điện lực tăng trưởng cả về số lượng và chất lượng, cụ thể như sau:



- Khâu mua buôn điện: Ngoài EVN là đơn vị mua điện chính, có thêm 05 Tổng công ty điện lực (TCTĐL) cạnh tranh mua điện từ đơn vị phát điện. Năm 2018, Thị trường bán buôn điện cạnh tranh thí điểm được đưa vào vận hành, tỷ trọng mua điện theo cơ chế thị trường của các TCTĐL chỉ ở mức 4,4%. Tuy nhiên, sau 02 năm thị trường bán buôn điện chính thức đi vào hoạt động (năm 2019 - 2020) con số này đã tăng lên đáng kể (tương ứng 8,5% - 10%).

Với sự tham gia của nhiều đơn vị bán điện và nhiều đơn vị mua điện, tính cạnh tranh của thị trường từng bước được mở rộng, thúc đẩy các hoạt động giao dịch trong thị trường, tạo điều kiện phát triển mở rộng thị trường và tăng cường hiệu quả trong hoạt động điều hành giao dịch thị trường điện.

4.2.3. Công tác điều hành thị trường điện

Trung tâm Điều độ hệ thống điện quốc gia (thuộc EVN) hiện đang thực hiện 02 chức năng: điều độ hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện. Về mặt tổ chức, hiện nay, Trung tâm Điều độ hệ thống điện quốc gia là đơn vị hạch toán phụ thuộc EVN. Trong quá trình vận hành thị trường phát điện cạnh tranh từ năm 2012 đến hết năm 2018, và vận hành thị trường bán buôn điện cạnh tranh từ năm 2019 đến nay, Trung tâm Điều độ hệ thống điện quốc gia đã thực hiện các hoạt động theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 Luật Điện lực, cụ thể như sau:

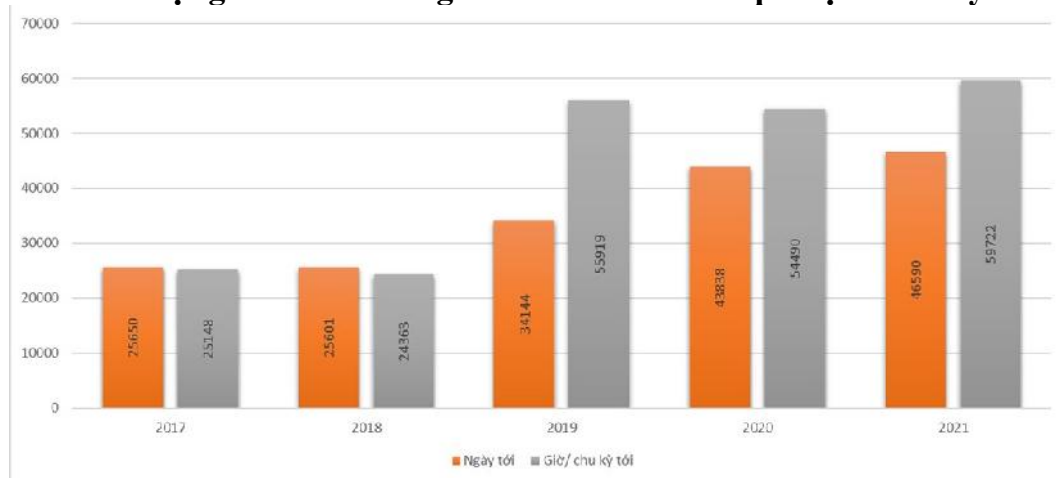
(i) Kiểm soát hoạt động giao dịch trên thị trường điện:

- Lập kế hoạch vận hành thị trường điện: công tác lập kế hoạch vận hành thị trường điện gồm các công việc theo các mốc thời gian từ kế hoạch dài hạn đến trung và ngắn hạn (kế hoạch năm tới, tháng tới, tuần tới). EVNNLDC đã thực hiện tính toán các kế hoạch vận hành thị trường điện năm, tháng, tuần tới theo đúng quy định để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Lập lịch huy động tổ máy ngày tới, giờ tới: EVNNLDC đã tiếp nhận các

bản chào giá hàng ngày từ các đơn vị phát điện, đánh giá kiểm tra tính hợp lệ của bản chào giá; trên cơ sở đó thực hiện tính toán lịch huy động các tổ máy phát điện theo giá chào tuân thủ các quy định về vận hành thị trường điện do các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành, đảm bảo thị trường điện luôn vận hành liên tục, ổn định trong các năm qua.

Số lượng các bản chào giá do EVNNLDC tiếp nhận và xử lý



- Quản lý việc đăng ký tham gia thị trường điện: EVNNLDC đã tiếp nhận, thẩm định, đánh giá và xác nhận hồ sơ đăng ký tham gia thị trường điện của các thành viên thị trường điện nhằm đảm bảo các đơn vị đáp ứng đầy đủ các điều kiện về cơ sở hạ tầng cũng như các điều kiện về pháp lý trước khi tham gia thị trường điện. Hiện nay, EVNNLDC đang quản lý 104 nhà máy điện tham gia thị trường điện.

(ii) Công bố giá thị trường điện, cung cấp các dịch vụ giao dịch, thanh toán: EVNNLDC đã thực hiện tính toán giá thị trường điện công tác tính toán giá thị trường điện cho từng chu kỳ giao dịch (hiện nay là 30 phút) trong ngày theo đúng quy định. Trên cơ sở giá thị trường giao ngay và sản lượng đo đếm thực tế của các đơn vị, EVNNLDC đã tính toán bảng kê các khoản thanh toán cho các hoạt động mua bán điện trên thị trường giao ngay trong từng chu kỳ giao dịch, tạo cơ sở để các bên thực hiện thanh toán tiền điện. Tổng khối lượng giao dịch trên thị trường giao ngay do EVNNLDC điều hành, tính toán đạt mức 122 ngàn tỷ VNĐ trong năm 2021, và 129 ngàn tỷ VNĐ trong năm 2020.

(iii) Tiếp nhận và xử lý các kiến nghị liên quan đến hoạt động giao dịch mua bán điện trên thị trường điện lực để bảo đảm sự ổn định, hiệu quả và ngăn chặn các hành vi cạnh tranh không lành mạnh: EVNNLDC tiếp nhận, giải đáp và xử lý các thắc mắc liên quan đến hoạt động giao dịch mua bán điện trên thị trường điện lực để bảo đảm sự ổn định, hiệu quả. Đến nay, EVNNLDC chưa đề xảy ra trường hợp khiếu nại, khiếu kiện nào liên quan đến việc điều hành giao dịch thị trường điện.

(iv) Cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động, điều hành giao dịch trên thị trường điện lực: EVNNLDC đã thực hiện công tác cung cấp thông tin cho các đơn vị tham gia thị trường điện theo đúng quy định, bao gồm các thông tin

trước vận hành (dự báo phụ tải, dự báo giá thị trường, dự kiến huy động các tổ máy phát điện...), cũng như các thông tin sau vận hành (sản lượng đo đếm, giá thị trường điện, các sự kiện phát sinh trong thực tế...).

(v) Báo cáo về hoạt động giao dịch mua bán điện trên thị trường điện lực với cơ quan điều tiết điện lực: EVNNLDC đã thực hiện chế độ báo cáo hàng tháng, hàng năm cho cơ quan điều tiết điện lực theo đúng quy định, đồng thời cung cấp các số liệu về vận hành thị trường điện hàng ngày cho cơ quan điều tiết điện lực để thực hiện nhiệm vụ giám sát vận hành.

Điểm hạn chế của công tác điều hành giao dịch thị trường điện hiện nay là vị trí, vai trò của Trung tâm Điều độ hệ thống điện quốc gia chưa đảm bảo tính độc lập với bên mua điện và bên bán điện, dẫn tới tiềm ẩn nhiều nguy cơ về đảm bảo tính minh bạch, công bằng, không phân biệt đối xử giữa các đơn vị thành viên trong thị trường điện. Bộ Công Thương đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 168/QĐ-TTg ngày 07 tháng 02 năm 2017 phê duyệt đề án tái cơ cấu ngành điện giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025, trong đó có quy định về xây dựng Đề án chuyển Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia thành Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện, hạch toán độc lập trong EVN. Thực hiện Quyết định này, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp đang chủ trì xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án chuyển đổi Trung tâm Điều độ hệ thống điện quốc gia (A0) thành Công ty TNHH MTV thuộc EVN. Ngày 20 tháng 12 năm 2021, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp đã hoàn thiện hồ sơ Đề án và trình Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 2212/UBQLV-NL. Ngày 12 tháng 02 năm 2022, Văn phòng Chính phủ có văn bản số 929/VPCP-DMDN gửi Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp yêu cầu thực hiện một số nội dung theo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Lê Minh Khái. Hiện Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp đang hoàn thiện Đề án theo nội dung chỉ đạo để trình Thủ tướng Chính phủ.

Cũng theo Quyết định số 168/QĐ-TTg ngày 07 tháng 02 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, sau khi hoàn thành việc chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV thuộc EVN, trong giai đoạn 2021 - 2025, sẽ xây dựng phương án và triển khai thực hiện việc chuyển Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện thành đơn vị hoàn toàn độc lập về nhân sự, pháp lý, tài chính, không chung lợi ích với bên bán điện và bên mua điện, do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

4.2.4. Điều hành thị trường điện phù hợp với xu hướng phát triển nguồn điện trong thời gian tới

Cùng với xu hướng toàn cầu về chuyển dịch năng lượng và phát triển các nguồn năng lượng sạch thay thế các nguồn năng lượng hóa thạch, theo dự kiến trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2045 (Quy hoạch điện VIII), cơ cấu nguồn điện mới trong giai đoạn sắp tới sẽ chủ yếu dựa trên các nguồn điện NLTT và nguồn điện khí LNG. Các loại hình này đều có các điều kiện đặc thù riêng và sẽ tác động trực tiếp đến việc vận hành hệ thống điện cũng như điều hành thị trường điện.

Đối với các nguồn điện sử dụng NLTT: công tác vận hành phụ thuộc rất

nhiều vào điều kiện tự nhiên (nước, nắng, gió, vị trí...), do vậy việc tích hợp số lượng lớn các nguồn NLTT trong hệ thống điện sẽ dẫn đến những khó khăn, thách thức trong công tác điều hành thị trường điện:

- Mức công suất khả dụng không cố định, gây khó khăn cho công tác lập kế hoạch vận hành và lập lịch huy động thị trường điện.

- Trong vận hành thời gian thực, xác suất nhà máy điện NLTT không đảm bảo công suất cam kết là tương đối cao dẫn đến nhu cầu dự phòng công suất tăng lên đáng kể.

- Các nguồn điện truyền thống sẽ phải thích ứng với sự biến động liên tục của các nhà máy NLTT như khả năng đáp ứng chế độ vận hành khởi động/ngừng máy, tăng giảm công suất....

Theo kinh nghiệm quốc tế, cũng như căn cứ theo thực tiễn vận hành tại Việt Nam, giải pháp để giảm thiểu các tác động nêu trên của các nguồn điện NLTT trong điều hành giao dịch thị trường điện bao gồm:

- Rút ngắn chu kỳ tính toán giao dịch/điều độ (từ 30 phút hiện nay xuống còn 15 phút, 05 phút) để đảm bảo kịp thời bám sát các biến động của các nguồn điện NLTT, giảm thiểu sai số dự báo so với thực tế. Để thực hiện được điều này, cần có hệ thống cơ sở hạ tầng CNTT hiện đại, đảm bảo tính tự động hóa, liên kết truyền số liệu vận hành hệ thống điện liên tục trên phạm vi toàn quốc, tự động hóa trong quá trình tính toán, điều hành các giao dịch thị trường điện. Hiện EVN đang triển khai thực hiện dự án tư trang bị cơ sở hạ tầng CNTT phục vụ vận hành thị trường bán buôn điện cho Trung tâm Điều độ hệ thống điện quốc gia để hướng đến mục tiêu trên.

- Củng cố và tăng cường các dịch vụ dự phòng công suất, đảm bảo hệ thống điện vận hành ổn định, tin cậy trước các biến động của các nguồn điện NLTT. Tuy nhiên, cùng với việc tăng về số lượng công suất dự phòng, chi phí dành cho việc mua các dịch vụ dự phòng công suất sẽ tăng cao, tạo áp lực lên giá bán lẻ điện.

Đối với các nguồn điện sử dụng khí LNG: các nguồn điện sử dụng khí LNG thường có chi phí cao hơn khá nhiều so với các nguồn điện truyền thống. Do vậy, khi các nguồn điện khí LNG đi vào vận hành sẽ thiết lập một mặt bằng giá mới, dẫn tới việc bắt buộc phải điều chỉnh giá bán lẻ điện thì mới có thể đảm bảo cân bằng tài chính cho các đơn vị. Ngoài ra, trong quá trình làm việc, hầu hết các chủ đầu tư nhà máy điện LNG đều kiến nghị về việc bao tiêu sản lượng điện đầu ra. Trường hợp chấp nhận bao tiêu sản lượng của các nhà máy này thì sẽ đặt ra một loạt các thách thức:

- Chi phí mua điện sẽ tăng rất cao (do cam kết bao tiêu một sản lượng lớn các nguồn điện LNG có chi phí đắt), tạo áp lực rất lớn lên giá bán lẻ điện trong tương lai.

- Hạn chế về thứ tự ưu tiên về giá cho tối ưu huy động nguồn điện (trong bối cảnh giá nhiên liệu hóa thạch tăng rất cao đặc biệt là các nhà máy sử dụng than nhập khẩu và khí) hoặc hạn chế về nhu cầu huy động do nhu cầu phụ tải giảm thấp (do dịch bệnh, thời tiết...).

- Các cam kết bao tiêu nhiên liệu có thể làm hạn chế đến tính cạnh tranh của các đơn vị phát điện trong thị trường điện trong trường hợp giá nhiên liệu cam kết bao tiêu ở mức cao hơn so với giá thị trường điện. Trường hợp mức cam kết bao tiêu nhiên liệu cao, hoàn toàn có thể xảy ra tình trạng các bất buộc phải huy động nguồn điện LNG có giá thành cao (để đảm bảo cam kết) trong khi các nguồn điện có chi phí thấp hơn không được huy động, nhất là trong giai đoạn giờ thấp điểm, hoặc trường hợp phụ tải hệ thống điện giảm thấp so với dự báo.

Như vậy, để phù hợp với xu hướng phát triển về cơ cấu nguồn điện tại Việt Nam trong thời gian tới, cơ chế thị trường cạnh tranh sẽ tiếp tục là giải pháp tất yếu để đảm bảo tính minh bạch, công bằng trong khâu định giá phát điện, huy động các nhà máy điện; đồng thời cũng bắt buộc phải đi kèm với các giải pháp về điều hành giá bán lẻ điện phù hợp với xu hướng phát triển các nguồn điện LNG có giá thành cao. Ngoài ra, việc phát triển các nguồn điện sử dụng khí LNG, cũng như các cam kết mua khí LNG phục vụ của đơn vị phát điện cần phải bám sát nhu cầu tiêu thụ điện trong từng giai đoạn để đảm bảo tính linh hoạt, cũng như hạn chế tối thiểu áp lực lên giá bán lẻ điện.

4.3. Công tác kiểm tra, giám sát đối với các đơn vị điện lực theo quy định thị trường điện

Nhìn chung, các đơn vị điện lực tham gia thị trường điện lực cạnh tranh (đơn vị phát điện, đơn vị mua điện, đơn vị điều độ hệ thống điện và điều hành thị trường điện) đã tuân thủ trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với quy định vận hành thị trường điện. Tuy nhiên, một số nhà máy điện đã không thực hiện chào giá theo đúng quy định nên đã bị đôn đốc, nhắc nhở và phải sử dụng bản chào mặc định để đảm bảo vận hành thị trường điện. Ngoài ra, một số nhà máy điện chậm trễ trong việc tham gia thị trường điện nên đã được Đơn vị Điều độ hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện đôn đốc.

4.3.1. Công tác giám sát

Công tác giám sát thị trường điện được Bộ Công Thương phân theo các cấp như sau:

a) Cục Điều tiết điện lực chịu trách nhiệm giám sát chung các hoạt động của các đơn vị điện lực, nhận báo cáo giám sát định kỳ của các đơn vị, đồng thời thực hiện các báo cáo giám sát hàng tuần, hàng tháng, hàng năm,... và các báo cáo khác theo chỉ đạo đề gửi Lãnh đạo Bộ thông qua và có ý kiến.

b) Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia chịu trách nhiệm giám sát hàng ngày về việc thực hiện các quy định của các đơn vị trong hệ thống điện quốc gia, thực hiện đôn đốc nhắc nhở và xử lý các vấn đề phát sinh kịp thời, đồng thời có báo cáo Cục Điều tiết điện lực về nguyên nhân, phương hướng giải quyết và đề xuất các kiến nghị cần thiết. Trong quá trình vận hành thị trường phát điện cạnh tranh từ năm 2012 đến hết năm 2018, và vận hành thị trường bán buôn điện cạnh tranh từ năm 2019 đến nay, Trung tâm Điều độ hệ thống điện quốc gia đã thực hiện các hoạt động theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 Luật Điện lực về kiểm soát hoạt động giao dịch trên thị trường điện, cụ thể như sau:

- Lập kế hoạch vận hành thị trường điện: công tác lập kế hoạch vận hành thị trường điện gồm các công việc theo các mốc thời gian từ kế hoạch dài hạn đến trung và ngắn hạn (kế hoạch năm tới, tháng tới, tuần tới). EVNNLDC đã thực hiện tính toán các kế hoạch vận hành thị trường điện năm, tháng, tuần tới theo đúng quy định để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Lập lịch huy động tổ máy ngày tới, giờ tới: EVNNLDC đã tiếp nhận các bản chào giá hàng ngày từ các đơn vị phát điện, đánh giá kiểm tra tính hợp lệ của bản chào giá; trên cơ sở đó thực hiện tính toán lịch huy động các tổ máy phát điện theo giá chào tuân thủ các quy định về vận hành thị trường điện do các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành, đảm bảo thị trường điện luôn vận hành liên tục, ổn định trong các năm qua.

- Quản lý việc đăng ký tham gia thị trường điện: EVNNLDC đã tiếp nhận, thẩm định, đánh giá và xác nhận hồ sơ đăng ký tham gia thị trường điện của các thành viên thị trường điện nhằm đảm bảo các đơn vị đáp ứng đầy đủ các điều kiện về cơ sở hạ tầng cũng như các điều kiện về pháp lý trước khi tham gia thị trường điện.

- Công bố giá thị trường điện, cung cấp các dịch vụ giao dịch, thanh toán: EVNNLDC đã thực hiện tính toán giá thị trường điện công tác tính toán giá thị trường điện cho từng chu kỳ giao dịch (hiện nay là 30 phút) trong ngày theo đúng quy định. Trên cơ sở giá thị trường giao ngay và sản lượng đo đếm thực tế của các đơn vị, EVNNLDC đã tính toán bảng kê các khoản thanh toán cho các hoạt động mua bán điện trên thị trường giao ngay trong từng chu kỳ giao dịch, tạo cơ sở để các bên thực hiện thanh toán tiền điện.

- Cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động, điều hành giao dịch trên thị trường điện lực: EVNNLDC đã thực hiện công tác cung cấp thông tin cho các đơn vị tham gia thị trường điện theo đúng quy định, bao gồm các thông tin trước vận hành (dự báo phụ tải, dự báo giá thị trường, dự kiến huy động các tổ máy phát điện...), cũng như các thông tin sau vận hành (sản lượng đo đếm, giá thị trường điện, các sự kiện phát sinh trong thực tế...).

- Báo cáo về hoạt động giao dịch mua bán điện trên thị trường điện lực với cơ quan điều tiết điện lực: EVNNLDC đã thực hiện chế độ báo cáo hàng tháng, hàng năm cho cơ quan điều tiết điện lực theo đúng quy định, đồng thời cung cấp các số liệu về vận hành thị trường điện hàng ngày cho cơ quan điều tiết điện lực để thực hiện nhiệm vụ giám sát vận hành.

4.3.2. Công tác kiểm tra

Trong quá trình vận hành thị trường điện từ 2012 đến nay, Cục ĐTĐL đã tổ chức thực hiện kiểm tra tình hình thi hành pháp luật về các nội dung liên quan đến thực hiện quy định thị trường điện tại 23 đơn vị tham gia thị trường điện. Công tác kiểm tra cho thấy các đơn vị được kiểm tra đều chủ động tiếp cận, tìm hiểu và thực hiện tuân thủ theo các quy định của Luật Điện lực và các quy định liên quan đến công tác vận hành thị trường điện.

5. Xây dựng giá điện minh bạch cho từng khâu trong dây chuyền sản xuất và kinh doanh điện

5.1. Thực hiện phân cấp, phân quyền trong việc ban hành chính sách giá điện

Theo quy định của Luật Điện lực, việc phân cấp phân quyền trong ban hành chính sách giá điện đã được quy định và thực hiện thống nhất trong triển khai thi hành, theo đó Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Công Thương từng bước quyết định điều chỉnh cơ chế, chính sách định giá điện một cách hợp lý theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước, bảo đảm hài hòa lợi ích của khách hàng sử dụng điện và lợi nhuận hợp lý của đơn vị điện lực, đảm bảo nhu cầu sử dụng điện cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

5.1.1. Về giá bán lẻ điện và cơ chế điều chỉnh giá điện theo thị trường

Theo quy định tại Luật Điện lực, giá bán lẻ điện do đơn vị bán lẻ điện xây dựng căn cứ khung giá của mức giá bán lẻ điện bình quân, cơ chế điều chỉnh giá và cơ cấu biểu giá bán lẻ điện do Thủ tướng Chính phủ quy định phù hợp với cấp độ phát triển của thị trường điện lực và Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng khung giá của mức giá bán lẻ điện bình quân, cơ chế điều chỉnh giá và cơ cấu biểu giá bán lẻ điện trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Thực hiện quy định tại Luật Điện lực, Bộ Công Thương đã chủ trì xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành 09 Quyết định về giá bán lẻ điện, cơ chế điều chỉnh giá điện theo thị trường, cơ cấu biểu giá bán lẻ điện và khung giá của mức giá bán lẻ điện bình quân. Bộ Công Thương đã ban hành 13 thông tư hướng dẫn thực hiện giá bán lẻ điện cho từng nhóm khách hàng, mua bán công suất phản kháng.

5.1.2. Giá bán lẻ điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 62 Luật Điện lực thì giá bán điện cho nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo khu vực chưa nối lưới điện quốc gia được thực hiện như sau: Giá bán lẻ điện cho mục đích sinh hoạt do đơn vị điện lực có liên quan xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phù hợp với cơ chế hỗ trợ giá bán lẻ điện cho mục đích sinh hoạt tại khu vực này do Thủ tướng Chính phủ quy định; Các loại giá điện khác do đơn vị điện lực có liên quan xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo nguyên tắc bảo đảm bù đắp đủ chi phí, có lợi nhuận hợp lý cho đơn vị điện lực trên cơ sở tham khảo ý kiến của cơ quan điều tiết điện lực.

Thực hiện quy định tại Luật Điện lực, Bộ Công Thương đã chủ trì xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành 03 Quyết định:

- Quyết định số 21/2009/QĐ-TTg ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về giá bán điện năm 2009 và các năm 2010 - 2012 theo cơ chế thị trường quy định: “Giá bán lẻ điện những nơi chưa nối lưới điện quốc gia do đơn vị bán điện xây dựng trên nguyên tắc bảo đảm kinh doanh, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sau khi có ý kiến của Bộ Công Thương”.

- Quyết định số 268/QĐ-TTg ngày 23 tháng 2 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về Biểu giá bán lẻ điện quy định “Khung giá cho điện sinh hoạt tại

những khu vực nông thôn, miền núi, hải đảo chưa nối lưới điện quốc gia gồm giá trần và giá sàn, trong đó giá sàn bằng 1,5 lần giá bán điện bình quân năm, giá trần bằng 2,5 lần giá bán điện bình quân năm”.

Căn cứ quy định tại Quyết định số 268/QĐ-TTg, giá bán điện bình quân tại các huyện đảo cao hơn nhiều so với đất liền nhưng vẫn thấp hơn giá thành sản xuất kinh doanh điện.

Vì vậy, để ổn định đời sống của nhân dân trên các huyện đảo, góp phần bảo vệ chủ quyền của tổ quốc, khuyến khích các hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trên đảo, Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện quy định “Áp dụng giá bán điện khu vực nối lưới điện quốc gia cho khách hàng sử dụng điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo khu vực chưa nối lưới điện quốc gia. Chênh lệch chi phí của đơn vị điện lực do áp dụng giá bán điện thống nhất toàn quốc thấp hơn giá thành sản xuất kinh doanh điện được tính vào giá điện chung toàn quốc đối với các khu vực do Tập đoàn Điện lực Việt Nam bán điện; đối với khu vực không do Tập đoàn Điện lực Việt Nam bán điện, chênh lệch chi phí được thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ”.

5.1.3. Về các loại giá điện và phí khác

Theo quy định tại Luật Điện lực, Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập khung giá phát điện, khung giá bán buôn điện, giá truyền tải điện, giá dịch vụ phụ trợ hệ thống điện, phí điều độ vận hành hệ thống điện và phí điều hành giao dịch thị trường điện lực. Thực hiện quy định tại Luật Điện lực về chính sách giá điện và thẩm quyền xây dựng phương pháp lập giá điện, Bộ Công Thương đã chủ trì xây dựng, ban hành 06 Thông tư hướng dẫn phương pháp xây dựng khung giá phát điện, giá phát điện, giá truyền tải điện, giá chi phí tránh được, giá dịch vụ phụ trợ hệ thống điện, chi phí điều độ vận hành hệ thống điện và thị trường điện và các quyết định phê duyệt khung giá bán buôn điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam bán cho các Công ty Điện lực.

Như vậy, việc xây dựng và ban hành đồng bộ các văn bản quy phạm pháp luật quy định về giá điện cũng như các quy định khác có liên quan là cơ sở pháp lý để thực hiện được chính sách giá điện theo cơ chế thị trường, bảo đảm công khai, minh bạch trong giá điện các khâu, đáp ứng yêu cầu về giá điện trong từng thời kỳ, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế đầu tư phát triển điện lực có lợi nhuận hợp lý.

5.2. Kết quả nổi bật trong triển khai thi hành

Với chính sách hợp lý tại Luật Điện lực và các chế định pháp lý tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, việc cải cách giá điện đã thực sự có những bước tiến quan trọng, xây dựng được quy định tiên tiến về giá điện, tạo ra sự đồng bộ giữa các quy định về thị trường điện, phù hợp với xu hướng phát triển chung của thế giới, cụ thể:

5.2.1. Về cơ chế điều chỉnh giá điện theo thị trường

Về cơ bản các chi phí cấu thành nên giá điện được tính đúng và giá điện được điều chỉnh theo biến động của thị trường, đảm bảo sự ổn định kinh tế vĩ mô chung của đất nước. Từ khi cơ chế điều chỉnh giá điện theo thị trường được Thủ tướng Chính phủ ban hành theo quy định tại Luật Điện lực, cụ thể tại Quyết định số 24/2017/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2017 (trước đây là Quyết định số 69/2013/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2013), hàng năm, Bộ Công Thương đều chỉ đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam xây dựng phương án giá bán lẻ điện bình quân. Trong giai đoạn 2015-2020, Bộ Công Thương đã kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định để Tập đoàn Điện lực Việt Nam thực hiện 03 lần điều chỉnh giá bán điện vào các năm 2015, 2017 và 2019. Việc giá bán lẻ điện đã được điều chỉnh không những đảm bảo tình hình tài chính bền vững cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam để đầu tư, vận hành hệ thống điện mà còn đảm bảo tình hình tài chính cho các nhà đầu tư nguồn điện ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh điện. Việc thực hiện điều chỉnh giá điện cũng ngày càng minh bạch hơn, thực hiện lấy ý kiến của các Bộ, ngành có liên quan để đảm bảo không ảnh hưởng tiêu cực tới nền kinh tế vĩ mô.

5.2.2. Về giá bán lẻ điện

Quy định về cơ chế giá bán lẻ điện tại Luật Điện lực; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực và các quy định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương đã tạo cơ sở pháp lý cho việc điều hành hiệu quả, linh hoạt giá bán lẻ điện cho các đối tượng khách hàng, đem lại hiệu quả cao trong công tác điều hành giá bán điện. Việc kết hợp đồng bộ cơ chế điều chỉnh giá bán điện theo thông số đầu vào, cơ cấu biểu giá bán lẻ điện và các cơ chế kiểm tra, giám sát đã tạo ra một cơ chế quản lý, điều hành giá bán điện ngày càng minh bạch và rõ ràng hơn nhưng vẫn đảm bảo việc hỗ trợ hộ nghèo, hộ chính sách về giá điện.

Từ năm 2011, theo quy định tại Quyết định số 268/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về Biểu giá bán lẻ điện, các hộ thuộc diện hộ nghèo theo tiêu chí do Thủ tướng Chính phủ quy định được hỗ trợ giá điện cho 50 kWh/tháng, mức hỗ trợ là 30.000 đồng/hộ/tháng. Từ ngày 07 tháng 4 năm 2014, chính sách hỗ trợ cho hộ chính sách, hộ nghèo thực hiện theo quy định tại Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện. Theo đó, hộ nghèo theo tiêu chí do Thủ tướng Chính phủ quy định được hỗ trợ tiền điện cho mục đích sinh hoạt hàng tháng tương đương tiền điện sử dụng 30kWh tính theo mức giá bán lẻ điện sinh hoạt bậc 1 hiện hành. Hộ chính sách xã hội theo tiêu chí do Thủ tướng Chính phủ quy định (không thuộc diện hộ nghèo được hỗ trợ tiền điện) và có lượng điện sử dụng cho mục đích sinh hoạt trong tháng không quá 50 kWh được hỗ trợ tiền điện tương đương tiền điện sử dụng 30 kWh tính theo mức giá bán lẻ điện sinh hoạt bậc 1 hiện hành. Kinh phí hỗ trợ tiền điện được trích từ nguồn ngân sách nhà nước.

Cũng nhằm thực hiện chính sách an sinh xã hội của nhà nước, giá bán điện cho khu vực nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo khu vực chưa nối lưới điện quốc gia được áp dụng giá bán điện như các khu vực nối lưới.

5.2.3. Về các loại giá điện và phí khác

Giá phát điện, giá truyền tải điện, giá dịch vụ phụ trợ, giá cho các nhà máy thủy điện nhỏ năng lượng tái tạo, giá điện các khâu nêu trên trong dây chuyền sản xuất điện được quy định cụ thể, minh bạch về phương pháp xác định và trình tự thủ tục lập, kiểm tra, thẩm định đã cụ thể hóa các quy định tại Luật Điện lực góp phần thu hút đầu tư trong phát triển điện lực, cụ thể:

- Đối với đầu tư phát triển nguồn điện: đã tạo hành lang pháp lý cho các đơn vị phát điện thỏa thuận giá điện và hợp đồng mua bán điện với bên mua điện, đảm bảo cho các đơn vị phát điện thu hồi đủ chi phí và có lợi nhuận hợp lý để phát triển bền vững, thu hút được đầu tư xây dựng và phát triển nguồn điện, khắc phục tình trạng thiếu nguồn điện do không thu hút được đầu tư như trước đây. Đối với nguồn điện nhập khẩu từ nước ngoài, Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành nguyên tắc và mức giá trần nhập khẩu điện từ Lào về Việt Nam đối với loại hình nhà máy thủy điện, nhiệt điện, điện gió đến hết năm 2025 làm cơ sở cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam ký kết các hợp đồng mua bán điện nhập khẩu từ Lào về Việt Nam.

Theo số liệu thống kê, hệ thống điện Việt Nam có tổng công suất đặt đối với tất cả các loại nguồn điện tính đến cuối năm 2020 đạt khoảng 62.676 MW (chưa bao gồm điện mặt trời áp mái). Tốc độ tăng trưởng công suất đặt nguồn điện trung bình hàng năm cả giai đoạn 2005 - 2020 là 11,9%/năm, trong đó giai đoạn 2005 - 2010 là 13,2%/năm, giai đoạn 2011 - 2015 là 13%/năm và giai đoạn 2016 - 2020 là 9,6%/năm (số liệu chi tiết tại mục 1.2 Phần II Báo cáo này).

- Đối với đầu tư phát triển lưới điện truyền tải: việc quy định trình duyệt giá truyền tải điện hàng năm đã tạo cơ sở pháp lý cho Tổng công ty Truyền tải điện quốc gia thu hồi được các chi phí hợp lý, hợp lệ và có mức lợi nhuận phù hợp cho việc huy động vốn đầu tư, phát triển lưới điện truyền tải, đảm bảo khả năng truyền tải điện và vận hành an toàn, tin cậy của toàn hệ thống.

Giá điện các khâu nêu trên trong dây chuyền sản xuất và kinh doanh điện được quy định cụ thể cũng đảm bảo tính minh bạch về các thành phần cấu thành nên giá điện chung.

6. Quản lý, vận hành hệ thống điện an toàn, hiệu quả, bảo đảm chất lượng điện năng và xây dựng các quy định về mua bán điện và dịch vụ cung cấp điện, bảo đảm bình đẳng giữa hai bên mua bán điện, nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp điện

Luật Điện lực quy định về hợp đồng mua bán điện, thanh toán tiền điện, đo đếm điện, bảo đảm chất lượng điện năng, ngừng giảm cung cấp điện, mua bán điện với nước ngoài.

Căn cứ quy định của Luật Điện lực, Bộ Công Thương đã ban hành mẫu các Hợp đồng mua bán điện để các bên mua bán điện thực hiện, nhằm đáp ứng các yêu cầu về bình đẳng trong mua bán điện; hạn chế tình trạng cửa quyền của bên bán điện và tình trạng chậm, không thanh toán tiền điện của bên mua điện; bảo đảm chất lượng và tiêu chuẩn kỹ thuật của thiết bị, công tơ đo đếm điện; quy định điều

kiện, trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện; quy định phương pháp xác định và mức chi phí ngừng, cấp điện trở lại; quy định về rút ngắn thời gian tiếp cận điện năng; trình tự, thủ tục phê duyệt chủ chương mua bán điện với nước ngoài.

6.1. Thực hiện phân cấp, phân quyền trong vận hành hệ thống điện và đảm bảo chất lượng điện năng

Thực hiện việc phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước về quản lý, vận hành hệ thống điện và đảm bảo chất lượng điện năng quy định trong Luật Điện lực, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 hướng dẫn cụ thể thi hành Luật Điện lực. Bộ Công Thương đã ban hành quy định về vận hành hệ thống điện, giám sát việc đảm bảo chất lượng điện năng, chất lượng dịch vụ cung cấp điện... được sửa đổi, bổ sung, thay thế theo từng thời kỳ. Các Thông tư hiện hành bao gồm Thông tư số 25/2016/TT-BCT quy định hệ thống điện truyền tải, Thông tư số 39/2015/TT-BCT quy định hệ thống phân phối điện, Thông tư số 42/2015/TT-BCT quy định đo đếm điện năng, Thông tư số 40/2014/TT-BCT quy định quy trình điều độ trong hệ thống điện, Thông tư số 28/2014/TT-BCT quy định quy trình xử lý sự cố trong hệ thống điện, Thông tư số 44/2014/TT-BCT quy định quy trình thao tác trong hệ thống điện, Thông tư số 30/2019/TT-BCT, Thông tư số 31/2019/TT-BCT, Thông tư số 22/2020/TT-BCT quy định điều kiện, trình tự ngừng giảm cung cấp điện, Thông tư số 23/2020/TT-BCT quy định phương pháp xác định và mức chi phí ngừng, cấp điện trở lại, Thông tư số 09/2015/TT-BCT quy định trình tự, thủ tục phê duyệt chủ trương mua bán điện với nước ngoài, Thông tư số 22/2017/TT-BCT quy định khởi động đen và khôi phục hệ thống điện quốc gia...

Nhìn chung, Chính phủ, Bộ Công Thương đã có các hướng dẫn chi tiết về các quy định quản lý, vận hành hệ thống điện và đảm bảo chất lượng điện năng. Các quy định này đã tạo hành lang pháp lý cần thiết cho việc phát triển, đầu tư, vận hành hệ thống điện quốc gia, thúc đẩy việc hiện đại hóa lưới điện, nâng cao từng bước chất lượng điện năng và dịch vụ cung cấp điện. Qua từng giai đoạn, các quy định được Bộ Công Thương tổ chức rà soát, sửa đổi, bổ sung để cập nhật thêm các quy định kỹ thuật đối với các đối tượng, thiết bị mới xuất hiện theo quá trình phát triển của ngành điện; từng bước nâng cao yêu cầu đối với chất lượng điện năng và dịch vụ cung cấp điện...

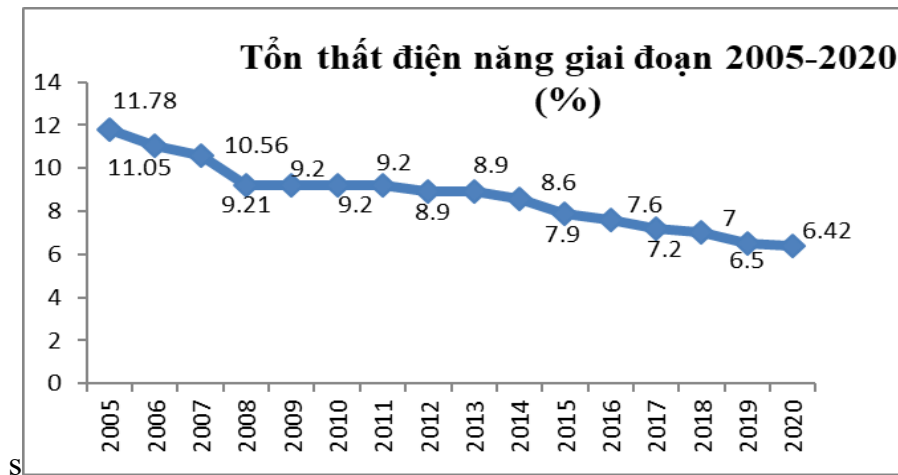
6.2. Kết quả triển khai các quy định của Luật Điện lực về vận hành hệ thống điện và đảm bảo chất lượng điện năng

Trong các năm qua, hệ thống điện Việt Nam đã phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu tăng trưởng phụ tải hàng năm khoảng 10,2% mỗi năm, đảm bảo cấp điện cho các hoạt động sản xuất, kinh tế - xã hội.

Thực hiện hiện đại hóa và tự động hóa trong hệ thống điện, tính đến cuối năm 2020, hệ thống điện quốc gia đã đưa vào vận hành 63 Trung tâm điều khiển và thực hiện điều khiển xa cho 710/854 trạm biến áp 220kV và 110kV không người trực. Các Trung tâm điều khiển và các trạm biến áp 220kV, 110kV không người trực đang và sẽ tiếp tục được Tổng công ty Truyền tải điện quốc gia và các tổng công ty điện lực/công ty điện lực đưa vào vận hành nhằm nâng cao

năng suất lao động, hiệu quả vận hành và tăng độ tin cậy cung cấp điện thông qua việc giảm thời gian thao tác đóng cắt thiết bị, thông tin vận hành nhanh, chính xác và giải pháp tối ưu để rút ngắn thời gian khắc phục sự cố. Công tơ điện đo xa được dân thay thế toàn bộ cho công tơ đọc và ghi tại chỗ góp phần quản lý tổn thất điện năng, tăng tính minh bạch trong mua bán điện, giảm chi phí đọc - ghi - nhập và hóa đơn, góp phần tăng hiệu quả sản xuất - kinh doanh. Từ năm 2015, EVN đã xây dựng, triển khai Chương trình lắp đặt công tơ điện tử đo xa nhằm thực hiện Lộ trình phát triển lưới điện thông minh tại Việt Nam. Hiện tại, công tơ điện đo xa đã được sử dụng ở tất cả các nhà máy điện, trên lưới 220kV, 110KV và 100% điểm đo ranh giới trên lưới trung và hạ áp. Về phía đo đếm điện cho khách hàng sử dụng điện, tính đến cuối năm 2019, EVN đã đạt 14,52 triệu công tơ đo xa chiếm tỷ lệ 51,7% trong tổng số 28,07 triệu công tơ bán điện cho khách hàng. Chương trình lắp đặt công tơ điện tử đo xa dự kiến sẽ đạt mức 100% tổng số công tơ vào năm 2025 và cùng với hệ thống thu thập dữ liệu đo đếm từ xa nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng tính minh bạch mua bán điện. Đồng thời với lộ trình thay thế toàn bộ bằng công tơ điện đo xa, việc sắp xếp bố trí lại công việc, giải quyết chế độ cho người lao động để chuyển đổi từ làm trực tiếp đo - ghi - thanh toán tiền điện sang công việc khác cũng đang được các đơn vị điện lực quan tâm thực hiện.

Chất lượng điện năng, độ tin cậy cung cấp điện đã được cải thiện rõ rệt. Tỷ lệ tổn thất điện năng của Việt Nam liên tục giảm từ mức 11,78% năm 2005 xuống còn 6,42% năm 2020 - tương đương với chỉ số này của các quốc gia tiên tiến trên thế giới. Để đạt được mức giảm tổn thất điện năng này là nhờ thực hiện đồng loạt các giải pháp từ đầu tư cải tạo lưới, giải pháp vận hành tối ưu để giảm tổn thất kỹ thuật và giải pháp quản lý để giảm tổn thất thương mại gồm cả chống mất cắp điện.



Độ tin cậy cung cấp điện và dịch vụ khách hàng đã được cải thiện rất nhiều. Mức độ cải thiện chỉ số tổng thời gian mất điện của khách hàng bình quân (SAIDI) đã vượt mục tiêu đặt ra tại Quyết định số 1670/QĐ-TTg ngày 8 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án phát triển lưới điện thông minh tại Việt Nam, chỉ số thực hiện qua các năm như sau: năm 2013 là trên 4.000 phút; năm 2015 là 2.110 phút, năm 2016 đạt 1.579 phút, năm 2017 là 1.077 phút, năm 2018 là 724 phút (giảm 30% so với năm 2017), năm 2019 đạt

khoảng 400 phút và năm 2020 đạt 346,12 phút, trong đó Tổng công ty Điện lực TP HCM (EVNHCM) đạt 57 phút tương đương với chỉ số SAIDI của Malaysia).

6.3. Công tác điều độ vận hành hệ thống điện

Do tính chất vật lý đặc thù, việc sản xuất - truyền tải - phân phối - tiêu thụ điện năng phải được chỉ huy thống nhất bởi Đơn vị điều độ hệ thống điện. Vai trò Đơn vị điều độ hệ thống điện Việt Nam được giao cho Trung tâm Điều độ Hệ thống điện quốc gia vào năm 1994 khi hệ thống điện Việt Nam được liên kết trở thành một hệ thống thống nhất qua đường dây 500 kV Bắc - Nam. Từ năm 2011, Trung tâm Điều độ hệ thống điện quốc gia thực hiện thêm vai trò của Đơn vị điều hành thị trường điện. Tại Điều 42 Luật Điện lực, nhiệm vụ của Đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia đã được quy định là: xây dựng phương thức, kế hoạch vận hành hệ thống điện quốc gia; chỉ huy điều khiển các đơn vị phát điện, truyền tải điện, phân phối điện thực hiện phương thức vận hành; chỉ huy xử lý các tình huống khẩn cấp hoặc bất thường... bảo đảm hệ thống điện quốc gia vận hành an toàn, tin cậy, kinh tế và tuân thủ theo các quy định về điều độ hệ thống điện quốc gia trong thị trường điện lực, không phân biệt đối xử trong việc huy động công suất, điện năng của các đơn vị phát điện trong hệ thống điện quốc gia. Bộ Công Thương cũng đã ban hành các Thông tư quy định về điều độ, thao tác và xử lý sự cố trong hệ thống điện quốc gia, hình thành hành lang pháp lý cho công tác điều độ vận hành hệ thống điện theo các nguyên tắc đã được xác định tại Luật Điện lực.

Trước năm 2011 (trước thời điểm thị trường điện được vận hành), công tác điều độ vận hành hệ thống điện quốc gia (bao gồm phương thức huy động công suất các nguồn điện) đã được thực hiện theo nguyên tắc an toàn, ổn định và kinh tế, đáp ứng nhu cầu điện cho sản xuất và dân sinh, có xét đến các ràng buộc cam kết của Chính phủ tại các hợp đồng BOT điện (nhà máy Tuabin khí Phú Mỹ 2.2, Phú Mỹ 3, thủy điện Cần Đơn). Từ năm 2011, khi thị trường điện được vận hành, công tác điều độ vận hành hệ thống điện được thực hiện theo kết quả cạnh tranh trên thị trường điện, cụ thể:

- Việc lập kế hoạch, lập phương thức vận hành hệ thống điện quốc gia vẫn được thực hiện nhằm đánh giá an ninh cung cấp điện trong khung thời gian từ năm - tháng - tuần, trong đó đã xét đến các ràng buộc đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Tuy nhiên phương thức huy động công suất các nguồn điện tại kế hoạch này chỉ có tính chất định hướng, các nhà máy điện tham gia trực tiếp trên thị trường điện sẽ thực hiện chào giá cạnh tranh.

- Đơn vị điều độ hệ thống điện thực hiện huy động công suất các nguồn điện theo kết quả chào giá cạnh tranh trên thị trường điện. Đơn vị điều độ hệ thống điện chỉ được phép can thiệp khi có các tình huống khẩn cấp hoặc bất thường trong hệ thống điện quốc gia.

Trong những năm qua, công tác điều độ vận hành hệ thống điện quốc gia càng ngày càng được hoàn thiện và đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Việc chỉ huy, điều độ thông qua cơ chế thị trường cạnh tranh đã góp phần nâng cao tính minh bạch, khuyến khích các nhà máy điện đổi mới công tác sản xuất, vận hành, áp dụng nhiều sáng kiến nhằm tiết giảm chi phí để có được lợi thế cạnh tranh về giá. Đơn vị

Điều độ hệ thống điện cũng đã xây dựng hệ thống thu thập dữ liệu, giám sát, điều khiển để hiện đại hóa công tác chỉ huy điều độ, sử dụng các công nghệ lưới điện thông minh nhằm tích hợp năng lượng tái tạo, nâng cao chất lượng điện năng.

Bên cạnh nhiệm vụ phát điện, việc phối hợp vận hành các nhà máy điện (thủy điện, nhiệt điện,..) cũng đáp ứng nhiều nhiệm vụ quan trọng khác. Đặc biệt các thủy điện đã có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo tưới tiêu, giao thông thủy, góp phần đảm bảo an ninh lương thực và chống hạn hán, điều tiết giảm lũ cho hạ du. Các nguồn nhiệt điện than, khí cũng có vai trò trọng yếu đối với cung cấp điện. Đối với việc sử dụng nguồn khí, trong các năm 2004-2019, nhu cầu khí cho phát điện là khá cao, chiếm tỷ lệ lớn trong tổng nhu cầu tiêu thụ khí. Thực tế một số mỏ khí đã xuất hiện tình trạng suy giảm sớm do khai thác vượt mức. Do tầm quan trọng của điện khí đối với an ninh cung cấp điện, Bộ Công Thương đã có các chỉ thị đối với việc sử dụng khí cho phát điện.

Theo xu thế chung của thế giới, cũng như phù hợp với các cam kết nhất quán của Việt Nam trong các Hội nghị Liên hợp quốc về chống biến đổi khí hậu, tỷ trọng các nguồn năng lượng tái tạo ngày càng cao trong cơ cấu nguồn điện tại Việt Nam. Về kết quả phát triển loại hình năng lượng điện mặt trời, tính đến hết năm 2021, đã có 16.564 MW công suất điện mặt trời (kể cả điện mặt trời mái nhà) đã được đấu nối vào hệ thống điện quốc gia (chiếm 21,4% công suất toàn hệ thống), đưa Việt Nam trở thành một quốc gia phát triển năng lượng tái tạo nhanh nhất trong khu vực. Nguồn năng lượng tái tạo này đã mang lại hiệu quả bảo vệ môi trường và cắt giảm ô nhiễm. Tuy nhiên do đặc thù của nguồn điện mặt trời, điện gió là các nguồn điện không điều khiển được, đồng thời do ảnh hưởng của dịch Covid-19 đã làm phụ tải điện năm 2020 - 2021 giảm thấp. Điều này đã gây ra rất nhiều khó khăn cho công tác vận hành hệ thống điện. Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn nhưng Bộ Công Thương đã kịp thời có các chỉ đạo về việc vận hành công bằng, minh bạch, đảm bảo an ninh hệ thống điện. Đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia đã tích cực áp dụng các giải pháp khẩn cấp nhằm điều khiển hệ thống điện an toàn. Tuy nhiên, từ thực tiễn này, đặt ra nhu cầu cần rà soát, nâng cao tính pháp lý đối với những quy định về điều độ, vận hành hệ thống điện.

Trong những năm qua, vấn đề an toàn thông tin, an ninh mạng phục vụ điều hành, vận hành hệ thống điện đã cơ bản được đảm bảo. Tuy nhiên, nguy cơ mất an toàn thông tin, an ninh mạng phục vụ điều hành, vận hành hệ thống điện ngày càng cao, do hệ thống điện ngày càng mở rộng, nhiều thành phần tham gia phát triển hệ thống điện. Cùng với sự xuất hiện của các thành phần nguồn điện mới (điện mặt trời, điện gió), hệ thống điện cũng đối mặt với những thách thức mới chưa từng có về độ linh hoạt của các nguồn điện, quán tính hệ thống điện,...

6.4. Về rút ngắn thời gian cấp điện

Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã triển khai thí điểm việc tích hợp các hệ thống kỹ thuật và kinh doanh nhằm giảm số thủ tục và rút ngắn thời gian giải quyết các yêu cầu cấp điện mới. Vì vậy, thời gian giải quyết các thủ tục cấp điện trung áp của Điện lực bình quân là 3,17 ngày, thấp hơn 0,66 ngày so với năm 2019; thời gian cấp điện qua lưới điện hạ áp bình quân cho khách hàng sinh hoạt

khu vực TP/TX/TT là 2,27 ngày, khu vực nông thôn là 2,67 ngày và khách hàng ngoài sinh hoạt là 2,66 ngày.¹¹

Thời gian bình quân cấp điện lưới trung - hạ áp năm 2020

TT	Đơn vị	Cấp điện lưới trung áp (tiếp cận điện năng) (ngày)	Cấp điện lưới hạ áp (ngày)		
			Sinh hoạt TP/TX/TT	Sinh hoạt nông thôn	Ngoài sinh hoạt
1	EVNNPC	4,48	2,19	2,03	2,43
2	EVNSPC	3,16	2,39	3,05	3,18
3	EVNCPC	2,10	1,88	2,31	2,12
4	EVNHANOI	3,20	2,62	3,25	3,07
5	EVNHCMC	2,83	2,20	2,91	2,41
	Toàn EVN	3,17	2,27	2,67	2,66

6.5. Công tác dịch vụ khách hàng

Từ cuối năm 2019, EVN đã hoàn thành tích hợp toàn bộ 12/12 dịch vụ điện trực tuyến cấp độ 4 lên Cổng dịch vụ công quốc gia (Cổng DVCQG). EVN cũng là đơn vị tiên phong chuyển đổi dịch vụ thanh toán tiền điện sang nền tảng thanh toán của Cổng DVCQG. Các dịch vụ điện thuộc nhóm các dịch vụ nổi bật, được nhiều người sử dụng nhất, chiếm tỷ lệ 77,16% số yêu cầu của các Bộ, ngành, địa phương được người dân và doanh nghiệp thực hiện trên Cổng DVCQG.

6.5.1. Về cung cấp dịch vụ điện

- Các Tổng công ty Điện lực đã tiếp nhận trên 9,37 triệu yêu cầu cung cấp dịch vụ điện, trong đó trên 9 triệu yêu cầu được tiếp nhận qua Trung tâm Chăm sóc khách hàng, Trung tâm Hành chính công, dịch vụ công; xét riêng các yêu cầu tiếp nhận qua Internet (Cổng DVCQG, website CSKH, App CSKH, Zalo...) chiếm tỷ lệ 11,64%.

- Về cung cấp trực tuyến mức độ 4: tiếp nhận trên 2 triệu yêu cầu, trong đó tiếp nhận tại phòng GDKH là 16,07% và 83,93% tiếp nhận qua Trung tâm Chăm sóc khách hàng, Trung tâm Hành chính công, dịch vụ công. Riêng tiếp nhận qua internet là 50,85%.

- Các đơn vị đã tiếp nhận 1,22 triệu yêu cầu cung cấp dịch vụ điện theo phương thức điện tử trên tổng số 1,44 triệu yêu cầu (tỷ lệ giao dịch điện tử toàn

¹¹ Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch năm 2020 và Kế hoạch 05 năm 2016 - 2020 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam

EVN đạt 78%, vượt kế hoạch 28%) và các Tổng công ty Điện lực đều vượt kế hoạch EVN giao (50%), trong đó EVNHCMC thực hiện tốt nhất đạt 92%, EVNNPC đạt 83%, EVNCPC đạt 81%, EVNHANOI đạt 75%, EVNSPC 67%.

- Tiếp nhận qua Công Dịch vụ công Quốc gia: trong năm 2020 có 547.648 yêu cầu cung cấp dịch vụ điện qua Cổng DVCQG tương ứng với 33,88%, vượt 13,88% so với kế hoạch năm. EVNCPC có tỷ lệ cao nhất đạt 46,92% (vượt KH 26,92%) EVNHANOI đạt 34,29% (vượt kế hoạch 14,29%), EVNSPC 33,82% (vượt kế hoạch 13,82%), EVNNPC 33,04% (vượt kế hoạch 13,04%), EVNHCMC 23,11% (vượt 3,11% so với kế hoạch giao).

6.5.2. Về thanh toán tiền điện không dùng tiền mặt

- Tỷ lệ khách hàng không dùng tiền mặt toàn EVN đạt 71,48%, cao hơn 11,48% so với kế hoạch. Các Tổng công ty Điện lực đều vượt kế hoạch giao, trong đó EVNHANOI đạt 99,68%, EVNHCMC đạt 98,68%, EVNSPC đạt 81,45%, EVNCPC đạt 60,59%, EVNNPC đạt 54,36%.

- Tỷ lệ tiền điện thanh toán không dùng tiền mặt toàn EVN đạt 91,9%, vượt kế hoạch 1,90%, trong đó: EVNHANOI đạt 99,95%, EVNHCMC đạt 98,53%, EVNSPC đạt 91,72%, EVNNPC 88,31% và EVNCPC 87,21%.¹²

7. Triển khai hoạt động cấp Giấy phép hoạt động điện lực

7.1. Thực hiện phân cấp, phân quyền về cấp giấy phép hoạt động điện lực

Thực hiện quy định về phân cấp, phân quyền trong Luật Điện lực về cấp giấy phép hoạt động điện lực, Chính phủ đã ban hành các quy định về điều kiện cấp giấy phép hoạt động điện lực tại Nghị định số 105/2005/NĐ-CP (hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2013), Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013, Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020.

Triển khai nhiệm vụ được giao trong Luật Điện lực, Bộ Công Thương đã ban hành các quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động điện lực theo từng thời kỳ: Quyết định số 32/2006/QĐ-BCN ngày 06 tháng 9 năm 2006, Quyết định số 18/2008/QĐ-BCT, Thông tư số 25/2013/TT-BCT ngày 29 tháng 10 năm 2013, Thông tư số 10/2015/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2015, Thông tư số 12/2017/TT-BCT ngày 31 tháng 7 năm 2017, Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16 tháng 10 năm 2018, Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09 tháng 9 năm 2020, Thông tư số 10/2023/TT-BCT ngày 21 tháng 4 năm 2023.

Nhìn chung, Chính phủ đã quy định và sửa đổi các điều kiện cấp giấy phép hoạt động điện lực phù hợp với thực tiễn quản lý và sự phát triển của hoạt động điện lực theo từng thời kỳ. Kịp thời sửa đổi, đơn giản hóa các điều kiện kinh

¹² Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch năm 2020 và Kế hoạch 05 năm 2016 - 2020 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam

doanh nhằm tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân được tham gia hoạt động điện lực theo quy định của pháp luật.

Bộ Công Thương đã quy định chi tiết và hướng dẫn đầy đủ về thành phần hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động điện lực, đảm bảo công khai, minh bạch và thuận lợi cho các tổ chức cá nhân. Hàng năm Bộ Công Thương đều rà soát nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính, áp dụng dịch vụ công trực tuyến, tạo điều kiện tối đa cho tổ chức, cá nhân. Bên cạnh đó, Bộ Công Thương cũng tăng cường phân cấp việc cấp giấy phép hoạt động điện lực cho các địa phương theo đúng quy định tại Luật Điện lực, nâng cao chủ trương phân cấp, phân quyền trong hoạt động quản lý nhà nước của Đảng và Chính phủ.

Qua thực tiễn thi hành cho thấy, việc tiếp tục giao Chính phủ quy định các điều kiện về cấp giấy phép hoạt động điện lực và Giao Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động điện lực là phù hợp với thực tiễn quản lý và tiếp tục phát huy được những kết quả, hiệu quả trong việc thực hiện Luật Điện lực trong thời gian vừa qua.

7.2. Công tác cấp giấy phép hoạt động điện lực

Thực hiện nhiệm vụ quy định tại Luật Điện lực năm 2004, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Điện lực năm 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành, tính đến hết năm 2022, Bộ Công nghiệp/Bộ Công Thương và Cục Điều tiết điện lực đã thực hiện công tác thẩm định hồ sơ và cấp giấy phép hoạt động điện lực với số lượng giấy phép cụ thể như sau:

Hạng mục	Cấp mới	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn
Tổng số lượng Giấy phép đã cấp	1.742	849
Hoạt động phát điện	972	448
Hoạt động truyền tải điện	02	01
Hoạt động phân phối và bán lẻ điện	201	135
Hoạt động bán buôn điện	01	01
Hoạt động tư vấn chuyên ngành điện lực	611	264

Ngoài ra, Bộ Công Thương đã phân cấp cho UBND cấp tỉnh cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân có hoạt động điện lực với quy mô nhỏ trong phạm vi địa phương, cụ thể: Hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 03 MW đặt tại địa phương; Hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương; Hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4 kV tại địa phương; Tư vấn chuyên ngành điện lực, bao gồm: Tư vấn thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35 kV, đăng ký doanh nghiệp tại địa phương. Tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35 kV, đăng ký doanh nghiệp tại địa phương.

Trong giai đoạn 2005 - 2021, tổng số giấy phép hoạt động điện lực đã cấp tại các địa phương như sau:

Hạng mục	Cấp mới	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn
Tổng số lượng Giấy phép đã cấp	3.640	419
Hoạt động phát điện	80	05
Hoạt động phân phối và bán lẻ điện	1.432	235
Hoạt động tư vấn chuyên ngành điện lực	2.128	179

7.3. Công tác thu hồi giấy phép hoạt động điện lực

Thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm, tính đến hết năm 2022, Cục Điều tiết điện lực đã thực hiện nhiều đợt kiểm tra, theo dõi thi hành pháp luật đối với các đơn vị điện lực được cấp giấy phép. Khi thực hiện kiểm tra, đoàn kiểm tra đã phát hiện các hành vi vi phạm phải thực hiện thu hồi giấy phép theo quy định của Luật Điện lực, cụ thể đã thu hồi 12 giấy phép, trong đó có 11 giấy phép tư vấn chuyên ngành điện lực, 01 giấy phép trong lĩnh vực phát điện.

Đã xử phạt vi phạm hành chính 140 đơn vị điện lực có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực. Các đơn vị đã nhận thức rõ sai phạm, thực hiện quyết định xử phạt và đã nộp đầy đủ số tiền phạt tại Kho bạc theo quyết định xử phạt.

Các Sở Công Thương trong phạm vi quản lý đã thu hồi các loại giấy phép như sau: Hoạt động phát điện: 01; Hoạt động phân phối và bán lẻ điện: 209; Hoạt động tư vấn chuyên ngành điện lực: 45.

8. Bảo đảm thực hiện quyền, nghĩa vụ của đơn vị điện lực và khách hàng sử dụng điện

Luật Điện lực đã quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của đơn vị phát điện, đơn vị truyền tải điện, đơn vị phân phối điện, đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia, đơn vị bán buôn điện, đơn vị bán lẻ điện, đơn vị tư vấn chuyên ngành điện, khách hàng sử dụng điện và khách hàng sử dụng điện lớn.

Sau khi Luật Điện lực có hiệu lực, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật do Bộ Công Thương ban hành đã tạo khuôn khổ pháp lý đáp ứng yêu cầu nâng cao trách nhiệm, giảm tính độc quyền và cửa quyền v.v... trong hoạt động của các đơn vị điện lực; đồng thời tạo điều kiện cho khách hàng sử dụng điện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của mình; nâng cao trách nhiệm trong việc cung cấp điện, thanh toán tiền điện, sử dụng điện an toàn,... mối quan hệ giữa bên bán điện và khách hàng sử dụng điện được bình đẳng hơn, rõ ràng hơn và văn minh hơn.

Các đơn vị điện lực đã thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định trong Luật Điện lực trong hoạt động điện lực có liên quan. Các khách hàng sử dụng

điện đã tuân thủ các quyền và nghĩa vụ quy định trong Luật Điện lực trong sử dụng điện. Vì vậy, từ ngày Luật Điện lực có hiệu lực, chưa phát sinh những bất cập lớn, làm cản trở, ách tắc trong hoạt động của các đơn vị điện lực và khách hàng sử dụng điện.

9. Về an toàn điện và an toàn đập, hồ chứa thủy điện

9.1. Về an toàn trong phát điện

Trên cơ sở các quy định của pháp luật về an toàn điện do Chính phủ và Bộ Công Thương ban hành, các đơn vị phát điện luôn chú trọng thực hiện và chỉ đạo các đơn vị trong ngành và các đơn vị tuân thủ nghiêm các quy định về an toàn điện, đảm bảo an toàn trong công tác phát điện. Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về đảm bảo an toàn về điện theo đúng quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn điện được Bộ Công Thương ban hành.

Công tác huấn luyện, cấp thẻ an toàn điện cho đối tượng người lao động trực tiếp tham gia công tác quản lý, vận hành, sửa chữa được thực hiện theo quy định về an toàn điện. Các đơn vị trong ngành điện đã ban hành tài liệu, tổ chức huấn luyện hàng năm và ban hành quyết định cấp thẻ an toàn điện theo bậc an toàn cho các đối tượng dựa trên kết quả huấn luyện, sát hạch.

9.2. An toàn đập, hồ chứa thủy điện

a) Các quy định hiện hành áp dụng cho công tác quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện

Cho đến thời điểm hiện nay, các quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện hiện chưa được quy định cụ thể và có hệ thống trong Luật Điện lực. Vì vậy, các hoạt động quản lý đối với lĩnh vực thủy điện nói chung và an toàn trong vận hành thủy điện nói riêng đang gặp nhiều khó khăn về mặt pháp lý. Cơ quan quản lý nhà nước và các chủ đập, hồ chứa thủy điện hiện nay đang thực hiện công tác quản lý vận hành công trình đập, hồ chứa thủy điện và các công tác liên quan đến phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn (PCTT&TKCN) ở hạ du được thực hiện chủ yếu tuân thủ theo các văn bản nhà nước như: Luật Thủy lợi và một số văn bản liên quan đến việc sử dụng tài nguyên nước, quản lý xây dựng công trình thủy lợi, PCTT&TKCN; Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/09/2018 của Chính phủ về Quản lý an toàn đập và hồ chứa nước (Nghị định số 114/2018/NĐ-CP); Nghị định số 126/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia (Nghị định số 126/2008/NĐ-CP); Thông tư số 09/2019/TT-BCT ngày 08/7/2019 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện; Quy trình vận hành liên hồ chứa và các quy định liên quan như Luật Phòng, chống thiên tai, Luật Đê điều, Luật Khoáng sản, Luật Bảo vệ môi trường...

Việc áp dụng các Luật Thủy lợi, Luật PCTT cho công tác quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện chưa phản ánh đầy đủ tính đặc thù riêng và chuyên sâu của ngành thủy điện.

b) Đánh giá tình hình thực hiện quy định về an toàn đập, hồ chứa thủy điện nói chung và quá trình áp dụng Nghị định số 114/2018/NĐ-CP cho lĩnh vực thủy điện nói riêng

- Tình hình thực hiện các quy định về an toàn đập, hồ chứa thủy điện nói chung:

+ Theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 126/2008/NĐ-CP, các hoạt động trong phạm vi hành lang bảo vệ đập, hồ chứa của các công trình nêu trên, trong đó có hoạt động thăm dò, nạo vét, khai thác cát sỏi bị cấm hoạt động. Tuy nhiên, kể từ trước và sau khi Nghị định số 126/2008/NĐ-CP được ban hành và có hiệu lực, song song với nhiệm vụ phát điện, trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nhà máy thủy điện vẫn duy trì các hoạt động phát triển kinh tế như: khai thác khoáng sản, nuôi trồng thủy sản và hoạt động giao thông đường thủy (tại các địa phương như tỉnh Sơn La, Lai Châu, Hòa Bình...).

+ Mặt khác, nội dung Điều 17 Nghị định số 126/2008/NĐ-CP cũng chưa quy định rõ ràng phạm vi hành lang bảo vệ an toàn đập, hồ chứa nước (là công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia). Vì vậy, nhiều bộ, ngành và địa phương hiện vẫn đang lúng túng trong việc áp dụng nội dung này cho các hoạt động trong phạm vi hành lang bảo vệ đập, hồ chứa, trong đó có đập và hồ chứa thủy điện.

Thực tế hiện nay, công tác quản lý nhà nước đối với công trình thủy điện đang được giao cho nhiều bộ, ngành như Bộ Công Thương quản lý chuyên ngành về thủy điện; Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý nước mặt, quy trình vận hành liên hồ, thủy văn, quan trắc và môi trường...; Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì Hội đồng kiểm tra đánh giá an toàn đập quốc gia; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn qua Ủy ban quốc gia PCTT điều hành về xả lũ trong mùa mưa lũ và các trường hợp đặc biệt khác ngoài mùa lũ...; UBND các tỉnh điều hành xả lũ các thủy điện trên địa bàn tỉnh... Vì vậy, đôi khi không tránh khỏi sự chông chéo về mặt quản lý nhà nước và khó khăn cho các đơn vị quản lý vận hành công trình.

- Tổng kết đánh giá tình hình áp dụng Nghị định số 114/2018/NĐ-CP cho lĩnh vực thủy điện:

Nghị định số 114/2018/NĐ-CP được ban hành đã giải quyết được vấn đề khung pháp lý cho lĩnh vực thủy điện. Tuy nhiên, quá trình áp dụng Nghị định số 114/2018/NĐ-CP cho lĩnh vực an toàn đập thủy điện gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, cụ thể như sau:

+ Tại khoản 9 Điều 2 quy định “Vùng hạ du đập là vùng bị ngập lụt khi hồ xả nước theo quy trình; xả lũ trong tình huống khẩn cấp hoặc vỡ đập.”. Quy định này chông chéo (vùng ngập lụt khi xả lũ khẩn cấp có thể trùm lên vùng ngập lụt khi xả lũ theo quy trình vận hành) và không xác định được đối với trường hợp các hồ bậc thang và hồ chứa xây dựng gần nơi hợp lưu với sông/suối khác. Điều này gây khó khăn trong việc xác định trách nhiệm xây dựng, phê duyệt bản đồ ngập lụt (BĐNL), ví dụ thủy điện Hòa Bình chưa xác định được vùng hạ du từ chân đập đến đâu (đến khu vực cầu Trung Hà - ngã ba sông Đà nhập lưu vào

sông Hồng hay đến Việt Trì và từ Việt Trì ra đến cửa biển, bao gồm cả Thủ đô Hà Nội). Tuy nhiên, vùng hạ du từ Việt Trì ra đến cửa biển cũng là vùng hạ du của sông Thao và các đập lớn trên sông Lô. Đồng thời quy định này cũng gây khó khăn do chưa xác định được ranh giới vùng hạ du đập đối với các công trình trên cùng bậc thang để xây dựng BĐNL, phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp, ví dụ như đối với các công trình thủy điện Đại Ninh, Đồng Nai 3 và Đồng Nai 4, các đơn vị chưa rõ vùng hạ du đập được giới hạn đến đâu, trách nhiệm xây dựng BĐNL vùng hạ du các đập này thuộc về đơn vị nào.

+ Tại khoản 1 Điều 23 quy định Chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện; tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm lập phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước. Chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện có trách nhiệm lập phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước, nhưng trên thực tế Nhà nước chỉ cấp phép và cho phép Công ty khai thác và sử dụng nước mặt trong lòng hồ để phát điện, còn diện tích nước mặt và diện tích đất ngập trong lòng hồ chứa do chính quyền địa phương quản lý sử dụng nên rất khó khăn, vướng mắc cho các chủ hồ trong công tác bảo vệ hồ chứa nước.

+ Tại Điều 25 quy định về phương án ứng phó thiên tai và phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp. Phương án ứng phó thiên tai trong giai đoạn khai thác chưa có mẫu phương án thống nhất, hướng dẫn cụ thể. Hiện tại, mẫu phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập chỉ có trong quá trình thi công xây dựng đập (theo Phụ lục I Thông tư 09/2019/TT-BCT). Khó khăn khi xây dựng phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp cho các công trình chưa có bản đồ ngập lụt trên các lưu vực như sông Cả, sông Đồng Nai và các công trình không có bản đồ ngập lụt như thủy điện Sơn La, Lai Châu, Huội Quảng, Bản Chát thuộc lưu vực sông Hồng...

+ Tại khoản 1 Điều 25 quy định Chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện; tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm lập và rà soát, điều chỉnh, bổ sung hàng năm phương án ứng phó thiên tai, phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp. Đối với phương án ứng phó với thiên tai thì việc rà soát, phê duyệt hàng năm là phù hợp. Tuy nhiên, đối với phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp phải trình UBND cấp tỉnh phê duyệt, trong khi nội dung phương án phụ thuộc vào BĐNL, các kịch bản ứng phó, tình trạng công trình... lại rất ít khi thay đổi.

+ Tại Điều 26 quy định thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp, đã cập nhật hiệu chỉnh Phương án theo bản đồ ngập lụt (BĐNL) do Bộ NN&PTNT xây dựng nhưng do chưa nhận được Bản đồ phê duyệt chính thức nên một số Sở Công Thương các tỉnh không có cơ sở để thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt (như tại tỉnh Quảng Nam).

+ Tại Điều 27 quy định về bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập: Vướng mắc trong xác định ranh giới vùng hạ du đập đối với các công trình trên cùng bậc thang để xây dựng bản đồ ngập lụt, phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp như đối với các công trình thủy điện Đại Ninh, Đồng Nai 3 và Đồng Nai 4, các đơn vị chưa rõ vùng hạ du đập được giới hạn đến đâu, trách nhiệm xây dựng bản

đồ ngập lụt vùng hạ du các đập này thuộc về đơn vị nào.

9.3. Về bảo vệ an toàn hành lang lưới điện cao áp

Về cơ bản, các địa phương và các đơn vị trong ngành điện đã thực hiện đầy đủ các quy định có liên quan về bảo vệ an toàn hành lang lưới điện cao áp. Tuy nhiên, việc vi phạm hành lang an toàn lưới điện cao áp vẫn xảy ra tại các địa phương trên địa bàn cả nước dẫn đến các tai nạn điện giết. Các đơn thư khiếu nại về công tác đền bù, giải phóng mặt bằng đối với các công trình có liên quan đến hành lang lưới điện vẫn còn nhiều sự vụ kéo dài, khó giải quyết.

9.4. Về kiểm định an toàn kỹ thuật các thiết bị, dụng cụ điện, an toàn trong sử dụng điện

Hiện nay, các nội dung về an toàn sử dụng điện chưa được quy định trong Luật và các văn bản dưới luật một cách đầy đủ và hệ thống, vì vậy, các cơ quan đang gặp nhiều khó khăn trong công tác quản lý. Hiện tượng tai nạn điện giết do sử dụng điện đang có chiều hướng gia tăng và diễn biến phức tạp tại các doanh nghiệp và địa bàn dân cư. Cá biệt, có địa phương mỗi năm xảy ra hàng chục vụ tai nạn khiến nhiều người chết và bị thương nặng.

Công tác kiểm định an toàn kỹ thuật các thiết bị, dụng cụ điện đã được các doanh nghiệp trong ngành chú trọng và chỉ đạo các đơn vị thực hiện theo đúng quy định. Tuy nhiên, các nội dung về kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện chưa được quy định đầy đủ và mang tính hệ thống trong Luật Điện lực và các văn bản dưới luật, cũng như chưa phản ánh hết các đặc thù của kiểm định an toàn thiết bị điện như chưa có quy định về Danh mục các thiết bị, dụng cụ điện phải kiểm định, nội dung kiểm định, chu kỳ kiểm định, quản lý hoạt động kiểm định và quản lý vận hành công trình thủy điện. Từ đó dẫn đến hoạt động kiểm định các thiết bị điện không được kiểm soát chặt chẽ, gây mất an toàn trong sử dụng điện.

10. Về quản lý nhà nước trong hoạt động điện lực và sử dụng điện

Luật Điện lực đã quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về hoạt động điện lực và sử dụng điện thuộc Chính phủ, Bộ Công Thương và UBND các cấp. Nhiệm vụ điều tiết hoạt động điện lực do Cơ quan điều tiết điện lực giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện.

10.1. Quản lý nhà nước về quy hoạch, đầu tư phát triển điện lực

Hiện nay, Bộ Công Thương được Chính phủ giao thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động điện lực và sử dụng điện tuân thủ trên cơ sở các quy định tại Luật Điện lực. Công tác xây dựng Quy hoạch ngành quốc gia, triển khai quy hoạch ngành được thực hiện nhiều năm và đang mang lại nhiều kết quả tốt, ngành điện ngày càng phát triển theo đúng định hướng của Đảng, Chính phủ, là một công cụ quan trọng trong việc đảm bảo an sinh xã hội, đồng thời là công cụ điều tiết kinh tế vĩ mô quan trọng.

10.1.1. Về quy hoạch phát triển điện lực (QHPTDL)

a) Giai đoạn trước khi Luật Điện lực được sửa đổi bởi Luật số 28/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số Luật liên quan đến Luật Quy hoạch:

Theo Luật Điện lực, quy định quản lý nhà nước về QHPTĐL như sau:

- Đối với QHPTĐL quốc gia: Bộ Công thương tổ chức lập quy hoạch phát triển điện lực quốc gia trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; công bố và hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch phát triển điện lực quốc gia đã được phê duyệt; quy định cụ thể nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực và hướng dẫn lập kế hoạch triển khai thực hiện.

- Đối với QHPTĐL tỉnh: Ủy ban nhân dân tổ chức lập quy hoạch phát triển điện lực tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua trước khi trình Bộ trưởng Bộ Công thương phê duyệt; công bố và hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện QHPTĐL tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã được phê duyệt. Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110kV (Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức lập, trình Bộ Công Thương phê duyệt) và Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung và hạ áp sau các trạm 110kV (UBND tỉnh phê duyệt và điều chỉnh).

Việc quản lý nhà nước trong thực hiện QHPTĐL quốc gia và QHPTĐL tỉnh theo trình tự thủ tục điều chỉnh quy hoạch theo chu kỳ (điều chỉnh tổng thể các nội dung quy hoạch) và trình tự rút gọn đối với việc điều chỉnh quy hoạch không theo chu kỳ (do ít ảnh hưởng đến quy hoạch chung) như sau:

- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung QHPTĐL quốc gia: gồm nguồn điện trên 50 MW và lưới điện 220 kV, 500 kV.

- Bộ Công Thương phê duyệt điều chỉnh, bổ sung QHPTĐL tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương - Hợp phần Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110kV: gồm nguồn điện đến 50 MW, lưới điện 110 kV và lưới điện đấu nối nguồn điện.

- UBND thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Hợp phần Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung và hạ áp sau các trạm 110kV.

Ngoài ra, công tác triển khai QHPTĐL còn được quản lý thông qua hoạt động của Ban chỉ đạo Quy hoạch điện VI (được thành lập năm 2007), Ban Chỉ đạo nhà nước về quy hoạch điện phát triển điện lực quốc gia được thành lập năm 2011 và 2016. Đối với các địa phương, thông qua đầu mối quản lý nhà nước là Sở Công Thương, các QHPTĐL tỉnh đã thực sự đóng một vai trò quan trọng trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng, thu hút đầu tư, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương.

b) Giai đoạn sau khi Luật Điện lực được sửa đổi bởi Luật số 28/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số Luật liên quan đến Luật Quy hoạch:

Luật Điện lực đã được sửa đổi bởi Luật số 28/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số Luật liên quan đến Luật Quy hoạch, trong đó, việc quản lý nhà nước về QHPTĐL được tham chiếu bởi quy định pháp luật về quy hoạch. Cụ thể, tại Chương II về quy hoạch và đầu tư phát triển điện lực có quy định: Việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, tổ chức thực hiện và điều chỉnh quy hoạch phát

triển điện lực theo quy định của pháp luật về quy hoạch. Do đó, các công tác quản lý nhà nước về quy hoạch được thể hiện chi tiết tại Luật Quy hoạch và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP về hướng dẫn Luật Quy hoạch.

Trên cơ sở các quy trình thủ tục theo quy định tại Luật Quy hoạch và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch và nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao, Bộ Công Thương đã phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương đã thực hiện xong công tác lập, trình thẩm định QHPTĐL thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 (đang trong quá trình phê duyệt).

10.1.2. Về đầu tư phát triển điện lực

Luật Điện lực quy định: Đầu tư phát triển điện lực phải phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực. Dự án đầu tư chưa có trong quy hoạch phát triển điện lực chỉ được thực hiện khi cơ quan lập quy hoạch phát triển điện lực trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch cho phép. Chủ đầu tư dự án điện lực có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng và bảo vệ môi trường.

Do đó, việc quản lý nhà nước đối với các dự án đầu tư điện lực được thực hiện trên cơ sở pháp luật về đầu tư, xây dựng, trong đó Bộ Công Thương đóng vai trò cơ quan quản lý chuyên ngành về điện lực, Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố là các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương. Ngoài công tác quản lý chuyên ngành (điện lực, môi trường,...) thì các công tác quản lý nhà nước về đầu tư, về vốn (đầu tư công, vốn nhà nước) còn được phân giao cho các Bộ, ngành (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ủy ban Quản lý nhà nước tại doanh nghiệp) tham gia quản lý theo quy định pháp luật về đầu tư, đầu tư công, về quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Kết quả thực hiện QHPTĐL đã được nêu tại Phần II Báo cáo này.

10.2. Nhiệm vụ điều tiết hoạt động điện lực

Thực hiện quy định tại Điều 66 Luật Điện lực, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 258/2005/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2005 về việc thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Cục Điều tiết điện lực thuộc Bộ Công nghiệp; Quyết định số 153/2008/QĐ-TTg ngày 28 tháng 11 năm 2008 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Điều tiết điện lực thuộc Bộ Công Thương (thay thế Quyết định số 258/2005/QĐ-TTg) và nay là Quyết định số 2630/QĐ-BCT ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. Sau gần 20 năm hoạt động, Cục Điều tiết điện lực đã thực hiện được những công việc chủ yếu sau đây:

a) Về thị trường điện lực cạnh tranh

Trên cơ sở các Lộ trình xây dựng và phát triển thị trường điện lực Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ ban hành, Cục Điều tiết điện lực đã nghiên cứu đề xuất với Bộ trưởng Bộ Công Thương, Thủ tướng Chính phủ về tái cơ cấu ngành điện Việt Nam, chuẩn bị điều kiện cần thiết cho thiết kế thị trường điện

các cấp độ; đã nghiên cứu xây dựng các quy định, quy tắc vận hành thị trường và một số quy trình kỹ thuật khác cho vận hành thị trường điện lực; đã xác định tỷ lệ công suất và tỷ lệ điện năng giữa hình thức mua bán thông qua hợp đồng có thời hạn và mua bán giao ngay phù hợp với các cấp độ của thị trường điện lực; thực hiện giám sát vận hành thị trường điện hiệu quả, góp phần đảm bảo an ninh cung cấp điện.

b) Về giá điện

Cục Điều tiết điện lực đã chủ trì xây dựng các quy định có liên quan đến giá điện: cơ chế điều chỉnh giá bán điện, cơ cấu biểu giá điện, khung giá phát điện, khung giá bán buôn điện, khung giá của mức bán lẻ điện bình quân, phương pháp tính giá phát điện, giá truyền tải điện, giá dịch vụ phụ trợ hệ thống điện, chi phí vận hành hệ thống điện và thị trường điện trình Bộ trưởng Bộ Công Thương, Thủ tướng Chính phủ ban hành theo thẩm quyền; hướng dẫn và tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách về giá điện. Cục Điều tiết điện lực đã kiểm tra, giám sát việc điều chỉnh và thực hiện giá bán điện theo quy định.

c) Về hệ thống điện

Cục Điều tiết điện lực đã nghiên cứu, đề xuất các giải pháp điều chỉnh quan hệ cung cầu và quản lý quá trình thực hiện cân bằng cung cầu về điện; hướng dẫn điều kiện, trình tự ngừng cấp điện, cắt điện hoặc giảm mức tiêu thụ điện; điều kiện, trình tự đầu nối vào hệ thống điện quốc gia; theo dõi việc thực hiện kế hoạch và dự án đầu tư phát triển nguồn điện, lưới điện truyền tải, lưới điện phân phối để bảo đảm phát triển phù hợp với quy hoạch điện lực đã được phê duyệt.

Cục Điều tiết điện lực đã xây dựng, báo cáo Bộ Công Thương trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các Đề án, chương trình: Phát triển lưới điện thông minh ở Việt Nam; Chương trình quốc gia về Quản lý nhu cầu điện giai đoạn 2018-2020, định hướng 2030; phê duyệt danh mục nhà máy điện lớn, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; phê duyệt Danh mục các nhà máy điện phối hợp vận hành với các nhà máy điện lớn, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; phê duyệt chủ trương, cơ chế mua bán điện với nước ngoài qua lưới điện quốc gia; phê duyệt kế hoạch vận hành hệ thống điện hàng năm.

Thực hiện công tác giám sát vận hành hệ thống điện, kịp thời chỉ đạo hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền chỉ đạo nhằm đảm bảo an ninh cung cấp điện, phục vụ phát triển kinh tế xã hội.

d) Về cấp giấy phép hoạt động điện lực

Về hoạt động cấp giấy phép hoạt động điện lực, Bộ Công Thương (Cục Điều tiết điện lực) đã tiến hành kiểm tra, thẩm định, cấp giấy phép hoạt động điện lực thuộc các lĩnh vực phát điện, phân phối điện, bán buôn điện, bán lẻ điện và tư vấn chuyên ngành điện lực. Tổ chức đào tạo và cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực cho các Sở Công Thương và đơn vị tham gia hoạt động điện lực theo quy định của Bộ Công Thương; xây dựng và thực hiện Dịch vụ công trực tuyến trong hoạt động cấp giấy phép và cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực, thực hiện cải

cách hành chính trong cung cấp dịch vụ công. Bên cạnh đó, Bộ Công Thương cũng tăng cường phân cấp việc cấp giấy phép hoạt động điện lực cho các địa phương (UBND cấp tỉnh/Sở Công Thương) theo đúng quy định tại Luật Điện lực, nâng cao chủ trương phân cấp, phân quyền trong hoạt động quản lý nhà nước của Đảng và Chính phủ.

Qua thực tiễn thi hành cho thấy, việc tiếp tục giao Chính phủ quy định các điều kiện về cấp giấy phép hoạt động điện lực và giao Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động điện lực là phù hợp với thực tiễn quản lý và tiếp tục phát huy được những kết quả, hiệu quả trong việc thực hiện Luật Điện lực trong thời gian vừa qua.

10.3. Quản lý nhà nước về an toàn điện, an toàn đập, hồ chứa thủy điện

10.3.1 Quản lý nhà nước về an toàn điện

Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp đã tiến hành kiểm tra, thẩm định, trình Bộ Công Thương cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định; xây dựng và thực hiện Dịch vụ công trực tuyến trong hoạt động cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định, thực hiện cải cách hành chính trong cung cấp dịch vụ công.

a) Về an toàn trong phát điện:

- Trên cơ sở các quy định của pháp luật về an toàn điện, các doanh nghiệp luôn chú trọng thực hiện và chỉ đạo các đơn vị trong ngành và các đơn vị tuân thủ nghiêm các quy định về an toàn điện, đảm bảo an toàn trong công tác phát điện. Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về đảm bảo an toàn về điện theo đúng quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn điện được Bộ Công Thương ban hành.

- Công tác huấn luyện, cấp thẻ an toàn điện cho đối tượng người lao động trực tiếp công tác quản lý, vận hành, sửa chữa được thực hiện theo Thông tư số 31/2014/TT-BCT ngày 02/10/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện. Các doanh nghiệp trong ngành điện đã ban hành tài liệu, tổ chức huấn luyện hàng năm và ban hành quyết định cấp thẻ an toàn điện theo bậc an toàn cho các đối tượng dựa trên kết quả huấn luyện, sát hạch.

b) Về bảo vệ an toàn hành lang lưới điện cao áp:

Về cơ bản, các địa phương và các đơn vị trong ngành điện đã thực hiện đầy đủ các quy định có liên quan về bảo vệ an toàn hành lang lưới điện cao áp. Tuy nhiên, việc vi phạm hành lang an toàn lưới điện cao áp vẫn xảy ra tại các địa phương trên địa bàn cả nước dẫn đến các tai nạn điện giạt. Các đơn thư khiếu nại về công tác đền bù, giải phóng mặt bằng đối với các công trình có liên quan đến hành lang lưới điện vẫn còn nhiều sự vụ kéo dài, khó giải quyết.

c) Về an toàn trong sử dụng điện:

- Hiện nay, các nội dung về an toàn sử dụng điện chưa được quy định trong Luật và các văn bản dưới luật một cách đầy đủ và hệ thống, vì vậy, các cơ quan đang gặp nhiều khó khăn trong công tác quản lý. Hiện tượng tai nạn điện giạt do

sử dụng điện đang có chiều hướng gia tăng và diễn biến phức tạp tại các doanh nghiệp và địa bàn dân cư. Cá biệt, có địa phương mỗi năm xảy ra hàng chục vụ tai nạn dẫn đến chết người và bị thương nặng.

- Công tác kiểm định an toàn kỹ thuật các thiết bị, dụng cụ điện luôn được các doanh nghiệp trong ngành chú trọng và chỉ đạo các đơn vị thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 33/2015/TT-BCT ngày 27/10/2015; Thông tư số 28/2017/TT-BCT ngày 08/12/2017 của Bộ Công Thương; Thông tư số 05/2021/TT-BCT ngày 02/8/2021 của Bộ Công Thương quy định một số nội dung về an toàn điện; Thông tư số 05/2021/TT-BCT ngày 02/8/2021 của Bộ Công Thương quy định một số nội dung về an toàn điện, hàng năm các đơn vị lập kế hoạch kiểm định đưa vào kế hoạch sản xuất kinh doanh của đơn vị và triển khai thực hiện đầy đủ theo quy định.

10.3.2. Quản lý nhà nước về an toàn đập, hồ chứa thủy điện

Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp đã tiến hành kiểm tra, thẩm định trình Bộ Công Thương cấp Giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện; phê duyệt Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện; phê duyệt Phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện.

Công tác vận hành các nhà máy thủy điện luôn được các doanh nghiệp trong ngành chú trọng thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 09/2019/TT-BCT ngày 08/7/2019 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập, hàng năm các đơn vị lập kế hoạch kiểm tra đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện và đưa vào kế hoạch kiểm tra của đơn vị và triển khai thực hiện đầy đủ theo quy định.

10.4. Quản lý nhà nước về kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm

Thực hiện các quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, ngoài việc xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực, hàng năm Bộ Công Thương đã ban hành kế hoạch thực hiện thanh tra, kiểm tra, theo dõi thi hành pháp luật trong đó có lĩnh vực điện lực. Kết quả thực hiện trong giai đoạn từ ngày Luật Điện lực năm 2012 có hiệu lực đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

10.4.1. Công tác thanh tra, kiểm tra, theo dõi thi hành pháp luật

a) Về quy hoạch, đầu tư phát triển điện lực

Hàng năm, trên cơ sở phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định phê duyệt Kế hoạch kiểm tra, thanh tra cho năm kế tiếp (trong đó bao gồm kế hoạch kiểm tra, thanh tra các hoạt động trong ngành năng lượng) để các cơ quan, đơn vị trong Bộ và các cơ quan liên quan triển khai thực hiện. Trên cơ sở Quyết định phê duyệt Kế hoạch kiểm tra, thanh tra hàng năm của Bộ Công Thương, các đơn vị được giao chủ trì sẽ triển khai, thực hiện công tác kiểm tra theo đúng Kế hoạch đề ra và báo cáo Lãnh đạo Bộ kết quả kiểm tra và trình Lãnh đạo Bộ thông qua để báo cáo Thủ tướng Chính phủ các vấn đề vượt thẩm quyền. Cụ thể:

- Tổ chức nhiều đoàn kiểm tra tình hình triển khai thực hiện đối với các dự án nguồn điện, kể cả nguồn điện NLTT và làm việc với các địa phương (Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, các tỉnh khu vực miền Đông và miền Tây Nam Bộ,...) về các khó khăn, vướng mắc khi triển khai thực hiện dự án.

- Tổ chức nhiều chuyến công tác làm việc tại các dự án nguồn và lưới điện và với các địa phương, đơn vị liên quan như: nhiệt điện Nghi Sơn 2, nhiệt điện Công Thanh, nhiệt điện Thái Bình 2, thủy điện Đa Nhim mở rộng, Thủy điện Thượng Kon Tum, một số dự án thủy điện nhỏ khu vực Tây Bắc và các đường dây đầu nối,...

- Tổ chức nhiều đoàn công tác kiểm tra, rà soát tiến độ tại các dự án nguồn và lưới điện, như: Sông Hậu 1, Duyên Hải 3 mở rộng, Duyên Hải 2, Thủy điện Hồi Xuân, nhiệt điện Nghi Sơn 2, nhiệt điện Công Thanh, thủy điện Ialy mở rộng, Thủy điện Thượng Kon Tum và đường dây 220 kV đầu nối, đường dây 500 kV Tây Hà Nội - Thường Tín, TBA 500 kV Phó Nối và các đường dây đầu nối, đường dây 500/220 kV Nho Quan - Phủ Lý - Thường Tín, một số dự án lưới điện phân phối tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hậu Giang,...

- Tăng cường công tác quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng, vận hành khai thác công trình thủy điện là việc làm thường xuyên hàng năm.

- Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu các công trình điện lực theo quy định pháp luật về xây dựng.

Ngoài công tác kiểm tra của Bộ Công Thương - cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành (điện lực), thì việc kiểm tra, giám sát đánh giá dự án đầu tư còn được các chủ thể thực hiện giám sát và đánh giá đầu tư theo quy định pháp luật về đầu tư (chủ đầu tư, người quyết định đầu tư, cơ quan chủ quản, cơ quan đại diện chủ sở hữu, cơ quan đăng ký đầu tư và cơ quan cấp giấy chứng nhận đầu tư và các cơ quan chuyên ngành khác liên quan, cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công và cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, ban giám sát của cộng đồng). Hệ thống thông tin về đánh giá, giám sát đầu tư đã được triển khai trên toàn quốc, tập trung tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư để cập nhật, lưu trữ thông tin, giám sát, đánh giá, phân tích, công khai thông tin theo quy định về các chương trình, dự án đầu tư trên toàn quốc.

b) Về cấp phép hoạt động điện lực, giá điện, vận hành hệ thống điện và thị trường điện

Thực hiện phân công của Bộ Công Thương, trong giai đoạn 2012 - 2023, tổng số đơn vị thanh tra, kiểm tra theo dõi thi hành pháp luật do Cục Điều tiết điện lực chủ trì thực hiện là 295. Trong đó, có 18 đơn vị điện lực được thanh tra; 268 đơn vị điện lực được kiểm tra, theo dõi thi hành pháp luật. Đối tượng được thanh tra, kiểm tra bao gồm: các đơn vị phát điện, truyền tải điện, phân phối điện, bán buôn, bán lẻ điện, điều độ hệ thống điện và thị trường điện, tư vấn chuyên ngành điện lực. Phạm vi và nội dung kiểm tra các đơn vị điện lực tập trung chủ yếu vào việc tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động điện lực (bao gồm các quy định về hệ thống điện, đo đếm điện, quy định thị trường

điện, quy định về giá bán điện, quy định về giấy phép hoạt động điện lực, chế độ báo cáo định kỳ theo quy định,...).

Ngoài ra, để tăng cường kiểm tra, giám sát việc phân cấp, phân quyền quản lý nhà nước về điều tiết điện lực đối với các địa phương, Cục Điều tiết điện lực đã tổng hợp nội dung báo cáo của các Sở Công Thương cũng như tổ chức kiểm tra đối với 12 Sở Công Thương trong 06 năm gần đây, nội dung kiểm tra tập trung chủ yếu vào công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực điều tiết hoạt động điện lực do Bộ Công Thương phân cấp cho Sở Công Thương.

Các chương trình thanh tra, kiểm tra, theo dõi thi hành pháp luật được tiến hành theo thời hạn, trình tự, thủ tục theo quy định (có Biên bản làm việc, báo cáo kết quả và kết luận thanh tra, có theo dõi tình hình khắc phục các kiến nghị của Đoàn).

Kết quả kiểm tra cho thấy: Phần lớn các Sở Công Thương và phần lớn các đơn vị điện lực được kiểm tra, thanh tra tuân thủ tương đối tốt các quy định của pháp luật. Đối với các hành vi chưa tuân thủ quy định của pháp luật, các đoàn kiểm tra đã kịp thời có ý kiến yêu cầu các đơn vị điện lực nghiêm túc khắc phục các tồn tại, thực hiện đúng quy định của pháp luật và theo dõi kết quả thực hiện.

c) Về an toàn điện, an toàn đập, hồ chứa thủy điện

Về an toàn điện: Thực hiện phân công của Bộ Công Thương, trong giai đoạn 2021-2023, tổng số đơn vị thanh tra, kiểm tra theo dõi thi hành pháp luật do Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp chủ trì thực hiện như sau:

- Năm 2021: Không thực hiện do dịch Covid-19
- Năm 2022: Kế hoạch thực hiện 05 đơn vị, đã thực hiện 05/05 đơn vị (thanh tra: 0 đơn vị, kiểm tra: 05 đơn vị)

Trong đó 01 đơn vị, Công ty Điện lực Cà Mau kiểm tra công tác việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn điện; 04 đơn vị gồm: Công ty Cổ phần Cơ điện FTD Việt Nam; Công ty TNHH Thương mại dịch vụ kỹ thuật Nhật Hạ; Công ty TNHH Tư vấn đầu tư xây lắp điện và Dịch vụ kỹ thuật DH; Xí nghiệp dịch vụ điện lực - Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng kiểm tra việc thực hiện quy định về duy trì các điều kiện của Giấy chứng nhận đã được cấp theo quy định của pháp luật (Lĩnh vực giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định).

Chương trình kiểm tra, theo dõi thi hành pháp luật được tiến hành theo thời hạn, trình tự, thủ tục theo quy định (có Biên bản làm việc, báo cáo kết quả và kết luận kiểm tra và Văn bản chỉ đạo của Người ra Quyết định kiểm tra, có theo dõi tình hình khắc phục các kiến nghị của Đoàn).

Kết quả kiểm tra cho thấy: các đơn vị được kiểm tra cơ bản tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn điện, duy trì các điều kiện về hoạt động kiểm định. Đối với các hành vi chưa tuân thủ quy định của pháp luật, các đoàn kiểm tra đã kịp thời có ý kiến yêu cầu các đơn vị nghiêm túc khắc phục các tồn tại, thực hiện đúng quy định của pháp luật và theo dõi kết quả thực hiện, trong đó năm 2022 đã ra Quyết định xử phạt VPHC 01 đơn vị (Công ty TNHH Thương

mại dịch vụ kỹ thuật Nhật Hạ) trong lĩnh vực việc thực hiện quy định về duy trì các điều kiện của Giấy chứng nhận đã được cấp theo quy định của pháp luật (Lĩnh vực giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định).

- Năm 2023: Kế hoạch thực hiện 06 đơn vị; Thời gian thực hiện: từ quý II đến quý IV/2023

Trong đó: kiểm tra công tác việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn điện 03 đơn vị; Kiểm tra việc thực hiện quy định về duy trì các điều kiện của Giấy chứng nhận đã được cấp theo quy định của pháp luật (Lĩnh vực giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định): 03 đơn vị.

Về an toàn đập, hồ chứa thủy điện: Thực hiện phân công của Bộ Công Thương, trong giai đoạn 2018-2023, tổng số đơn vị thanh tra, kiểm tra theo dõi thi hành pháp luật do Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp chủ trì thực hiện là 90 (thanh tra 08 đơn vị, kiểm tra 82 đơn vị).

Trong đó, có 08 đơn vị chủ đập, hồ chứa thủy điện là đối tượng được thanh tra việc chấp hành các quy định quản lý pháp luật về an toàn điện, quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện, kiểm tra. Phạm vi và nội dung kiểm tra các đơn vị điện lực tập trung vào việc tuân thủ các quy định của pháp luật trong công tác vận hành đập, hồ chứa, nhà máy thủy điện (quy định về thực hiện quy trình vận hành hồ chứa, lập, phê duyệt phương án phòng chống thiên tai, thực hiện phương án bảo vệ đập, hồ chứa, chế độ báo cáo định kỳ theo quy định,...).

Các chương trình thanh tra, kiểm tra, theo dõi thi hành pháp luật được tiến hành theo thời hạn, trình tự, thủ tục theo quy định (có Biên bản làm việc, báo cáo kết quả và kết luận thanh tra, có theo dõi tình hình khắc phục các kiến nghị của Đoàn).

Kết quả kiểm tra cho thấy: các chủ đập, hồ chứa thủy điện, các tổ chức quản lý vận hành đập, hồ chứa tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn điện quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện. Đối với các hành vi chưa tuân thủ quy định của pháp luật, các đoàn kiểm tra đã kịp thời có ý kiến yêu cầu các đơn vị nghiêm túc khắc phục các tồn tại, thực hiện đúng quy định của pháp luật và theo dõi kết quả thực hiện.

10.4.2. Công tác xử lý vi phạm hành chính

Trong giai đoạn 2013 - 2023, Các Cục, Vụ được giao nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực điện lực thuộc Bộ Công Thương đã phát hiện và xử phạt vi phạm hành chính đối với khoảng 141 đơn vị điện lực với tổng số tiền nộp phạt vào Ngân sách nhà nước khoảng là 2,2 tỷ đồng.

Ngoài thẩm quyền xử phạt của Bộ Công Thương, trong lĩnh vực điện lực, còn có nhiều lực lượng khác tham gia xử lý vi phạm hành chính như lực lượng thanh tra và kiểm tra viên điện lực của các Sở Công Thương, Kiểm tra viên điện lực của các Công ty điện lực. Việc đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho lực lượng này là vô cùng cấp thiết, vì đây là lực lượng thực thi pháp luật trực tiếp thực hiện xử lý vi phạm. Nhận thức được điều đó, công tác nâng cao chất lượng

đội ngũ công chức, viên chức, đội ngũ kiểm tra viên điện lực trong việc thực hiện các quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động điện lực được chú trọng và thực hiện một cách hiệu quả. Hằng năm, thông qua việc thực hiện các cuộc thanh tra, kiểm tra, theo dõi thi hành pháp luật của Bộ Công Thương và báo cáo kết quả thực hiện các Nghị định số 134/2013/NĐ-CP, Nghị định số 17/2022/NĐ-CP của phần lớn các Sở Công Thương cho thấy: chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đội ngũ kiểm tra viên điện lực tại địa phương khi thực hiện các quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính ngày một nâng cao, kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm, xử lý theo đúng quy định và thẩm quyền được giao, đồng thời xác định được các vướng mắc trong thực thi quy định về xử lý vi phạm hành chính để có đề xuất Bộ Công Thương xem xét sửa đổi, bổ sung kịp thời hoặc có đề xuất sửa đổi Luật XLVPHC (ví dụ: mức xử phạt, thẩm quyền xử phạt, quy định về tạm giữ tang vật, phương tiện,...).

Ngoài ra, kết quả kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại các Sở Công Thương và các đơn vị điện lực cho thấy các đơn vị thực hiện tương đối tốt các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Các hành vi vi phạm trong lĩnh vực điện lực đều được các lực lượng có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính để xử lý theo thẩm quyền hoặc chuyển đến cơ quan có thẩm quyền xử phạt theo quy định. Trình tự, thủ tục xử lý vi phạm đảm bảo theo quy định.

Qua công tác thanh, kiểm tra nội bộ, ngành Điện lực đã phát hiện, ngăn ngừa hành vi vi phạm trong hoạt động điện lực, an toàn đập, hồ chứa thủy điện và lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và đã thu được những kết quả nhất định. Số liệu báo cáo của các Sở Công Thương địa phương cho thấy, tổng số vụ vi phạm hành chính cần xử lý (bao gồm cả xử lý các vụ việc do các đơn vị điện lực chuyển hồ sơ) là 18.899 vụ trên tổng số 50.673 số cuộc/vụ thanh tra, kiểm tra; tổng số tiền xử phạt và 37,862 tỷ đồng. Kết quả này cho thấy việc tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đã góp phần phát hiện, phòng ngừa các hành vi vi phạm cần xử lý theo quy định tại Nghị định số 134/2013/NĐ-CP, Nghị định số 17/2022/NĐ-CP, đặc biệt trong sử dụng điện và an toàn điện.

Hành vi vi phạm chủ yếu là trộm cắp điện, ngoài ra còn các hành vi vi phạm khác như: vi phạm quy định về Giấy phép, vi phạm hành lang an toàn điện (do thi công công trình xây dựng, điều khiển phương tiện giao thông), thiết kế, lắp đặt thiết bị điện không đáp ứng các quy định về kỹ thuật và an toàn điện, vi phạm các quy định trong bán lẻ điện, không có quy trình vận hành hồ chứa thủy điện, không cắm mốc chỉ giới phạm vi vùng phụ cận; vi phạm quy định về kiểm toán năng lượng, vi phạm quy định về áp dụng mô hình quản lý năng lượng,....

Riêng đội ngũ Kiểm tra viên điện lực của các Tổng công ty điện lực của EVN trong giai đoạn 2015 - 2019 đã phát hiện 19.565 vụ vi phạm với tổng số tiền cần bồi thường là 198 tỷ đồng (tương ứng với 70,866 triệu kWh), hành vi vi phạm chủ yếu là trộm cắp điện, vi phạm hành lang an toàn điện; chuyển 16.242 hồ sơ vi phạm hành chính tới các cấp có thẩm quyền để xem xét xử phạt, trong đó đã xử phạt 8.843 vụ; số vụ bị khởi tố hình sự là 349, chiếm 36% số vụ đề

ngộ khởi tố hình sự (970 vụ). Đặc biệt, việc kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi trộm cắp điện thời gian qua đã góp phần quan trọng trong việc giảm tổn thất điện năng của EVN qua các năm.

Theo báo cáo của các Sở Công Thương, việc phân cấp cho đội ngũ kiểm tra viên điện lực thuộc EVN trong việc kiểm tra sử dụng điện, an toàn điện và xử lý hành vi vi phạm theo thẩm quyền được quy định tại Nghị định số 134/2013/NĐ-CP, Nghị định số 17/2022/NĐ-CP và Thông tư số 27/2013/TT-BCT đã góp phần kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm của người dân và doanh nghiệp trong hoạt động điện lực để có biện pháp phòng ngừa phù hợp, giúp công tác quản lý lưới điện ngày càng có hiệu quả, đảm bảo vận hành hệ thống điện an toàn, liên tục và ổn định.

Nhìn chung, việc áp dụng các hình thức xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính đối với các tổ chức, cá nhân bằng các hình thức khác nhau, trong đó có phạt tiền đã nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật đối với người dân và doanh nghiệp, làm tăng hiệu quả của việc thực thi các quy định pháp luật trong hoạt động điện lực và sử dụng điện.

10.4.3. Công tác giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo trong hoạt động điện lực

Hàng năm, Cục Điều tiết điện lực đã tiếp nhận và giải quyết kịp thời đơn kiến nghị, phản ánh của các cá nhân và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực điện lực. Việc giải quyết đơn thư kiến nghị, phản ánh của các cá nhân và doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực điện lực được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục và bảo đảm thời hạn theo quy định tại Thông tư của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.

PHẦN III

MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRONG QUÁ TRÌNH THI HÀNH LUẬT ĐIỆN LỰC

Sau gần 20 năm được ban hành và thực thi, Luật Điện lực (được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2012, năm 2018 và năm 2022) đã đạt được những kết quả tốt, góp phần phát triển kinh tế xã hội nói chung và ngành điện nói riêng đáp ứng được nhu cầu sử dụng điện ngày càng cao trong toàn quốc. Tuy nhiên vẫn còn một số nội dung quy định trong Luật chưa điều chỉnh hết các quan hệ pháp lý phát sinh trong thực tiễn thi hành, cụ thể như sau:

1. Về quy hoạch, đầu tư phát triển điện lực

a) Tồn tại, hạn chế

Trong giai đoạn 2011-2020, về cơ bản hệ thống điện đảm bảo đáp ứng nhu cầu phụ tải. Tuy nhiên, công tác phát triển điện lực vẫn tồn tại hạn chế, bất cập dẫn đến vận hành hệ thống điện gặp khá nhiều khó khăn, hệ thống còn thiếu tính bền vững, an ninh cung cấp điện bị ảnh hưởng, cụ thể:

- *Nhiều dự án nguồn điện chậm tiến độ, nguy cơ thiếu điện ngày càng lớn.* Theo Quy hoạch điện VII điều chỉnh, giai đoạn 2016-2030 có tổng cộng 116 dự án nguồn điện cần được đầu tư và đưa vào vận hành (chưa bao gồm các dự án NLTT). Theo kết quả rà soát mới đây, nhiều nguồn điện xây dựng chậm tiến độ

(miền Bắc chậm tiến độ hơn 3.000 MW nguồn nhiệt điện; miền Nam chậm tiến độ hơn 3.600 MW nguồn nhiệt điện). Tỷ lệ thực hiện quy hoạch của các nguồn điện lớn (than, khí) đóng vai trò quan trọng đảm bảo an ninh cung cấp điện và là nguồn điện chạy nền đạt thấp (63%), dẫn tới thiếu hụt nguồn cấp và tỷ lệ dự phòng công suất khả dụng của hệ thống thấp. Việc chậm tiến độ các dự án điện hoặc các dự án không được triển khai theo quy hoạch đang tạo ra các khó khăn, thách thức trong việc đảm bảo cung ứng điện trong thời gian tới.

- Việc phát triển nguồn điện trong những năm gần đây chưa phù hợp với sự phân bố và phát triển phụ tải, cụ thể:

+ Khu vực miền Bắc tăng trưởng điện năng tiêu thụ và Pmax cao nhất trong 3 miền, tương ứng 9,1% và 9,3%/năm trong giai đoạn 2016-2020, trong khi tăng trưởng công suất nguồn chỉ đạt 4,7%/năm, dẫn tới tỷ lệ chênh lệch công suất lắp đặt/Pmax giảm dần từ mức 55% năm 2016 xuống 31% năm 2020, khả năng tự cân đối cung - cầu điện của hệ thống điện miền Bắc đã giảm dần.

+ Khu vực miền Trung và miền Nam tăng trưởng phụ tải thấp hơn so với miền Bắc, chỉ đạt 5-7%. Tuy nhiên, nguồn điện phát triển mạnh, tăng trưởng bình quân 16%/năm tại miền Trung và 21%/năm tại miền Nam dẫn tới tỷ lệ chênh lệch công suất lắp đặt/Pmax của miền Trung và miền Nam cao, tương ứng 237% và 87%.

+ Việc bổ sung quy hoạch các dự án điện gió và mặt trời là cần thiết để bù đắp kịp thời điện năng thiếu hụt do chậm tiến độ nguồn điện được quy hoạch giai đoạn 2016-2020. Tuy nhiên, sự phân bố nguồn chưa phù hợp chủ yếu là do các nhà máy điện gió, điện mặt trời phát triển mạnh và nhanh tại khu vực miền Trung và miền Nam, trong khi đó, các nhà máy nhiệt điện than miền Bắc dự kiến vận hành trong giai đoạn 2016-2020 chậm tiến độ và chỉ có thể vận hành sau năm 2020 như: Na Dương II, Thái Bình II, Hải Hà I,... Vì thế, tình trạng mất cân bằng cung - cầu điện xuất hiện trên cả 3 miền. Theo Quy hoạch điện VII điều chỉnh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/3/2016, tổng công suất các nguồn năng lượng tái tạo nói chung (thủy điện nhỏ, điện gió, mặt trời, sinh khối, ...) trong giai đoạn 2016-2020 là 2.060 MW, tổng công suất các dự án điện mặt trời nổi lưới là 850 MW, tổng công suất các dự án điện gió là 800 MW. Trong giai đoạn 2016-2020, tổng số các dự án được phê duyệt bổ sung QHPTĐL quốc gia và QHPTĐL tỉnh là 175 dự án điện mặt trời với tổng công suất 19.126 MWp (tương ứng khoảng 15.400 MW ac), trong đó, khu vực miền Trung và miền Nam chiếm tới trên 96%; 188 dự án điện gió với tổng công suất là 11.741 MW, trong đó, khu vực miền Trung và miền Nam chiếm 99%, chỉ khoảng 1% tại khu vực miền Bắc.

- Hệ thống truyền tải điện chưa đồng bộ và đáp ứng yêu cầu. Phát triển lưới điện chưa theo kịp phát triển nguồn điện dẫn tới tình trạng nghẽn mạch cục bộ trong thời gian ngắn trên lưới truyền tải và cắt giảm công suất nguồn năng lượng tái tạo. Việc phát triển các nguồn điện, đặc biệt các nguồn điện gió, điện mặt trời tập trung tại khu vực miền Trung và miền Nam đã gây ra hiện tượng thừa nguồn và quá tải cục bộ trong thời gian ngắn một số điểm trên lưới truyền tải nội miền.

- Việc đảm bảo nhiên liệu cho phát điện còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, phụ thuộc nhiều hơn vào thị trường nhập khẩu. Để đảm bảo điện cho phát triển kinh tế - xã hội, từ năm 2016, Việt Nam đã phải nhập khẩu than và thời gian tới đây sẽ phải nhập khẩu khí thiên nhiên hóa lỏng (viết tắt là LNG) cho sản xuất điện. Theo tính toán, lượng than nhập khẩu ước tính lên tới khoảng 50 triệu tấn năm 2025, khoảng 80 triệu tấn năm 2030; lượng LNG nhập khẩu ước tính gần 3 triệu tấn năm 2025 và gần 10 triệu tấn năm 2030. Việc nhập khẩu năng lượng sơ cấp khối lượng lớn nếu không có chiến lược và chính sách phù hợp sẽ tiềm ẩn rủi ro lớn đến an ninh năng lượng quốc gia của nước ta.

- Huy động vốn cho các dự án điện ngày càng khó khăn. Để đảm bảo đủ điện cho phát triển kinh tế - xã hội với tốc độ tăng trưởng nhu cầu điện cao ở mức khoảng 10%/năm, khối lượng đầu tư nguồn và lưới điện rất lớn. Theo tính toán trong Quy hoạch điện VII điều chỉnh, mức vốn đầu tư bình quân hàng năm của ngành điện gần 7,6 tỷ USD/năm. Đây là thách thức rất lớn. Trong bối cảnh giá điện của Việt Nam mới chỉ đảm bảo cho các đơn vị của EVN có mức lợi nhuận khiêm tốn, các doanh nghiệp nhà nước khác như Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) cũng khó khăn về tài chính thì việc huy động vốn cho các dự án điện của các doanh nghiệp này sẽ rất khó khăn. Tương tự như vậy, các dự án nguồn điện do khu vực tư nhân, đầu tư nước ngoài cũng gặp khó khăn trong việc thu xếp vốn do yêu cầu cao từ các bên cho vay (bảo lãnh Chính phủ, chuyển đổi ngoại tệ,...).

- Vấn đề về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án điện

Quy định pháp luật hiện hành về Đầu tư, Đấu thầu, Đầu tư theo Phương thức đối tác công tư (PPP) đã có đầy đủ quy định về các trường hợp lựa chọn nhà đầu tư thực hiện các dự án đầu tư xây dựng nói chung và áp dụng cho dự án điện nói riêng. Vì vậy, trong thực tế đã thực hiện việc lựa chọn nhà đầu tư theo nhiều hình thức khác nhau (phần lớn thực hiện chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư (theo Khoản 4, Điều 29 Luật Đầu tư) và một số trường hợp thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo Luật Đấu thầu, Luật PPP).

b) Nguyên nhân

Thứ nhất, cơ chế, chính sách đối với ngành điện còn thiếu đồng bộ, chậm được đổi mới:

- Các văn bản pháp luật liên quan đến đầu tư các dự án điện còn nhiều bất cập, mâu thuẫn, nhiều nội dung không rõ ràng, còn nhiều vướng mắc như:

+ Về xác định thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư các dự án nhóm A có tổng mức đầu tư dưới 5000 tỷ đồng sử dụng vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước và dự án xây dựng trên địa bàn nhiều tỉnh;

+ Vướng mắc trong việc giải thích quy định về thẩm quyền của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước trong phê duyệt, quyết định dự án đầu tư của doanh nghiệp: Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp quy định còn chưa làm rõ việc “xem xét, phê duyệt” của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước trong thủ tục trình phê duyệt dự án đầu tư đối với các dự

án sử dụng vốn nhà nước.

- Quá trình triển khai các dự án điện sử dụng vốn nhà nước còn nhiều bất cập, chưa có quy trình thực hiện rõ ràng vì liên quan đến nhiều Luật, nhiều ngành nên không có hướng dẫn cụ thể. Nhiều thủ tục phải thực hiện, có sự chồng chéo mà chưa được quy định tối giản/xem xét đồng thời trong các giai đoạn (chuẩn bị đầu tư, đầu tư,...) do chịu sự điều chỉnh của quá nhiều Luật liên quan. Mặc dù trong kế hoạch thực hiện quy hoạch ngành quốc gia đã xác định danh mục dự án sử dụng vốn đầu tư công, ngoài đầu tư công theo Luật Quy hoạch, các dự án điện sử dụng vốn nhà nước còn phải thực hiện thủ tục trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm theo Luật Quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp; thực hiện trình phê duyệt chủ trương đầu tư theo Luật Đầu tư (thẩm quyền thuộc Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban nhân dân); trình phê duyệt dự án theo Luật Xây dựng và Luật Quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước. Chưa kể đến các thủ tục về đất đai, môi trường,... Trong giai đoạn 2018 đến nay, việc triển khai thực hiện các dự án điện lớn do các Tập đoàn kinh tế nhà nước thực hiện là khó khăn, vướng mắc về thủ tục, dẫn đến nhiều dự án không triển khai được hoặc triển khai rất chậm.

- Khó khăn trong việc bổ sung quy hoạch để thực hiện đầu tư, xây dựng các dự án điện mới nhằm đáp ứng nhu cầu cung cấp điện. Việc rà soát, bổ sung vào quy hoạch phát triển điện lực quốc gia còn chậm, thiếu các tiêu chí rõ ràng, chưa có quy định để tạo cơ chế điều hành linh hoạt trong triển khai thực hiện quy hoạch để đảm bảo cung ứng điện.

- Thiếu các cơ chế đặc thù cho phát triển ngành điện đã gây rất nhiều khó khăn đối với công tác phát triển điện lực theo đúng quy hoạch đã đề ra. Trong giai đoạn 2006-2020, để thực hiện đầu tư xây dựng các dự án điện cấp bách nhằm đáp ứng nhu cầu điện năng, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành: Quyết định số 1195/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2005 quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù để thực hiện đầu tư xây dựng các dự án điện cấp bách nhằm đáp ứng nhu cầu điện năng giai đoạn 2006 - 2010; Quyết định số 2414/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2013 quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù để thực hiện đầu tư xây dựng các dự án điện cấp bách nhằm đáp ứng nhu cầu điện giai đoạn 2014 - 2020 và giai đoạn sau năm 2020. Việc áp dụng các cơ chế, chính sách đặc thù này đã góp phần rút ngắn thời gian chuẩn bị đầu tư cũng như tạo điều kiện triển khai và đưa vào vận hành kịp thời các dự án, góp phần đảm bảo cung ứng điện phục vụ cho phát triển kinh tế xã hội của đất nước cũng như nhu cầu điện cho sinh hoạt của nhân dân.

Giai đoạn từ năm 2020 đến nay, theo quy định tại Khoản 1 Điều 128 Luật Xây dựng quy định công trình xây dựng đặc thù gồm: công trình bí mật nhà nước, công trình được xây dựng theo lệnh khẩn cấp và công trình xây dựng tạm. Tại khoản 48 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng (Luật số 62/2020/QH14) sửa đổi Điều 130 về công trình xây dựng khẩn cấp gồm: “công trình được xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo phải thực hiện nhanh để kịp thời

đáp ứng yêu cầu giải quyết các vấn đề bức thiết về bảo đảm an ninh năng lượng”. Tuy nhiên, việc xác định tiêu chí thế nào “các vấn đề bức thiết về bảo đảm an ninh năng lượng” thì chưa có quy định cụ thể tại bất kỳ văn bản quy phạm pháp luật nào, dẫn tới thiếu hành lang pháp lý để triển khai quy định này. Mặt khác, để áp dụng cơ chế đặc thù theo Luật Xây dựng thì thủ tục cần thực hiện cho riêng từng công trình¹³ dẫn đến, việc thực hiện thủ tục này không áp dụng chung cho nhóm công trình có tính chất cấp bách như nhau. Đặc biệt, việc xây dựng các dự án lưới điện nhằm giải tỏa công suất các nguồn điện năng lượng tái tạo có được hiểu là “các vấn đề bức thiết về bảo đảm an ninh năng lượng” cũng chưa được quy định rõ, dẫn đến các dự án này vẫn phải triển khai theo các quy định chung, không rút ngắn được thời gian thực hiện.

- Luật Điện lực chưa có chế tài ràng buộc trách nhiệm của các chủ đầu tư khi thực hiện chậm trễ các dự án đầu tư xây dựng công trình điện. Mặc dù Luật Đầu tư, Luật Đất đai đã có các quy định xử lý các trường hợp cần thu hồi dự án. Tuy nhiên, trong thực tế, việc thực hiện thủ tục này chưa quyết liệt từ các cơ quan có thẩm quyền tại địa phương và trung ương.

- Các quy định liên quan đến đất đai qua các thời kỳ có nhiều sự thay đổi, còn chồng chéo, chưa được rà soát đảm bảo tính thống nhất giữa các quy định pháp luật về điện lực, đất đai và quy hoạch.

+ Giai đoạn 2004-2013:

Luật Đất đai (2003) quy định: Căn cứ để lập quy hoạch sử dụng đất bao gồm: Chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của cả nước; quy hoạch phát triển của các ngành và các địa phương. Căn cứ để lập kế hoạch sử dụng đất bao gồm: Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm năm và hàng năm của Nhà nước và khả năng đầu tư thực hiện các dự án, công trình có sử dụng đất. Một trong các trường hợp thực hiện điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là: Có sự điều chỉnh mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, xét duyệt mà sự điều chỉnh đó làm thay đổi cơ cấu sử dụng đất.

Theo đó, Luật Điện lực (2004) quy định: Căn cứ QHPTĐL và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm bố trí đủ quỹ đất cho xây dựng các công trình điện lực.

+ Giai đoạn 2014-2018:

Luật Đất đai (2013), có hiệu lực 01/7/2014, quy định tại khoản 8, Điều 35 về một trong các nguyên tắc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là “Quy

¹³ Khoản 3 Điều 130 Luật Xây dựng: Thủ tướng Chính phủ quyết định các cơ chế đặc thù đối với từng công trình quy định tại điểm b khoản 1 Điều này bao gồm khảo sát, thiết kế xây dựng công trình; hình thức lựa chọn nhà thầu và các cơ chế đặc thù khác theo thẩm quyền để đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện đầu tư xây dựng.

hoạch, kế hoạch của ngành, lĩnh vực, địa phương có sử dụng đất phải bảo đảm phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, phê duyệt”.

Do đó, giữa nội dung Luật Điện lực và Luật Đất đai có sự không thống nhất giữa quy hoạch ngành có trước hay có sau để làm cơ sở thực hiện quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất. Thực tế, có nhiều công trình khác phải triển khai đầu tư gập vào thời điểm cuối hoặc đầu kỳ lập quy hoạch sử dụng đất của địa phương chu kỳ 5-10 năm, nên không còn quỹ đất phân bổ cho dự án điện. Bên cạnh đó, một số dự án điện được cấp có thẩm quyền phê duyệt bổ sung vào quy hoạch điện nhưng địa phương chưa kịp cập nhật vào quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất. Khi triển khai các dự án điện lực, thường xuyên phải thực hiện các thủ tục điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, nhất là đối với các dự án đầu tư lưới điện. Thủ tục thực hiện mất nhiều thời gian do phải đăng ký Kế hoạch sử dụng đất hàng năm chờ phê duyệt, thời hạn thông báo thu hồi đất theo quy định kéo dài. Các chính sách về mức bồi thường theo khung của nhà nước không theo kịp thực tế,... dẫn đến kéo dài, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai dự án.

+ Giai đoạn 2018 đến nay:

Theo Luật Quy hoạch (2018): Nội dung quy hoạch sử dụng đất quốc gia xác định việc phân bổ và tổ chức không gian sử dụng đất cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu trên cơ sở tiềm năng đất đai và nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực mang tính liên vùng, liên tỉnh. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình cơ quan có thẩm quyền ban hành kế hoạch sử dụng đất để thực hiện quy hoạch.

Trên cơ sở quy định Luật Quy hoạch, Quốc hội đã ban hành Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch 2018 đã sửa đổi một số điều của Luật Đất đai, cụ thể: sửa đổi Điều 35 Luật Đất đai 2013 không quy định “quy hoạch của ngành, lĩnh vực phải bảo đảm phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất” mà quy định “Nội dung phân bổ và sử dụng đất trong quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh phải bảo đảm phù hợp với quy hoạch sử dụng đất quốc gia”. Sửa đổi Điều 39: Nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực tiếp tục là căn cứ để lập Quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh (căn cứ lập phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai trong quy hoạch tỉnh).

Khoản 3 Điều 1 Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai quy định: *“Trách nhiệm xác định nhu cầu sử dụng đất trong việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia được quy định như sau:*

a) Các bộ, ngành xác định nhu cầu sử dụng đất đối với các dự án của ngành, lĩnh vực phụ trách theo từng đơn vị hành chính cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định nhu cầu sử dụng đất của địa phương;

b) Các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi nhu cầu sử dụng đất về Bộ Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị đăng ký nhu cầu sử dụng đất;

c) Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, cân đối nhu cầu sử dụng đất và dự kiến phân bổ các chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia đến từng vùng kinh tế - xã hội và đơn vị hành chính cấp tỉnh”.

Theo trên, về nguyên tắc theo Luật Quy hoạch, Luật Đất đai thì nhu cầu sử dụng đất của quy hoạch ngành quốc gia, cụ thể lĩnh vực điện lực là QHPTĐL là cơ sở để lập Quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất quốc gia. Do đó các nội dung quy định về sử dụng đất trong Luật Điện lực không cần thiết phải quy định vì đã được quy định chi tiết tại các pháp luật về đất đai và quy hoạch.

Thứ hai, chất lượng xây dựng, tổ chức, triển khai thực hiện quy hoạch ngành điện chưa cao:

- Quy hoạch phát triển điện lực có liên quan tới nhiều quy hoạch của các ngành như: than, dầu khí, năng lượng tái tạo, Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Quy hoạch giao thông, Quy hoạch không gian đô thị, Quy hoạch phát triển công nghiệp,... Trên thực tế, việc đồng bộ hóa các quy hoạch này khá khó khăn do thời điểm xây dựng các quy hoạch thường không trùng khớp nhau. Các số liệu phục vụ quy hoạch chưa hoàn toàn đầy đủ, thiếu đồng bộ dẫn tới các kết quả dự báo, tính toán chưa chính xác.

- Công tác quản lý nhà nước đối với việc triển khai thực hiện quy hoạch còn chưa hiệu quả, thủ tục triển khai dự án phức tạp. Điều hành, quản lý việc thực hiện quy hoạch còn nhiều hạn chế, thiếu quyết liệt và chưa có giải pháp kịp thời thúc đẩy các dự án nguồn và lưới điện vào đúng tiến độ.

- Thiếu tính tuân thủ và sự phối hợp, ủng hộ của địa phương đối với quy hoạch đã được phê duyệt, chậm bố trí nguồn lực (đất đai, ...) để triển khai dự án, một số trường hợp các địa phương trước đây đã phê duyệt quy hoạch sau lại thay đổi khiến quy hoạch điện bị phá vỡ.

- Kế hoạch, tiến độ thực hiện, xác định nguồn lực một số dự án trong quy hoạch chưa rõ ràng. Nhiều vướng mắc trong đàm phán các dự án BOT khiến thời gian phát triển dự án kéo dài.

- Năng lực của các nhà đầu tư cũng như nhà thầu trong nước còn hạn chế cả về mặt tài chính và kỹ thuật.

- Vướng mắc khi triển khai các dự án theo Quy hoạch phát triển điện lực cần thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đất rừng: Danh mục dự án điện đã được phê duyệt thoả thuận vị trí địa điểm, tuy nhiên chưa được địa phương đưa vào quy hoạch sử dụng đất, không có trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm nên phải thực hiện các thủ tục về điều chỉnh theo quy định. Nhiều dự án điện khi thực hiện bước phê duyệt thiết kế kỹ thuật thì phải chờ địa phương làm các thủ tục bổ sung kế hoạch sử dụng đất. Việc này kéo dài thời gian triển khai dự án (chậm từ 06

tháng đến 01 năm, thậm chí dài hơn).

- Luật Điện lực hiện hành không quy định bắt buộc phải đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án nguồn điện, vì vậy, trong thực tế đã thực hiện việc lựa chọn nhà đầu tư theo nhiều hình thức khác nhau (phần lớn thực hiện chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư (theo Khoản 4, Điều 29 Luật Đầu tư) và một số trường hợp thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo Luật Đấu thầu, Luật PPP). Mặt khác, tại Khoản 4, Điều 29 Luật Điện lực quy định “Bảo đảm quyền tự quyết định giá mua, bán điện trong khung giá, cơ cấu biểu giá bán lẻ điện do Nhà nước quy định của các đối tượng mua bán điện trên thị trường điện lực” và khoản 4 Điều 7 Luật Doanh nghiệp quy định về quyền doanh nghiệp, như sau: “Tự do tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng”. Theo đó, trường hợp cơ quan có thẩm quyền lựa chọn nhà đầu tư thông qua đấu thầu (nếu có tiêu chí đánh giá về giá phát điện) và nhà đầu tư sẽ ký kết hợp đồng mua bán điện với bên thứ ba (ví dụ như EVN) thì sẽ không phù hợp với các quy định nêu trên (quyền thỏa thuận, tự quyết định giá mua bán điện) tại Luật Điện lực và Luật Doanh nghiệp. Vì vậy, để đảm bảo tính thống nhất trong quy định pháp luật chuyên ngành về đấu thầu, PPP và điện lực trong quy định lựa chọn nhà đầu tư thì cần phải sửa đổi các quy định liên quan tại Luật Điện lực và Luật Doanh nghiệp, làm cơ sở để thực hiện việc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư (trong trường hợp sử dụng tiêu chí đánh giá cạnh tranh về giá).

2. Về chính sách phát triển năng lượng tái tạo

a) Tôn tại, hạn chế

Cơ chế giá bán điện cố định (FIT) là cơ chế giá hỗ trợ của nhà nước chỉ được áp dụng trong thời gian nhất định để khuyến khích thu hút đầu tư vào những lĩnh vực cần đầu tư trong một giai đoạn thời gian nhất định, cụ thể ở đây là điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối, điện rác do đó thường có hiệu lực trong một thời gian nhất định, thường là ngắn. Ví dụ như đối với điện mặt trời: Quyết định 11/2017/QĐ-TTg có hiệu thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2017 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2019; Quyết định 13/2020/QĐ-TTg có giá bán điện áp dụng cho các dự án đưa vào vận hành thương mại trong giai đoạn từ 01 tháng 7 năm 2019 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020;... Trong bối cảnh hiện nay, giá điện năng lượng tái tạo có xu hướng ngày càng giảm, quy mô dự án điện năng lượng tái tạo ngày càng mở rộng, chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong cơ cấu nguồn điện quốc gia, thị trường công nghệ, thiết bị điện gió, điện mặt trời đã trở nên cạnh tranh hơn, việc xem xét, chuyển dịch sang chính sách phát triển theo hướng cạnh tranh, tiệm cận thị trường là phù hợp với xu hướng phát triển trên thế giới. Việc duy trì tiếp tục các chính sách hỗ trợ nêu trên không còn phù hợp.

Để đảm bảo lộ trình tham gia thị trường điện của các dự án phát điện bao gồm cả các dự án điện NLTT, Bộ Công Thương đã quy định phương pháp xây dựng khung giá phát điện đối với các dự án điện NLTT làm cơ sở để bên mua điện là Tập đoàn Điện lực Việt Nam đàm phán với bên phát điện (trong khung giá) tương tự như đang triển khai thực hiện đối với các dự án nguồn điện khác. Các ưu đãi đầu tư các dự án điện NLTT đã được quy định tại Luật Đầu tư, Luật Đất đai,

Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các quy định hiện hành khác. Các quy định hiện hành để đầu tư xây dựng các dự án NLTT đã có đầy đủ tương tự các dự án nguồn điện khác. Việc khuyến khích nguồn điện NLTT nên được thực hiện thông qua khung giá phát điện (ví dụ như nâng mức IRR).

b) Nguyên nhân

Việc xây dựng các Quyết định của Thủ tướng nêu trên đã được các tổ chức quốc tế, tư vấn quốc tế, tư vấn trong nước hỗ trợ phù hợp với kinh nghiệm thế giới, thông lệ thương mại thực tế đầu tư các dự án điện và có đánh giá tác động đến chi phí sản xuất kinh doanh điện và đã thực hiện việc lấy ý kiến (theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật), nghiên cứu tiếp thu giải trình đầy đủ các ý kiến, tuy nhiên việc xác định giá bán điện vẫn có yếu tố đánh giá, dự báo xu thế giá thiết bị trên thế giới. Điều này dẫn đến giá bán điện của các loại hình năng lượng tái tạo chưa bám sát giá thành thực tế, có giai đoạn thì chưa đủ hấp dẫn nhà đầu tư (Quyết định số 37/2011/QĐ-TTg; Quyết định số 24/2014/QĐ-TTg; Quyết định số 31/2014/QĐ-TTg), có giai đoạn thì hấp dẫn nhà đầu tư dẫn đến hiện tượng đầu tư ồ ạt (Quyết định số 39/2018/QĐ-TTg; Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg; Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg).

3. Về chính sách giá điện và điều hành giá

a) Tồn tại, hạn chế

- Về giá phân phối điện:

Hiện nay tại Việt Nam, chi phí phân phối là một thành phần trong tổng chi phí hoạt động phân phối bán lẻ điện (bao gồm cả chi phí phân phối và chi phí bán lẻ điện). Thực hiện lộ trình phát triển thị trường điện lực theo quy định tại Điều 18 Luật Điện lực và mục tiêu “Đẩy nhanh lộ trình thực hiện thị trường điện cạnh tranh”¹⁴ và yêu cầu về việc “xác định danh mục hạ tầng năng lượng có thể dùng chung và xây dựng cơ chế dùng chung phù hợp với cơ chế thị trường” nhằm đảm bảo phát triển hạ tầng năng lượng bền vững của Đảng, Bộ Công Thương đang triển khai các bước nghiên cứu xây dựng mô hình thị trường bán lẻ điện, trong đó, điều kiện tiên quyết để hình thành cạnh tranh bán lẻ điện là phải tách bạch rõ hoạt động phân phối điện (mang tính độc quyền tự nhiên) và hoạt động bán lẻ điện trong các Tổng công ty Điện lực trực thuộc EVN (mang tính cạnh tranh). Khi đó, đơn vị bán lẻ điện, khách hàng sử dụng điện sử dụng dịch vụ phân phối điện để cung cấp điện đến vị trí của khách hàng.

Theo các phân tích ở trên, lưới phân phối điện (mang tính độc quyền tự nhiên) giữ vai trò là 01 hệ thống cơ sở hạ tầng dùng chung trong ngành điện, cần thiết phải hoàn thiện cơ chế giá phân phối điện, hướng tới hoàn thiện cơ chế cung cấp dịch vụ phân phối điện cho khách hàng sử dụng điện, đơn vị bán lẻ điện, đơn vị bán buôn điện. Như vậy, điều kiện tiên quyết là phải có quy định về giá phân phối điện. Theo đó, “giá phân phối điện” sẽ do nhà nước điều tiết tương

¹⁴ Trích khoản 2 Phần III Nghị quyết số 55-NQ/TW của Bộ Chính trị

tự “giá truyền tải điện”.

- Về phí điều độ vận hành hệ thống điện và phí điều hành giao dịch thị trường điện lực

Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện đảm nhận 02 chức năng được quy định trong Luật Điện lực: i) Điều độ hệ thống điện và ii) Điều hành giao dịch thị trường điện. Để đảm bảo tính công khai, minh bạch trong vận hành hệ thống điện và thị trường điện, đơn vị này phải có vị trí độc lập với các đơn vị mua/bán điện trong thị trường điện. Hiện nay, đơn vị này được tổ chức dưới hình thức một đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (với tên gọi Trung tâm Điều độ hệ thống điện quốc gia). Căn cứ theo nguyên tắc trên, Bộ Công Thương đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 168/QĐ-TTg ngày 07 tháng 02 năm 2017, theo đó quy định trong giai đoạn 2019 - 2020 thực hiện chuyển đổi Trung tâm Điều độ hệ thống điện quốc gia thành Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện (thuộc EVN); tiếp đó trong giai đoạn 2021 - 2025 xây dựng phương án và triển khai thực hiện việc chuyển Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện thành đơn vị hoàn toàn độc lập về nhân sự, pháp lý, tài chính, không chung lợi ích với bên bán điện và bên mua điện, do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

- Với sự củng cố, phát triển về vai trò, chức năng, vị trí của Đơn vị điều độ hệ thống điện và đơn vị điều hành giao dịch thị trường điện trong các năm vừa qua, cũng như trong các năm sắp tới, các quy định hiện tại trong Luật Điện lực đang bộc lộ bất cập về cơ chế tài chính: sau khi được chuyển đổi thành mô hình Công ty TNHH MTV, Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện đóng vai trò là 01 doanh nghiệp nhà nước do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, cung cấp dịch vụ điều độ hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện cho các đơn vị điện lực. Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện cần có nguồn thu thông qua các hợp đồng dịch vụ ký kết với các đơn vị điện lực để có nguồn lực tài chính thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao. Hiện nay, khoản 15 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực đã có quy định về “phí điều độ vận hành hệ thống điện và phí điều hành giao dịch thị trường điện lực”. Tuy nhiên, sau đó Quốc hội đã ban hành 02 Luật là Luật Giá và Luật Phí, trong đó xác định lại bản chất và tên gọi của các loại giá và phí trong các lĩnh vực. Khoản 2 Điều 4 Luật Điện lực quy định “*Nhà nước độc quyền trong hoạt động truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia...*”, đối chiếu với các quy định tại Luật Giá, Luật Phí và lệ phí, thì bản chất của “phí điều độ vận hành hệ thống điện và phí điều hành giao dịch thị trường điện lực” quy định tại Luật Điện lực là một loại giá do Nhà nước điều tiết theo quy định của Luật Giá. Trong bối cảnh Trung tâm Điều độ hệ thống điện quốc gia (thuộc EVN) sắp được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện, để có đầy đủ hành lang pháp lý cần thiết, cần thiết phải sửa đổi “phí điều độ vận hành hệ thống điện và phí điều hành giao dịch thị trường điện lực” hiện đang quy định tại khoản 15 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực thành “giá điều độ vận hành hệ thống điện và giá điều hành giao

dịch thị trường điện lực”, đảm bảo sự phù hợp giữa mô hình tổ chức của đơn vị với nguyên tắc xác định giá quy định tại Luật Giá. Nội dung này cũng phù hợp với yêu cầu về việc “rà soát, điều chỉnh các quy định về kiểm soát và điều phối thị trường điện lực” tại khoản 2 Phần III Nghị quyết 55-NQ/TW. Về hợp đồng mua bán điện giữa đơn vị phát điện và đơn vị mua điện và trách nhiệm kiểm tra trước khi các bên ký hợp đồng (tiền kiểm):

Thực hiện quy định tại điểm m khoản 23 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực, khoản 1 và khoản 3 Điều 27 Nghị định số 137/2013/NĐ-CP, Chính phủ đã giao Bộ Công Thương thẩm quyền kiểm tra và ban hành hợp đồng mẫu đối với một số hợp đồng có thời hạn được ký kết giữa các đơn vị điện lực, trình tự kiểm tra đối với các loại hợp đồng này. Hợp đồng mẫu được ban hành là căn cứ pháp lý để các bên đàm phán và ký kết hợp đồng mua bán điện.

Trong những năm qua, cùng với sự phát triển của ngành điện và thị trường điện lực, khung pháp lý điều chỉnh hoạt động điện lực ngày càng hoàn thiện, sự nắm bắt các văn bản quy phạm pháp luật và ý thức tuân thủ pháp luật của các đơn vị điện lực ngày càng cao. Thực tiễn công tác kiểm tra hợp đồng của cơ quan Điều tiết điện lực cho thấy các đơn vị đã chấp hành nghiêm túc các nội dung chính của hợp đồng mua bán điện.

Tuy nhiên, việc Bộ Công Thương quy định về mẫu hợp đồng mua bán điện và kiểm tra hợp đồng mua bán điện (là hoạt động tiền kiểm trước khi hai bên ký Hợp đồng) sẽ gây khó khăn cho các bên trong việc đàm phán, thỏa thuận theo các quy định pháp luật khác như Bộ luật Dân sự, Luật Thương mại (Theo quy định của Bộ luật Dân sự, Luật Thương mại, hợp đồng là một giao dịch dân sự, thương mại do 02 bên tự thỏa thuận theo quy định, các bên được quyền tự chủ kinh doanh, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật những việc mình làm phù hợp với cơ chế thị trường).

Đồng thời, việc kiểm tra hợp đồng trước khi ký kết cũng có một số nhược điểm như các bên phải mất thêm thời gian để chờ đợi kết quả kiểm tra và đặc biệt một số doanh nghiệp cũng có trao đổi, đề xuất bổ sung thêm các nội dung mang tính đặc thù của từng dự án phù hợp với cơ chế thị trường có sự thỏa thuận giữa bên bán, bên mua mà trong hợp đồng mẫu do Bộ Công Thương ban hành chưa quy định. Trong khi đó, với việc ngày càng nhiều doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn từ nước ngoài đầu tư vào nguồn điện nên các doanh nghiệp mong muốn được đàm phán, thỏa thuận các điều khoản về hợp đồng mua bán điện với bên mua điện trên cơ sở đặc thù, đặc tính của từng dự án nguồn điện.

- Về một số nội dung liên quan đến mua bán điện và dịch vụ cung cấp điện theo hợp đồng có thời hạn cần được đưa vào Luật để làm căn cứ ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết:

Một số nội dung mặc dù đã được quy định trong các Nghị định, Thông tư hướng dẫn nhưng chưa được quy định trong Luật như hợp đồng mua bán điện sinh hoạt, đảm bảo thực hiện hợp đồng, thanh toán tiền điện, phương pháp xác định giá trị bồi thường thiệt hại trong trường hợp các bên không tự thỏa thuận

được; đồng thời chưa giao cơ quan nhà nước có thẩm quyền hướng dẫn các nội dung này. Mặc dù, thực tiễn thi hành cho thấy, các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn chi tiết Luật của Chính phủ, Bộ Công Thương hiện hành đã đủ để điều chỉnh các nội dung này, phù hợp với đặc thù thay đổi nhanh của ngành điện; tuy nhiên nếu không được quy định trong Luật, việc ban hành các văn bản hướng dẫn này là chưa đảm bảo cơ sở pháp lý theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

- Về vấn đề tính đúng, tính đủ và lợi nhuận hợp lý của các đơn vị điện lực:

Căn cứ các quy định tại khoản 1 Điều 29 và khoản 4 Điều 30 Luật Điện lực, giá điện các khâu đã được Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện. Theo đó, giá điện được xác định trên cơ sở tính đúng, tính đủ các chi phí sản xuất kinh doanh và lợi nhuận hợp lý:

+ Đối với khâu phát điện, các đơn vị phát điện bao gồm các dự án đầu tư theo hình thức IPP, BOT và nhà máy nhiệt điện hạch toán phụ thuộc EVN tham gia thị trường điện bán buôn đã thỏa thuận, đàm phán, ký kết hợp đồng mua bán điện với tỷ suất sinh lợi nội tại về tài chính (IRR) phổ biến ở mức từ 10% đến 12%. Đối với các đơn vị hạch toán phụ thuộc EVN (thủy điện đa mục tiêu), tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu ở mức bằng phương án giá bán lẻ điện bình quân (khoảng 3%);

+ Đối với khâu truyền tải, phân phối và bán lẻ điện: Lợi nhuận của các đơn vị truyền tải điện, dịch vụ phụ trợ, các Tổng công ty Điện lực trong khoảng từ 0% đến dưới 3%, tùy tình hình cân đối tài chính của EVN hàng năm, đặc biệt trong các năm không thực hiện điều chỉnh giá bán lẻ điện.

Như vậy có sự không thống nhất về mức lợi nhuận áp dụng giữa các đơn vị điện lực. Hiện nay, đã có các thành phần kinh tế tư nhân, nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư các dự án nguồn điện và sắp tới sẽ tham gia đầu tư lưới điện truyền tải, lưới điện phân phối. Vì vậy, cần thiết phải kế thừa những nguyên tắc đang được quy định tại Luật Điện lực và tiếp tục bổ sung chính sách phù hợp theo những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu về định hướng phát triển năng lượng quốc gia tại Nghị quyết số 55-NQ/TW là “xóa bỏ mọi rào cản để đảm bảo giá năng lượng minh bạch do thị trường quyết định”.

- Về thẩm quyền ban hành cơ chế điều chỉnh giá bán lẻ điện và vấn đề trong điều hành giá bán lẻ điện:

+ Thẩm quyền ban hành cơ chế điều chỉnh giá bán lẻ điện: Để có cơ sở cho EVN xây dựng giá bán lẻ điện, căn cứ quy định tại khoản 15 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực, Bộ Công Thương đã chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành: (i) Quyết định số 24/2017/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân (thay thế Quyết định số 69/2013/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2013); (ii) Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện; (iii) Quyết định số 34/2017/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về

khung giá của mức giá bán lẻ điện bình quân giai đoạn 5 năm 2016-2020. Theo đó, Bộ Công Thương có trách nhiệm quy định giá bán lẻ điện cho các nhóm khách hàng sử dụng điện và giá bán điện cho các đơn vị bán lẻ điện.

Đối với cơ chế điều chỉnh giá điện (được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật là Quyết định của Thủ tướng Chính phủ) có quy định phân cấp thẩm quyền điều chỉnh giá bán lẻ điện cho EVN, Bộ Công Thương và Thủ tướng Chính phủ tùy mức độ điều chỉnh giá bán lẻ điện so với giá bán lẻ điện hiện hành. Tuy nhiên, vì điện năng là mặt hàng thiết yếu trong mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, giá điện thay đổi có thể tác động không nhỏ tới tình hình kinh tế vĩ mô nên thực tế các năm qua, việc quyết định điều chỉnh giá điện đều có ý kiến của Chính phủ thông qua các cuộc họp Thường trực Chính phủ. Mặt khác, khoản 3 Điều 8 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 quy định Chính phủ có thẩm quyền “quyết định chính sách cụ thể về tài chính, tiền tệ quốc gia, tiền lương, giá cả”. Do đó, khi áp dụng pháp luật về thẩm quyền điều chỉnh giá điện, thực tế đang thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 mà không thực hiện theo cơ chế điều chỉnh giá điện do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

+ Về thực hiện giá điện theo cơ chế thị trường: Khoản 14 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực quy định “Giá bán điện thực hiện theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước phù hợp với cấp độ phát triển của thị trường điện lực”. Tuy nhiên, việc điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân trong thực tế vẫn chưa hoàn toàn theo quy luật thị trường, giá điện vẫn chưa phản ánh đúng, đủ chi phí sản xuất, kinh doanh điện, giá điện chưa được điều chỉnh tăng/giảm định kỳ phản ánh đúng biến động khách quan của các yếu tố cấu thành giá. Tương tự như đã nêu ở mục trên, cơ chế giá bán lẻ điện bình quân hiện đang được quy định tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, tuy nhiên, để quyết định việc điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân trong thời gian qua hầu hết đều có ý kiến của Chính phủ thông qua cuộc họp Thường trực Chính phủ.

- Về giá bán điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo khu vực chưa nối lưới điện quốc gia:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 62 Luật Điện lực: Cơ chế giá bán lẻ điện cho khách hàng sử dụng điện sinh hoạt tại những khu vực này do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định phù hợp với cơ chế hỗ trợ giá bán lẻ điện do Thủ tướng Chính phủ quy định; các loại giá điện khác do đơn vị điện lực xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định trên cơ sở tham khảo ý kiến của cơ quan điều tiết điện lực.

Thực tiễn thực hiện quy định tại Điều 62 Luật Điện lực cho thấy: Theo kết quả kiểm tra giá thành sản xuất, kinh doanh điện hàng năm của EVN, chi phí sản xuất kinh doanh điện tại khu vực nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo khu vực chưa nối lưới điện quốc gia cao hơn nhiều lần so với tại những khu vực đã nối lưới điện quốc gia do phải sử dụng các nguồn phát điện tại chỗ như diesel, gió, mặt trời.

Hiện nay, trong cơ cấu biểu giá điện tại Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ có quy định cơ chế hỗ trợ

giá điện cho khu vực chưa nối lưới thông qua việc áp dụng giá bán điện khu vực nối lưới điện quốc gia cho khách hàng sử dụng điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo khu vực chưa nối lưới điện quốc gia; chênh lệch chi phí của đơn vị điện lực do áp dụng giá bán điện thống nhất toàn quốc thấp hơn giá thành sản xuất kinh doanh điện được tính vào giá điện chung toàn quốc đối với các khu vực do EVN bán điện, đối với khu vực không do EVN bán điện, chênh lệch chi phí được thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. Việc áp dụng cơ chế hỗ trợ giá điện cho khu vực chưa nối lưới thông qua việc áp dụng giá bán điện khu vực nối lưới điện quốc gia cho khách hàng sử dụng điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo khu vực chưa nối lưới điện quốc gia nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị, đảm bảo an ninh quốc gia tại các khu vực biên giới, hải đảo và chính sách an sinh xã hội cho khu vực khó khăn, kinh tế thấp.

Vì vậy, cần thiết sửa đổi khoản 2 Điều 62 về giá bán điện cho nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo khu vực chưa nối lưới điện quốc gia nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị, đảm bảo an ninh quốc gia tại các khu vực biên giới, hải đảo và chính sách an sinh xã hội cho khu vực khó khăn, kinh tế thấp; phù hợp với quy định tại khoản 1a Điều 4 Luật Điện lực về chính sách phát triển điện lực (quy định: "ưu tiên phát triển điện phục vụ nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn") và để đảm bảo tính thống nhất, xuyên suốt trong quy định từ Luật Điện lực đến văn bản dưới Luật.

b) Nguyên nhân

Các quy định tại Luật Điện lực không còn phù hợp với thực tiễn:

- Về cơ sở pháp lý hình thành giá phân phối điện: “Phí phân phối điện” đã từng được quy định tại Điều 41 Luật Điện lực năm 2004. Tuy nhiên, trong Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Điện lực năm 2012 lại đưa “phí phân phối điện” ra khỏi Luật do thời điểm đó chưa có thị trường bán lẻ điện cạnh tranh nên chưa sử dụng tới phí phân phối điện. Hiện nay, tại Luật Điện lực chưa có quy định về “giá phân phối điện” làm cơ sở để áp dụng. Vì vậy, để có đủ cơ sở pháp lý cho việc tính toán, ban hành giá phân phối điện làm cơ sở cho hình thành thị trường bán lẻ điện cạnh tranh hoàn chỉnh, thúc đẩy cơ chế hợp đồng mua bán điện trực tiếp giữa nhà sản xuất và khách hàng tiêu thụ thông qua hệ thống điện quốc gia cần thiết phải bổ sung quy định về “giá phân phối điện” trong Luật.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực năm 2012 đã có quy định về “phí điều độ vận hành hệ thống điện và phí điều hành giao dịch thị trường điện lực”. Tuy nhiên, sau đó Luật Giá và Luật Phí được ban hành đã xác định lại bản chất và tên gọi của các loại giá và phí trong các lĩnh vực. Đối chiếu với các quy định tại Luật Giá, Luật Phí và lệ phí, bản chất của “phí điều độ vận hành hệ thống điện và phí điều hành giao dịch thị trường điện lực” quy định tại Luật Điện lực là một loại giá do Nhà nước điều tiết theo quy định của Luật Giá.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, Quốc hội đã thông qua Luật Giá (sửa đổi), trong đó có một số nội dung sửa đổi Luật Điện lực, theo đó: giá phân phối điện đã được đưa vào khoản 8 Điều 73 Luật Giá như sau: "*Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 31 của Luật Điện lực số 28/2004/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo*

Luật số 24/2012/QH13, Luật số 28/2018/QH14 và Luật số 03/2022/QH15 như sau: “2. Khung giá phát điện, khung giá bán buôn điện, giá truyền tải điện, giá phân phối điện, giá dịch vụ phụ trợ hệ thống điện, giá điều độ vận hành hệ thống điện và giá điều hành giao dịch thị trường điện lực do đơn vị điện lực có liên quan xây dựng; cơ quan điều tiết điện lực thẩm định trình Bộ trưởng Bộ Công Thương, Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt theo sự phân công của Chính phủ, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 62 của Luật này. Bộ trưởng Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập khung giá phát điện, khung giá bán buôn điện, giá truyền tải điện, giá phân phối điện, giá dịch vụ phụ trợ hệ thống điện, giá điều độ vận hành hệ thống điện và giá điều hành giao dịch thị trường điện lực.”.

Như vậy, đối với việc xác định bất cập về giá phân phối điện và phí điều hành giao dịch thị trường điện lực và phí điều độ vận hành hệ thống điện, cơ quan chủ trì soạn thảo đã tiến hành đánh giá bất cập của Luật Điện lực hiện hành và phân tích nguyên nhân của vấn đề. Về đề xuất "Bổ sung quy định về giá phân phối điện" và sửa đổi "phí điều hành giao dịch thị trường điện lực" và "phí điều độ vận hành hệ thống điện" thành "giá điều hành giao dịch thị trường điện lực" và "giá điều độ vận hành hệ thống điện" đã được quy định tại khoản 8 Điều 73 Luật Giá. Vì vậy, Luật Điện lực sẽ không phải đề xuất nội dung này.

Về kiểm tra hợp đồng mua bán điện giữa đơn vị phát điện và đơn vị mua điện: Việc kiểm tra hợp đồng mua bán điện đang quy định tại điểm m khoản 2 Điều 66 Luật Điện lực (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 23 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực): “Kiểm tra hợp đồng mua bán điện có thời hạn giữa đơn vị phát điện và đơn vị mua điện, hợp đồng mua bán buôn điện có thời hạn theo quy định của Chính phủ” (công tác tiền kiểm), nhưng nội dung này không còn phù hợp với thực tiễn.

- Về một số nội dung về hợp đồng mua bán điện và hoạt động mua bán điện cần được đưa vào Luật để làm căn cứ ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết: Do Luật Điện lực được xây dựng và ban hành đã lâu (tại thời điểm ban hành Luật Điện lực chưa có quy định phải giao nhiệm vụ hướng dẫn cụ thể tại các điều khoản chi tiết trong luật nên việc ban hành các văn bản hướng dẫn về lĩnh vực điện dựa trên Điều 70 Luật Điện lực), trong khi đó, Quốc hội đã ban hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, trong đó, có quy định nguyên tắc ban hành văn bản quy định chi tiết tại Điều 11 theo hướng “...văn bản quy định chi tiết chỉ được quy định nội dung được giao...”.

- Về vấn đề tính đúng, tính đủ và lợi nhuận hợp lý của các đơn vị điện lực

Để thu hút đầu tư tư nhân vào khâu phát điện, các dự án phát điện theo hình thức IPP, BOT (có chủ đầu tư không phải EVN) được ưu đãi về chính sách giá điện với tỷ suất sinh lợi nội tại về tài chính phổ biến ở mức từ 10% đến 12% theo kinh nghiệm quốc tế. Với các đơn vị phát điện hạch toán phụ thuộc EVN và các khâu khác (truyền tải điện, phân phối-bán lẻ điện) do vẫn thuộc sở hữu 100% vốn Nhà nước nên áp dụng mức lợi nhuận định mức thấp hơn so với thị trường để đảm bảo không tạo áp lực lớn lên giá bán lẻ điện bình quân. Tuy nhiên, để phù

hợp theo những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu về định hướng phát triển năng lượng quốc gia tại Nghị quyết số 55-NQ/TW, một số quy định về chính sách giá điện tại Luật chưa đảm bảo để thực hiện chủ trương công khai, minh bạch, không phân biệt đối xử giữa các đơn vị điện lực.

- Về thẩm quyền ban hành cơ chế điều chỉnh giá bán lẻ điện: Chưa có sự thống nhất giữa việc phân cấp, phân quyền trong ban hành cơ chế chính sách về giá điện giữa Luật Điện lực (phân cấp cho Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế điều chỉnh giá bán lẻ điện) và Luật Tổ chức Chính phủ (phân cấp cho Chính phủ có thẩm quyền “quyết định chính sách cụ thể về tài chính, tiền tệ quốc gia, tiền lương, giá cả”).

- Về bù chéo trong giá điện: Chi phí cấp điện đến mỗi vùng, miền là khác nhau do chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố về đặc điểm địa hình, đặc điểm cư trú của người dân, đặc điểm tiêu thụ điện năng, mặt bằng giá cả... Chi phí cung cấp điện đến vùng sâu, vùng xa, miền núi nhiều hơn chi phí cung cấp điện ở thành thị do đặc điểm địa hình hiểm trở, người dân sống rải rác, không tập trung... trong khi đó thu nhập của người dân ở vùng sâu, vùng xa, miền núi lại thấp hơn thu nhập của người dân ở thành thị nhiều. Vì vậy, việc bù chéo trong giá điện giữa các vùng miền là cần thiết để đảm bảo người dân ở mọi miền tổ quốc có quyền tiếp cận và sử dụng điện năng, nâng cao chất lượng cuộc sống và đặc biệt là tạo điều kiện cho người dân ở vùng sâu, vùng xa, miền núi, vùng khó khăn nắm bắt được đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong công cuộc giữ vững và bảo vệ tổ quốc.

Tuy nhiên, Nghị quyết số 55-NQ/TW cũng đã nêu định hướng phát triển năng lượng quốc gia, theo đó “*không thực hiện bù chéo giá điện giữa các nhóm khách hàng, giữa các vùng miền*”. Do đó, quy định tại khoản 3 Điều 29 Luật Điện lực về chính sách giá điện liên quan đến bù chéo là không còn phù hợp với chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 55-NQ/TW.

- Về giá bán điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo khu vực chưa nối lưới điện quốc gia: Do thực tiễn phát sinh việc thực hiện nhiệm vụ chính trị về an ninh, quốc phòng, về an sinh xã hội tại các khu vực nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo khu vực chưa nối lưới điện quốc gia. Vì vậy, cần nghiên cứu sửa đổi quy định này để đáp ứng chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong đảm bảo an ninh quốc gia tại các khu vực biên giới, hải đảo và chính sách an sinh xã hội cho khu vực khó khăn, kinh tế thấp; phù hợp với quy định tại khoản 1a Điều 4 Luật Điện lực về chính sách phát triển điện lực (quy định: “ưu tiên phát triển điện phục vụ nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn”) và để đảm bảo tính thống nhất, xuyên suốt trong quy định từ Luật Điện lực đến văn bản dưới Luật.

4. Về vận hành hệ thống điện

a) Tồn tại, hạn chế

- Nguồn điện NLTT là nguồn biến thiên theo điều kiện thời tiết, kém ổn định, ảnh hưởng tần số và điện áp hệ thống, vì vậy, việc gia tăng tỷ lệ điện NLTT

trong hệ thống tới một mức độ nhất định cần có các giải pháp công nghệ, kỹ thuật phù hợp đối với hệ thống điện để tăng cường kiểm soát, điều khiển hệ thống và ổn định cung cấp điện. Yêu cầu về đồng bộ trong kế hoạch và hoạt động đầu tư phát triển dự án nguồn NLTT và hệ thống điện: thực tế cho thấy thời gian phát triển nguồn điện mặt trời khá ngắn (khoảng 12 tháng), so với hệ thống lưới điện (khoảng từ 2 - 4 năm), vì vậy, việc xác định mục tiêu và kế hoạch phát triển nguồn NLTT cần đồng bộ với kế hoạch phát triển hệ thống lưới điện đầu nối, truyền tải công suất.

Đặc thù của nguồn điện mặt trời, điện gió là các nguồn điện không điều khiển được, đồng thời do ảnh hưởng của dịch Covid-19 đã làm phụ tải điện năm 2020-2021 giảm thấp. Điều này đã gây ra rất nhiều khó khăn cho công tác vận hành hệ thống điện. Từ thực tiễn này, đặt ra nhu cầu cần rà soát, nâng cao tính pháp lý đối với những quy định về điều độ, vận hành hệ thống điện.

- Nguy cơ mất an toàn thông tin, an ninh mạng phục vụ điều hành, vận hành hệ thống điện ngày càng cao, do hệ thống điện ngày càng mở rộng, nhiều thành phần tham gia phát triển hệ thống điện. Cùng với sự xuất hiện của các thành phần nguồn điện mới (điện mặt trời, điện gió), hệ thống điện cũng đối mặt với những thách thức mới chưa từng có về độ linh hoạt của các nguồn điện, quán tính hệ thống điện...

Để vận hành hệ thống điện an toàn, ổn định, tin cậy, chất lượng, hệ thống điện cần được trang bị cơ sở hạ tầng kỹ thuật hỗ trợ việc giám sát, quản lý, vận hành hệ thống điện (hệ thống tự động điều chỉnh công suất máy phát - Automatic Generation Control, hệ thống ổn định công suất - Power Stability System, hệ thống giám sát chất lượng điện năng - Power Quality...). Trường hợp hệ thống điện không có cơ sở hạ tầng kỹ thuật phù hợp, sẽ xảy ra tình trạng dao động công suất, điện áp trong hệ thống điện làm giảm chất lượng điện năng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến độ tin cậy cung cấp điện. Tình trạng này càng nghiêm trọng tương ứng với tỷ trọng của các nguồn năng lượng tái tạo biến đổi (mặt trời, gió) trong hệ thống do các nguồn năng lượng tái tạo này bị hạn chế khả năng điều chỉnh công suất theo yêu cầu của hệ thống. Trường hợp biên độ của nguồn NLTT quá lớn, hệ thống không có khả năng đối phó, sẽ xảy ra tình trạng tan rã hệ thống, mất điện cả một vùng rộng lớn hoặc cả nước như đã từng xảy ra tại một số nước phát triển mạnh về NLTT trên thế giới.

b) Nguyên nhân

- Các quy định tại Luật Điện lực chưa đầy đủ và chưa phù hợp với hiện trạng cũng như định hướng ngành điện lực Việt Nam, cụ thể như sau:

Thứ nhất, các quy định quản lý, vận hành hiện nay chỉ quy định áp dụng trong thị trường điện hoàn chỉnh, trong khi đó hệ thống điện hiện nay gồm cả các thành phần tham gia thị trường điện và không tham gia thị trường điện.

Thứ hai, Luật Điện lực chưa có đầy đủ các quy định về thẩm quyền cho phép ban hành các văn bản dưới luật liên quan tới kỹ thuật, vận hành và cơ sở hạ tầng kỹ thuật cần thiết cho vận hành hệ thống điện trong điều kiện có tỷ trọng cao các

nguồn năng lượng tái tạo.

Thứ ba, thiếu sự liên kết giữa công tác lập quy hoạch phát triển hệ thống điện và công tác lập kế hoạch đầu tư xây dựng các công trình nguồn, lưới điện. Quy hoạch phát triển điện lực hiện nay được lập với chu kỳ 10 năm (có rà soát sau 05 năm). Trong thời gian giữa những lần lập/rà soát quy hoạch, nhiều yếu tố bất định xảy ra như: phụ tải tăng trưởng khác nhiều so với dự báo, sự thay đổi, dịch chuyển công nghệ phát điện có xu hướng ngày càng nhanh... khiến cho quy hoạch trở nên lạc hậu. Vấn đề này có thể được giải quyết thông qua công tác đánh giá an ninh hệ thống điện trung hạn thực hiện hàng năm. Tuy nhiên, hiện nay chưa có cơ sở pháp lý để quy định về đánh giá an ninh trung hạn.

Thứ tư, công nghệ nói chung, công nghệ điện lực nói riêng đang biến đổi rất nhanh, cuộc cách mạng công nghệ lần thứ tư đang diễn ra trong nhiều lĩnh vực của đời sống, trong đó có ngành điện lực. Nhiều công nghệ mới xuất hiện, hoặc mới được ứng dụng trong ngành điện lực đang từng ngày, từng giờ làm thay đổi cách thức vận hành hệ thống điện như: ứng dụng số trong điều khiển hệ thống điện, công nghệ đo pha để đánh giá ổn định hệ thống... trong khi đó, Luật Điện lực chưa có quy định về thẩm quyền cho phép ban hành các văn bản dưới luật điều chỉnh các quy định kỹ thuật, vận hành hệ thống điện để đáp ứng thực tế.

5. Về tiết kiệm điện

a) Tồn tại, hạn chế

Thực tế thực hiện các năm vừa qua cho thấy vẫn còn một số tồn tại sau:

-Việc sử dụng năng lượng (đặc biệt là sử dụng điện) ở Việt Nam chưa được tiết kiệm và hiệu quả, gây lãng phí lớn đối với ngành điện nói riêng và nền kinh tế nói chung. Công suất phụ tải tăng cao theo cùng xu hướng tăng của nhu cầu điện làm tăng nhu cầu đầu tư cho lưới điện và công suất nguồn điện phủ đỉnh, làm giảm hiệu quả kinh tế của hệ thống điện nói chung, gây nguy cơ thiếu điện, cạn kiệt các nguồn năng lượng trong nước và phụ thuộc nhập khẩu, nguy cơ mất an ninh năng lượng quốc gia. Việc sử dụng các nguồn điện đắt tiền (dầu, diesel) để đáp ứng nhu cầu phụ tải đỉnh sẽ làm tăng phát thải khí nhà kính, ảnh hưởng tới việc thực hiện cam kết của quốc gia về giảm khí nhà kính và chống biến đổi khí hậu của Việt Nam và thế giới.

- Tình trạng sử dụng điện còn chưa tiết kiệm, hiệu quả, biểu đồ phụ tải điện ngày càng có sự chênh lệch lớn giữa phụ tải trong các giờ cao điểm và giờ thấp điểm, dẫn tới việc vận hành hệ thống điện chưa đạt hiệu quả kinh tế tốt. Thách thức rất lớn về đảm bảo vận hành ổn định hệ thống điện Việt Nam với tích hợp nguồn năng lượng tái tạo (NLTT) có công suất lớn và tỷ trọng tăng cao mà theo Nghị quyết số 55-NQ/TW định hướng phát triển nguồn NLTT đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, tỷ trọng nguồn NLTT với tỷ lệ điện năng của NLTT trong tổng điện năng sản xuất toàn quốc là khoảng 30% năm 2030 và lên tới 40% năm 2045. Theo kinh nghiệm thế giới, trong hệ thống điện tích hợp nguồn NLTT có công suất lớn và tỷ trọng tăng cao như trên, sẽ có nhiều rủi ro có thể có nguy cơ gây mất ổn định vận hành hệ thống điện và an toàn cung cấp điện. Giải pháp

điều chỉnh phụ tải điện là cần thiết để áp dụng vào vận hành hệ thống điện, đảm bảo cân bằng cung cầu. Ngày 08 tháng 3 năm 2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chương trình quốc gia về quản lý nhu cầu phụ tải điện giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030, một trong những giải pháp trọng tâm của Chương trình là thực hiện chương trình điều chỉnh phụ tải điện. Tuy nhiên, đến nay các chương trình điều chỉnh phụ tải điện chỉ được thực hiện theo hình thức vận động khách hàng sử dụng điện tự nguyện tham gia nên thu được kết quả còn rất hạn chế, chưa tương xứng với tiềm năng.

Việc điều chỉnh phụ tải điện cần thông qua các chương trình có các cơ chế tài chính kèm theo cho khách hàng sử dụng điện tham gia (ví dụ: chương trình cắt giảm phụ tải đỉnh,...). Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có quy định khung pháp lý đầy đủ cho phát triển các giải pháp này tại Việt Nam.

- Việc xây dựng Lưới điện thông minh, áp dụng các công nghệ tiên tiến, áp dụng thành quả của Cách mạng công nghiệp 4.0 trong ngành điện của Việt Nam và các nước trên thế giới đang là xu hướng tất yếu trong kỷ nguyên chuyển đổi số hiện nay, đặc biệt khi tỷ trọng tham gia của năng lượng tái tạo (NLTT) trong hệ thống điện ngày càng tăng cao. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có quy định khung pháp lý cho phát triển Lưới điện thông minh tại Việt Nam.

b) Nguyên nhân

Luật Điện lực còn một số hạn chế, chưa phù hợp với tình hình trong nước và quốc tế trong giai đoạn hiện nay và còn thiếu một số nội dung về sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả để triển khai thực hiện Nghị quyết số 55/NQ-TW: Chưa có quy định về việc ưu đãi, khuyến khích đối với khách hàng tham gia các chương trình tiết kiệm điện, điều khiển phụ tải điện; chưa có quy định về áp dụng công nghệ tiên tiến để phát triển lưới điện thông minh.

6. Về cấp phép hoạt động điện lực

a) Tồn tại, hạn chế

Qua thực tế thi hành Luật Điện lực, hoạt động cấp giấy phép đã phát sinh một số khó khăn, vướng mắc phát sinh như sau:

- Về điều kiện cấp giấy phép: Hiện nay, để tạo điều kiện cho doanh nghiệp hoạt động điện lực, các điều kiện cấp giấy phép thường xuyên phải được rà soát, đánh giá để thực hiện cắt giảm tối đa. Trong thực tế thi hành, Chính phủ đã bãi bỏ, cắt giảm 99/163 (khoảng 60%) điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực điện lực (tại Nghị định số 08/2018/NĐ-CP). Để việc cắt giảm điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực điện lực được linh hoạt, đáp ứng kịp thời với yêu cầu cải cách hành chính, cần tiếp tục giao cho Chính phủ quy định điều kiện cấp giấy phép hoạt động điện lực. Vì vậy, việc Luật Điện lực quy định về điều kiện cấp giấy phép cho các tổ chức, cá nhân đã không còn phù hợp với thực tế thi hành.

- Về hồ sơ cấp giấy phép hoạt động điện lực: Hiện tại, Luật Điện lực đang quy định 04 tài liệu chung để cấp giấy phép hoạt động điện lực. Trong thực tế thi hành công tác cấp giấy phép hoạt động điện lực, mỗi hoạt động điện lực phải có

các điều kiện riêng, tương ứng với các thành phần hồ sơ thể hiện đáp ứng đủ điều kiện cấp giấy phép theo quy định. Thành phần hồ sơ này được hướng dẫn chi tiết cho từng lĩnh vực hoạt động điện lực và phải đảm bảo linh hoạt thay đổi đáp ứng với yêu cầu tinh giản điều kiện cấp phép và cải cách thủ tục hành chính của lĩnh vực điện lực. Vì vậy, việc quy định thành phần hồ sơ trong Luật Điện lực là không còn phù hợp với yêu cầu linh hoạt trong tinh giản điều kiện cấp giấy phép và cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện cho các đối tượng liên quan tham gia hoạt động điện lực.

- Về miễn trừ giấy phép hoạt động điện lực: Một số trường hợp được miễn trừ hiện nay đã không còn phù hợp với điều kiện phát triển ngành điện hiện tại, như quy mô kinh doanh điện tại nông thôn, miền núi, hải đảo; phát triển năng lượng tái tạo phục vụ phụ tải tại chỗ...

- Về thu hồi giấy phép hoạt động điện lực: Trong trường hợp đơn vị được cấp phép không đáp ứng đủ điều kiện để hoạt động điện lực thì sẽ bị thu hồi giấy phép, không được tiếp tục hoạt động điện lực. Quy định tại Luật Điện lực hiện nay chỉ cho phép thu hồi giấy phép hoạt động điện lực trong 04 trường hợp.

Trong thực tế thi hành còn phát sinh các trường hợp khác cần thiết phải thu hồi giấy phép là những trường hợp đã được cấp giấy phép theo quy định nhưng trong thời hạn nhất định, đơn vị chưa hoàn thành các nội dung liên quan đến vận hành hệ thống điện, thị trường điện, an toàn đập thủy điện...; đơn vị điện lực có nhu cầu ngừng hoạt động hoặc chuyển giao hoạt động được cấp phép cho đơn vị khác; khi có đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền do đơn vị điện lực vi phạm các quy định của pháp luật có liên quan... Như vậy, có thể nhận thấy, theo sự thay đổi của thực tiễn thi hành, các trường hợp bị thu hồi Giấy phép hoạt động điện lực sẽ phát sinh thay đổi tương ứng.

- Về tổ chức thực hiện

Nhìn chung công tác kiểm tra, hậu kiểm đối với các đơn vị được cấp phép chưa được triển khai thường xuyên, đầy đủ bởi các nguyên nhân chủ quan và khách quan. Tình trạng này xảy ra ở cả cấp Trung ương và địa phương.

b) Nguyên nhân

Luật Điện lực (sửa đổi, bổ sung vào năm 2012) đã được ban hành từ năm 2004 và đã được áp dụng trên 15 năm. Trong khi đó, thực tiễn phát triển các lĩnh vực hoạt động điện lực đã có nhiều thay đổi đáp ứng các yêu cầu khách quan cả về thể chế, cả về kỹ thuật trong quản lý vận hành hệ thống điện và thị trường điện.

Việc quy định chi tiết các nội dung về cấp phép tại Luật Điện lực có thể sẽ dẫn đến việc sửa đổi, bổ sung quy định không được kịp thời khi phát sinh các trường hợp cụ thể.

Một số nguyên nhân khách quan dẫn đến tồn tại trong công tác kiểm tra, hậu kiểm đối với các đơn vị được cấp phép có thể kể đến như: địa bàn rộng, đơn vị được kiểm tra thay đổi địa chỉ; đơn vị không báo cáo đầy đủ tình hình hoạt động gửi cơ quan có thẩm quyền..., các nguyên nhân chủ quan chủ yếu là về yếu tố con

người như: số lượng cán bộ không nhiều, trình độ, chuyên môn không phù hợp... dẫn đến khó thực hiện được công tác kiểm tra duy trì điều kiện cấp giấy phép đối với đơn vị hoạt động điện lực.

7. Về an toàn điện, an toàn đập và hồ chứa thủy điện:

7.1. Về an toàn điện

a) Tồn tại, hạn chế

- Về bảo vệ an toàn hành lang lưới điện cao áp: Việc vi phạm hành lang an toàn lưới điện cao áp vẫn xảy ra tại các địa phương trên cả nước dẫn đến các tai nạn điện giạt. Các đơn thư khiếu nại về công tác đền bù, giải phóng mặt bằng đối với các công trình có liên quan đến hành lang lưới điện vẫn còn nhiều sự vụ kéo dài, khó giải quyết.

- Về an toàn trong sử dụng điện:

Hiện nay các quy định cụ thể trong các văn bản quy phạm pháp luật còn chưa đầy đủ và chưa có tính hệ thống, một số vấn đề liên quan đến các hành vi đe dọa an toàn vận hành lưới điện, đe dọa tính mạng và tài sản người dân do tai nạn điện gây nên cũng chưa có quy định cấm. Trong khi phụ tải điện hàng năm liên tục tăng trưởng, có thời điểm tăng trưởng nóng đến hai con số (trên 10%) do dân số tăng cao, các dịch vụ kinh doanh, sản xuất phát triển theo đà tăng trưởng của nền kinh tế, vì vậy nhu cầu về sử dụng điện tăng cao. Hiện tượng tai nạn điện giạt do sử dụng điện đang có chiều hướng gia tăng và diễn biến phức tạp tại các doanh nghiệp và địa bàn dân cư. Theo thống kê chưa đầy đủ từ các địa phương, trong mấy năm gần đây, số vụ tai nạn về điện đã gia tăng đến mức đáng kể. Bình quân mỗi tỉnh xảy ra 5 - 8 vụ/năm. Đặc biệt, khu vực miền Tây Nam Bộ bình quân 10 - 15 vụ/năm. Cá biệt khu vực Cà Mau có năm lên đến 20 vụ, làm chết và bị thương nhiều người, gây hư hỏng tài sản, thiệt hại về kinh tế... Vì vậy, các cơ quan đang gặp nhiều khó khăn trong công tác quản lý. Như vậy, việc thiếu các quy định về quản lý an toàn sử dụng điện sau công tơ đã tạo nên những lỗ hổng pháp lý, gây hậu quả rất lớn trong đời sống dân sinh hiện nay.

- Về kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện:

Trong những năm qua, hoạt động kiểm định các thiết bị dụng cụ điện cũng được điều chỉnh bởi Luật Đo lường và quy định về kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp. Các quy định này cũng chưa phản ánh hết được các đặc thù của kiểm định an toàn thiết bị điện. Một số quy định chưa chặt chẽ về điều kiện hoạt động của các tổ chức kiểm định, dẫn đến việc cấp giấy chứng nhận hoạt động rất khó kiểm soát được các đơn vị không đủ điều kiện về con người, trang thiết bị và nhà xưởng... Có nhiều đơn vị thành lập, xin cấp phép để hợp thức hóa việc xuất nhập khẩu thiết bị điện trôi nổi, kém chất lượng. Điều này đã khiến cho thị trường thiết bị điện còn nhiều bất cập.

Các nội dung Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp (sau đây viết tắt là Nghị định số 107/2016/NĐ-CP) quy định về điều kiện kinh

doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp không có điều kiện về nhà xưởng, quy trình kiểm định, thẻ kiểm định viên nên trong số hơn 200 tổ chức kiểm định an toàn thiết bị điện trên cả nước hiện nay, rất ít cơ sở được trang bị nhà xưởng, phòng thí nghiệm, các máy móc phục vụ hoạt động kiểm định có thể đi vay mượn, quy trình kiểm định không có... Sau khi Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ra đời, Thông tư số 33/2015/TT-BCT ngày 27 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định hoạt động kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện đã bị cắt bỏ một số điều kiện quan trọng, khiến cho việc cấp giấy chứng nhận diễn ra ồ ạt, khó kiểm soát.

Vì vậy, khi thực hiện việc chứng nhận kiểm định không đảm bảo được chất lượng, các thiết bị sau khi được kiểm định tham gia vận hành trên lưới điện sẽ xảy ra sự cố bất cứ lúc nào, gây thiệt hại về người và của, thậm chí có vụ sự cố gây mất điện cả một vùng rộng lớn, gây thiệt hại nặng nề cho các ngành sản xuất.

b) Nguyên nhân

- An toàn trong sử dụng điện:

+ Hiện nay, việc phân cấp, phân quyền trong công tác quản lý sử dụng an toàn điện còn chưa rõ ràng từ khâu quản lý nhà nước, doanh nghiệp đến khách hàng sử dụng điện. Các cơ quan/đơn vị liên quan không có đủ thẩm quyền để thực thi công vụ. Các quy định chưa đủ chi tiết, rõ ràng và chưa có chế tài cụ thể, đủ mạnh để tăng cường ý thức trong việc chấp hành các quy định về sử dụng điện.

+ Do chưa có quy định tại Luật Điện lực nên chưa có cơ sở để quy định chế tài xử lý vi phạm hành chính, do đó chưa đủ sức răn đe đối với các hành vi, vi phạm an toàn trong sử dụng điện, vi phạm quy trình vận hành dẫn đến tai nạn điện.

- Về công tác kiểm định an toàn kỹ thuật các thiết bị, dụng cụ điện: Chưa được quy định đầy đủ và mang tính hệ thống trong Luật Điện lực và các văn bản dưới luật; chưa phản ánh hết các đặc thù của kiểm định an toàn thiết bị điện như chưa có quy định về Danh mục các thiết bị, dụng cụ điện phải kiểm định, nội dung kiểm định, chu kỳ kiểm định, quản lý hoạt động kiểm định và quản lý vận hành công trình thủy điện. Từ đó dẫn đến hoạt động kiểm định các thiết bị điện không được kiểm soát chặt chẽ, gây mất an toàn trong sử dụng điện.

- Các khó khăn trong khâu quản lý các lĩnh vực an toàn điện và hoạt động kiểm định an toàn thiết bị điện đều do các lĩnh vực hoạt động chưa có cơ sở pháp lý quy định một cách hệ thống, bài bản và đúng với đặc thù chuyên ngành. Hầu hết các quy định đều đang được sử dụng chung với các lĩnh vực khác, chuyên ngành khác và do các bộ ngành khác quản lý.

7.2. Về an toàn đập, hồ chứa thủy điện

a) Tồn tại, hạn chế

Các hoạt động quản lý đối với lĩnh vực thủy điện nói chung và an toàn trong vận hành thủy điện nói riêng đang gặp nhiều khó khăn về mặt pháp lý. Cơ quan quản lý nhà nước và các chủ đập, hồ chứa thủy điện hiện nay đang thực hiện công tác quản lý vận hành công trình đập, hồ chứa thủy điện và các công

tác liên quan đến phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn (PCTT&TKCN) ở hạ du được thực hiện chủ yếu tuân thủ theo các văn bản nhà nước như: Luật Thủy lợi và một số văn bản liên quan đến việc sử dụng tài nguyên nước, quản lý xây dựng công trình thủy lợi, PCTT&TKCN; Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về Quản lý an toàn đập và hồ chứa nước (Nghị định số 114/2018/NĐ-CP); Nghị định số 126/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia (Nghị định số 126/2008/NĐ-CP); Thông tư số 09/2019/TT-BCT ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện; Quy trình vận hành liên hồ chứa và các quy định liên quan như Luật Phòng, chống thiên tai, Luật Đê điều, Luật Khoáng sản, Luật Bảo vệ môi trường...

Việc áp dụng các Luật Thủy lợi, Luật PCTT&TKCN cho công tác quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện chưa phản ánh đầy đủ tính đặc thù riêng và chuyên sâu của ngành thủy điện. Cụ thể tình hình thực hiện các quy định về an toàn đập, hồ chứa thủy điện nói chung như sau:

- Theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 126/2008/NĐ-CP, các hoạt động trong phạm vi hành lang bảo vệ đập, hồ chứa của các công trình, trong đó có hoạt động thăm dò, nạo vét, khai thác cát sỏi bị cấm hoạt động. Tuy nhiên, kể từ trước và sau khi Nghị định số 126/2008/NĐ-CP được ban hành và có hiệu lực, song song với nhiệm vụ phát điện, trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nhà máy thủy điện vẫn duy trì các hoạt động phát triển kinh tế như: khai thác khoáng sản, nuôi trồng thủy sản và hoạt động giao thông đường thủy (tại các địa phương như tỉnh Sơn La, Lai Châu, Hòa Bình...).

- Nội dung Điều 17 Nghị định số 126/2008/NĐ-CP cũng chưa quy định rõ ràng phạm vi hành lang bảo vệ an toàn đập, hồ chứa nước (là công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia). Vì vậy, nhiều bộ, ngành và địa phương hiện vẫn đang lúng túng trong việc áp dụng nội dung này cho các hoạt động trong phạm vi hành lang bảo vệ đập, hồ chứa, trong đó có đập và hồ chứa thủy điện.

- Tại khoản 9 Điều 2 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP quy định “Vùng hạ du đập là vùng bị ngập lụt khi hồ xả nước theo quy trình; xả lũ trong tình huống khẩn cấp hoặc vỡ đập”. Quy định này chông chéo (vùng ngập lụt khi xả lũ khẩn cấp có thể trùm lên vùng ngập lụt khi xả lũ theo quy trình vận hành) và không xác định được đối với trường hợp các hồ bậc thang và hồ chứa xây dựng gần nơi hợp lưu với sông/suối khác. Điều này gây khó khăn trong việc xác định trách nhiệm xây dựng, phê duyệt bản đồ ngập lụt (BĐNL), ví dụ: thủy điện Hòa Bình chưa xác định được vùng hạ du từ chân đập đến đâu (đến khu vực cầu Trung Hà - ngã ba sông Đà nhập lưu vào sông Hồng hay đến Việt Trì và từ Việt Trì ra đến cửa biển, bao gồm cả Thủ đô Hà Nội). Tuy nhiên, vùng hạ du từ Việt Trì ra đến cửa biển cũng là vùng hạ du của sông Thao và các đập lớn trên sông Lô. Đồng thời, quy định này cũng gây khó khăn do chưa xác định được ranh giới vùng hạ du đập đối với các công trình trên cùng bậc thang để xây dựng BĐNL, phương

án ứng phó với tình huống khẩn cấp, ví dụ: đối với các công trình thủy điện Đại Ninh, Đồng Nai 3 và Đồng Nai 4, các đơn vị chưa rõ vùng hạ du đập được giới hạn đến đâu, trách nhiệm xây dựng BĐNL vùng hạ du các đập này thuộc về đơn vị nào.

- Tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP quy định Chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện; tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm lập phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước. Chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện có trách nhiệm lập phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước, nhưng trên thực tế Nhà nước chỉ cấp phép và cho phép Công ty khai thác và sử dụng nước mặt trong lòng hồ để phát điện, còn diện tích nước mặt và diện tích đất ngập trong lòng hồ chứa do chính quyền địa phương quản lý sử dụng nên rất khó khăn, vướng mắc cho các chủ hồ trong công tác bảo vệ hồ chứa nước.

- Tại Điều 25 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP quy định về phương án ứng phó thiên tai và phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp. Phương án ứng phó thiên tai trong giai đoạn khai thác chưa có mẫu phương án thống nhất, hướng dẫn cụ thể. Hiện tại, mẫu phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập chỉ có trong quá trình thi công xây dựng đập (theo Phụ lục I Thông tư số 09/2019/TT-BCT). Khó khăn khi xây dựng phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp cho các công trình chưa có bản đồ ngập lụt trên các lưu vực như sông Cả, sông Đồng Nai và các công trình không có bản đồ ngập lụt như thủy điện Sơn La, Lai Châu, Huội Quảng, Bản Chát thuộc lưu vực sông Hồng...

- Tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP quy định Chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện; tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm lập và rà soát, điều chỉnh, bổ sung hàng năm phương án ứng phó thiên tai, phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp. Đối với phương án ứng phó với thiên tai thì việc rà soát, phê duyệt hàng năm là phù hợp. Tuy nhiên, đối với phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp phải trình UBND cấp tỉnh phê duyệt, trong khi nội dung phương án phụ thuộc vào BĐNL, các kịch bản ứng phó, tình trạng công trình... lại rất ít khi thay đổi.

- Tại Điều 26 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP quy định thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp, đã cập nhật hiệu chỉnh Phương án theo bản đồ ngập lụt (BĐNL) do Bộ NN&PTNT xây dựng nhưng do chưa nhận được Bản đồ phê duyệt chính thức nên một số Sở Công Thương các tỉnh không có cơ sở để thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt (như tại tỉnh Quảng Nam).

- Tại Điều 27 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP quy định về bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập: Vướng mắc trong xác định ranh giới vùng hạ du đập đối với các công trình trên cùng bậc thang để xây dựng bản đồ ngập lụt, phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp như đối với các công trình thủy điện Đại Ninh, Đồng Nai 3 và Đồng Nai 4, các đơn vị chưa rõ vùng hạ du đập được giới hạn đến đâu, trách nhiệm xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du các đập này thuộc về đơn vị nào.

Cơ quan quản lý nhà nước đang được phân giao quá nhiều nhiệm vụ mà các chủ hồ và các tổ chức độc lập có thể chủ động thực hiện được để đảm bảo

việc công tác vận hành hồ chứa được linh hoạt và tận dụng được nguồn tài nguyên nước một cách hiệu quả.

Thực tế hiện nay, công tác quản lý nhà nước đối với công trình thủy điện đang được giao cho nhiều bộ, ngành như Bộ Công Thương quản lý chuyên ngành về thủy điện; Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý nước mặt, quy trình vận hành liên hồ, thủy văn, quan trắc và môi trường...; Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì Hội đồng kiểm tra đánh giá an toàn đập quốc gia; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn qua Ủy ban quốc gia PCTT điều hành về xả lũ trong mùa mưa lũ và các trường hợp đặc biệt khác ngoài mùa lũ...; UBND các tỉnh điều hành xả lũ các thủy điện trên địa bàn tỉnh... Vì vậy, đôi khi không tránh khỏi sự chông chéo về mặt quản lý nhà nước và khó khăn cho các đơn vị quản lý vận hành công trình.

b) Nguyên nhân

Các quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện hiện chưa được quy định cụ thể và có hệ thống trong Luật Điện lực, cụ thể:

- Chưa có quy định giao cho cơ quan nào điều hành khoảng trống từ mực nước dâng bình thường đến mực nước thiết kế để giúp cho việc điều tiết lũ được chủ động, kịp thời và linh hoạt khiến cho việc điều tiết lũ rất bị động.

- Hiện nay, đang giao cho các Bộ và địa phương tổ chức kiểm tra, đánh giá an toàn đập trước mùa mưa lũ là chưa phù hợp do không tận dụng được nguồn nhân lực tại chỗ (các chủ hồ), do đó, chưa phát huy tính chủ động và kịp thời phát hiện các khiếm khuyết của công trình.

- Chưa có quy định tại Luật Điện lực cho phép các nhân sự tham gia quản lý, vận hành một công trình thủy điện (như tham gia vào quá trình theo dõi, quan trắc, đánh giá an toàn đập thủy điện), trong khi, số lượng nhân sự một công trình thủy điện lớn hơn rất nhiều so với một công trình thủy lợi; đồng thời, họ được đào tạo, huấn luyện bài bản.

- Hiện nay, Bộ Công Thương đang quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện nằm trên địa bàn 02 tỉnh trở lên, tuy nhiên các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa lại đang giao cho địa phương quản lý. Điều này là chưa đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ và liên tục trong công tác quản lý.

- Bộ Công Thương hiện đang quản lý các công trình thủy điện bậc thang trên hệ thống lưu vực sông, tuy nhiên quy trình vận hành liên hồ lại được giao cho Bộ TN&MT chủ trì biên soạn. Các góp ý, kiến nghị sửa đổi, bổ sung dự thảo quy trình liên hồ không được cập nhật, tiếp thu đầy đủ đã gây các bất cập trong khâu quản lý vận hành đơn hồ, lãng phí tài nguyên nước và thiếu linh hoạt trong quản lý vận hành phát điện và đảm bảo an toàn công trình.

PHẦN IV

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Sau gần 20 năm thực hiện, Luật Điện lực (được sửa đổi, bổ sung năm 2012, năm 2018 và năm 2022) đã đạt được những kết quả quan trọng, tạo lập khung

khô pháp lý cho hoạt động điện lực và thị trường điện lực, tăng cường vai trò quản lý nhà nước đối với hoạt động điện lực và sử dụng điện nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân có liên quan; tạo cơ sở pháp luật để giám sát thực thi, bảo đảm các đơn vị hoạt động điện lực minh bạch, tuân thủ đúng pháp luật. Tuy nhiên, trước yêu cầu phát triển điện lực đáp ứng nhu cầu sử dụng điện ngày càng cao của nền kinh tế - xã hội và nhân dân, để thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước về phát triển điện lực, yêu cầu mới của thực tiễn quản lý và để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật Việt Nam, cần thiết phải xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực trên cơ sở phát huy ưu điểm và khắc phục các hạn chế của Luật Điện lực hiện hành với một số nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu, quan điểm chỉ đạo xây dựng luật

1.1. Mục tiêu

- Hoàn thiện Luật Điện lực nhằm tạo khuôn khổ pháp lý đồng bộ, khả thi cho hoạt động điện lực và sử dụng điện. Tạo điều kiện cho phát triển nguồn và lưới điện nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng điện ngày càng cao của nền kinh tế - xã hội và nhân dân; bảo đảm và nâng cao chất lượng điện năng, chất lượng cung cấp dịch vụ điện; khuyến khích sử dụng điện an toàn, tiết kiệm hiệu quả, bảo vệ môi trường và phát triển năng lượng bền vững; góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh và an ninh năng lượng quốc gia;

- Đảm bảo sự phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong việc quy định cụ thể và chi tiết thẩm quyền của Chính phủ, Bộ Công Thương trong việc quy định và hướng dẫn thực hiện các Điều, khoản trong Luật, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực điện lực, phù hợp với đặc điểm của Luật Điện lực là ngành Luật chuyên ngành, mang tính kỹ thuật cao, cần sửa đổi, bổ sung thường xuyên để phù hợp với sự thay đổi nhanh chóng của khoa học công nghệ.

- Thực hiện đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền về quản lý nhà nước cho Chính phủ, Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; tăng cường phân cấp cho các đơn vị điện lực trong quá trình thực hiện các hoạt động điện lực để đảm bảo quyền tự do hoạt động sản xuất kinh doanh, nhà nước không can thiệp vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- Đảm bảo sự phù hợp và đồng bộ giữa chính sách phát triển điện lực với các chính sách có liên quan khác, góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đồng thời, khắc phục các bất cập trong quá trình thực thi Luật Điện lực hiện hành;

- Đổi mới các nội dung và các điều luật nhằm nâng cao tính khả thi và tính hiệu quả thực thi luật, đáp ứng yêu cầu của phát triển ngành điện nói chung và thị trường điện lực cạnh tranh nói riêng;

- Bảo đảm phát huy quyền tự chủ trong sản xuất kinh doanh của các đơn vị điện lực, không phân biệt đối xử trong hoạt động điện lực, tạo môi trường cạnh

tranh lành mạnh nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội của các hoạt động điện lực; đảm bảo kết hợp hài hòa quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng sử dụng điện, đơn vị điện lực và Nhà nước.

1.2. Quan điểm chỉ đạo

- Xây dựng Luật để thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các Nghị quyết của Quốc hội về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, gắn liền với đổi mới mô hình tăng trưởng, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia nhằm xây dựng và phát triển ngành điện phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước;

- Đảm bảo sự quản lý thống nhất của Nhà nước đối với các hoạt động điện lực. Phân định rõ chức năng quản lý, điều tiết của nhà nước về điện lực và chức năng quản lý sản xuất kinh doanh điện;

- Tập trung các nguồn lực để sửa đổi, hoàn thiện Luật Điện lực một cách đồng bộ, toàn diện, đảm bảo tính khả thi; tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế để hình thành và vận hành thị trường điện lực cạnh tranh;

- Chú trọng đổi mới, ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến và tận dụng có hiệu quả cuộc cách mạng công nghệ lần thứ Tư;

- Cải cách thủ tục hành chính trong hoạt động điện lực kết hợp với việc cải cách toàn diện công tác quản lý, kiểm tra, thanh tra chuyên ngành, bảo đảm thực hiện có hiệu quả công tác quản lý nhà nước và phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật về điện lực, giữ vững kỷ cương và sự bền vững của thị trường;

- Kế thừa, tiếp tục phát triển và hoàn thiện những quy định pháp luật về điện lực còn phù hợp với thực tế và đã có tác động tích cực đối với sự phát triển của ngành điện, đồng thời chủ động rà soát, sửa đổi, bổ sung những quy định đã phát sinh hạn chế, vướng mắc trong quá trình thực hiện, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong lĩnh vực điện lực;

- Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất trong hệ thống pháp luật, tính tương thích với cam kết quốc tế có liên quan; xác định rõ nội dung, nguyên tắc áp dụng Luật Điện lực bảo đảm không chồng chéo, mâu thuẫn giữa Luật Điện lực và các luật khác có liên quan.

2. Đề xuất một số giải pháp về chính sách

2.1. Hoàn thiện các nội dung quy định tại Luật Điện lực

2.1.1. Cần thiết phải xây dựng chính sách phát triển điện lực nhằm đảm bảo cung cấp đủ điện, an ninh năng lượng cho đất nước

a) Về chính sách quy hoạch và đầu tư phát triển điện lực

Hoàn thiện chính sách về quy hoạch, đầu tư phát triển điện lực và năng lượng tái tạo làm cơ sở thực hiện đầu tư phát triển dự án điện đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo hướng:

- Giữ nguyên một số quy định Điều 9 (Lập, phê duyệt, công bố và điều

chính quy hoạch phát triển điện lực), Điều 10 (Kinh phí cho công tác quy hoạch) và Điều 61 (Đầu tư phát triển điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo) Luật Điện lực hiện hành.

- Sửa quy định “Quy hoạch phát triển điện lực” tại Điều 8 Luật Điện lực được hiểu bao gồm “QHPTĐ quốc gia” và “Phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh” nhằm tạo cơ sở để đánh giá sự phù hợp với quy hoạch ngành của các dự án điện trong “Phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh”.

- Hoàn thiện quy định tại Điều 11 Luật Điện lực hiện hành về việc đầu tư phát triển điện lực theo hướng đánh giá trên cơ sở QHPTĐL (theo Luật Điện lực hiện hành) và kế hoạch thực hiện quy hoạch phát triển điện lực nhằm tạo cơ sở pháp lý để đánh giá sự phù hợp dự án điện lực với QHPTĐL, Quy hoạch tỉnh (do kế hoạch thực hiện các quy hoạch sẽ có danh mục dự án điện lực, trong đó, bao gồm cả các dự án không trong danh mục dự án quan trọng quốc gia, ưu tiên đầu tư).

- Bỏ các quy định về đất sử dụng cho dự án điện lực do các nội dung quy định đã được quy định đầy đủ tại pháp luật về đất đai¹⁵ và quy hoạch¹⁶.

- Bổ sung quy định về phối hợp quản lý nhà nước đối với các dự án điện theo QHPTĐL, Quy hoạch tỉnh (phương án phát triển mạng lưới cấp điện):

+ Bộ Công Thương chịu trách nhiệm rà soát, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh tiến độ, quy mô các dự án đầu tư phát triển nguồn điện, lưới điện truyền tải của kế hoạch thực hiện QHPTĐL nhằm tạo cơ sở triển khai các dự án trong kế hoạch thực hiện quy hoạch mà vẫn đảm bảo mục tiêu, định hướng của quy hoạch được duyệt¹⁷.

+ Quy định UBND các tỉnh, thành phố định kỳ hàng năm rà soát, báo cáo định kỳ gửi Bộ Công Thương tình hình thực hiện các dự án điện trong địa bàn, đề xuất xử lý các dự án chậm triển khai theo quy định pháp luật về đầu tư, đất đai. Trên cơ sở đề xuất của UBND, Bộ Công Thương tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét điều chỉnh tiến độ của dự án, thu hồi dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

¹⁵ Nhà nước giao đất, cho thuê đất được quy định tại Khoản 7, 8 Điều 3 Luật đất đai 2013; K3, Đ58 Luật Đất đai năm 2013; Chương 4 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP; Nghị định số 10/2023/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn.

¹⁶ Chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất trong Quy hoạch tỉnh (trong đó có đất cho công trình năng lượng điểm b, Khoản 7, Điều 28 Nghị định 37/2019/NĐ-CP; Luật Quy hoạch: Khoản 3, Điều 45 - Kế hoạch thực hiện quy hoạch; Điều 24 nội dung quy hoạch sử dụng đất quốc gia đã có nhu cầu sử dụng đất của các ngành và Điều 22 Nghị định 37/2019 về xác định và khoanh định cụ thể diện tích các chỉ tiêu sử dụng đất cấp quốc gia (đất công trình năng lượng)

¹⁷ Việc rà soát quy hoạch định kỳ 05 năm, điều chỉnh quy hoạch đã được quy định tại Điều 52, 53, 54 Luật Quy hoạch nên nội dung quy định đề xuất sửa đổi Luật Điện lực này không mâu thuẫn với quy định Luật Quy hoạch và phù hợp với vai trò quản lý thực hiện quy hoạch ngành quốc gia của Bộ Công Thương.

- Bổ sung một số quy định thực hiện đầu tư các dự án điện khẩn cấp nhằm giải quyết các vấn đề bức thiết về bảo đảm an ninh cung cấp điện. Nội dung gồm:

+ Xây dựng tiêu chí các dự án điện khẩn cấp:

(i) Các dự án nguồn cần phải xây dựng, đưa vào vận hành gấp để bù đắp lượng công suất nguồn điện thiếu hụt do chậm tiến độ của các dự án điện khác hoặc để đồng bộ với tiến độ của chuỗi dự án khí - điện.

(ii) Các dự án lưới điện có vai trò quan trọng trong việc truyền tải công suất nguồn điện giữa các khu vực, cần phải đưa vào vận hành gấp để chống quá tải cho khu vực nào đó của lưới điện hoặc các dự án cần đầu tư gấp để đảm bảo đồng bộ với các dự án nguồn điện.

+ Quy định xây dựng danh mục công trình điện khẩn cấp và các cơ chế đặc thù để thực hiện: Quy định Bộ Công Thương phối hợp với các Bộ ngành trình Thủ tướng Chính phủ danh mục công trình điện khẩn cấp và các cơ chế đặc thù để thực hiện, bao gồm: chủ trương đầu tư, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, sử dụng rừng, bồi thường, giải phóng mặt bằng, khảo sát, thiết kế xây dựng công trình; hình thức lựa chọn nhà thầu và các cơ chế đặc thù khác theo thẩm quyền để đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện đầu tư xây dựng. Người được giao quản lý, thực hiện xây dựng công trình có trách nhiệm tổ chức thực hiện các cơ chế đặc thù theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và triển khai các công việc liên quan khác đến quá trình đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật có liên quan.

- Bổ sung quy định việc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án nguồn điện thực hiện theo Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật PPP và các luật khác có liên quan (trừ các dự án nằm trong danh mục kế hoạch đầu tư phát triển và kế hoạch sản xuất, kinh doanh 05 năm của doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp).

- Sửa đổi khoản 4 Điều 29 như sau: “Bảo đảm quyền tự quyết định giá mua, bán điện trong khung giá, cơ cấu biểu giá bán lẻ điện do Nhà nước quy định của các đối tượng mua bán điện trên thị trường điện lực, trừ trường hợp giá phát điện theo kết quả đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.”

+ Sửa đổi khoản 3 Điều 31 như sau: “Giá phát điện theo hợp đồng mua bán điện có thời hạn, giá bán buôn điện do các đơn vị điện lực thỏa thuận hoặc theo kết quả đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng không được vượt quá khung giá phát điện, khung giá bán buôn điện đã được phê duyệt.”

b) Về năng lượng tái tạo

Hiện nay, các quy định ưu đãi đầu tư phát triển NLTT đã được quy định tại các pháp luật hiện hành, vì vậy, việc quy định ưu đãi để phát triển NLTT tại Luật Điện lực là vấn đề về giá điện, do vậy, cần xem xét:

- Sửa đổi khoản 4 Điều 4 Luật Điện lực từ: “*Đẩy mạnh việc khai thác và sử dụng các nguồn năng lượng mới, năng lượng tái tạo để phát điện; có chính sách ưu đãi đối với dự án đầu tư phát triển nhà máy phát điện sử dụng các nguồn năng lượng mới, năng lượng tái tạo*” thành “*Đẩy mạnh việc khai thác và sử dụng các nguồn năng lượng mới, năng lượng tái tạo để phát điện; có chính sách ưu đãi **giá bán điện** đối với dự án đầu tư phát triển nhà máy phát điện sử dụng các nguồn năng lượng mới, năng lượng tái tạo*”.

- Bỏ điểm c khoản 1 Điều 13 Luật Điện lực: “*Dự án đầu tư phát triển nhà máy phát điện sử dụng các nguồn năng lượng mới và năng lượng tái tạo được hưởng ưu đãi về đầu tư, giá điện và thuế theo hướng dẫn của Bộ Tài chính*”.

c) Đề xuất sửa đổi Luật Doanh nghiệp, Luật Quy hoạch một số quy định như sau:

- Sửa đổi khoản 4 Điều 7 Luật Doanh nghiệp, quy định về quyền doanh nghiệp, như sau: “*Tự do tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng, **trừ trường hợp quy định khác của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.***”

- Sửa đổi Phụ lục 1 Luật Quy hoạch: “*Quy hoạch phát triển điện lực*” thành “*Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia*” nhằm thống nhất với quy định tại Luật Điện lực sau khi sửa đổi và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.

2.1.2. Cần thiết phải hoàn thiện quy định điều kiện hoạt động điện lực và cấp, miễn trừ, thu hồi Giấy phép hoạt động điện lực

- Đối với điều kiện cấp phép hoạt động điện lực: để phù hợp với thực tiễn thi hành và sửa đổi, cắt giảm điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực điện lực được linh hoạt, đáp ứng kịp thời với yêu cầu cải cách hành chính, cần thiết phải sửa đổi quy định tại Luật Điện lực theo hướng giao cho Chính phủ quy định điều kiện cấp giấy phép hoạt động điện lực và quy định về thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động điện lực nhằm nâng cao việc phân cấp, phân quyền cho các đơn vị.

- Về hồ sơ cấp giấy phép hoạt động điện lực: cần tiếp tục giao Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động điện lực để đảm bảo linh hoạt trong thực hiện theo từng thời kỳ phù hợp với thực tiễn của sự phát triển về công nghệ và đáp ứng yêu cầu về cải cách thủ tục hành chính. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân cấp giữa Bộ Công Thương và các địa phương về cấp, sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực phù hợp với từng giai đoạn phát triển của hoạt động điện lực.

- Về miễn trừ giấy phép hoạt động điện lực: cần nghiên cứu, sửa đổi các quy định về miễn trừ giấy phép hoạt động điện lực một cách hợp lý nhằm thúc đẩy, khuyến khích phát triển điện lực trong tương lai.

- Về thu hồi giấy phép hoạt động điện lực: ngoài việc xác định các nguyên tắc về việc thu hồi giấy phép hoạt động điện lực tại Luật Điện lực, cũng cần thiết phải giao cho Chính phủ quy định các trường hợp thu hồi giấy phép hoạt động điện lực để đảm bảo tính linh hoạt, tạo điều kiện cho các đơn vị nhanh chóng tham gia hoạt động điện lực, vừa quản lý được việc đáp ứng đủ các điều kiện

tham gia hoạt động điện lực, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong trong thực tế thi hành.

2.1.3. Cần thiết quy định chính sách giá điện theo cơ chế thị trường và hoạt động mua bán điện đảm bảo định hướng phát triển thị trường điện

a) Bổ sung quy định về nhóm chính sách giá điện

Nhóm các chính sách này một mặt quy định tổng thể các nguyên tắc chung về chính sách giá điện; căn cứ lập và điều chỉnh giá điện để thể hiện nội dung quản lý, điều hành giá điện trên nguyên tắc phân cấp phân quyền trong điều hành và quản lý nhà nước về giá điện; về các loại giá điện và trách nhiệm điều hành/quản lý nhà nước trong lập, điều chỉnh giá điện; và chính sách giá bán điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo. Một mặt hoàn thiện cơ chế giá điện hiện tại để khắc phục những tồn tại hạn chế và thể chế hóa thể chế hóa đầy đủ các nội dung của Nghị quyết số 55-NQ/TW, theo đó, thực hiện các mục tiêu như: giá điện theo cơ chế thị trường, thúc đẩy thị trường điện cạnh tranh minh bạch, công bằng và hiệu quả, tăng cường phân cấp, phân quyền trong quản lý và điều hành giá điện thông qua hoạt động mua bán điện, cụ thể:

- Sửa đổi quy định giá điện nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo khu vực chưa nối lưới điện quốc gia.

- Bổ sung quy định về chính sách giá điện theo đó sẽ giảm dần tiến tới xóa bỏ bù chéo giữa các nhóm khách hàng, giữa các vùng, miền.

- Bổ sung quy định về thực hiện chính sách giá điện cho các đơn vị điện lực theo đó chính sách giá điện sẽ được thực hiện công khai, minh bạch, bình đẳng, không phân biệt đối xử giữa các đơn vị điện lực.

- Về phân cấp, phân quyền trong điều hành giá điện và hoạt động mua bán điện:

- + Giao Bộ Công Thương xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt lộ trình thực hiện và đối tượng áp dụng đối với giá điện hai thành phần (bao gồm giá công suất và giá điện năng).

- + Bổ quy định Bộ Công Thương kiểm tra hợp đồng mua bán điện có kỳ hạn.

- + Bổ sung quy định giao Chính phủ quy định chi tiết về mua bán điện với nước ngoài thông qua hệ thống điện quốc gia và mua điện trực tiếp với nước ngoài không qua hệ thống điện quốc gia tại khu vực biên giới; hợp đồng mua bán điện sinh hoạt; đảm bảo thực hiện hợp đồng; thanh toán tiền điện; phương pháp xác định bồi thường thiệt hại trong trường hợp hai bên không thỏa thuận được.

- + Bổ sung quy định giao Bộ Công Thương hướng dẫn những nội dung chính của hợp đồng mua bán điện có thời hạn (giữa đơn vị phát điện và đơn vị mua điện, hợp đồng cung cấp dịch vụ phụ trợ, hợp đồng dịch vụ truyền tải điện, hợp đồng mua bán buôn điện).

- + Sửa đổi quy định về thẩm quyền ban hành cơ chế điều chỉnh giá bán lẻ điện theo hướng Chính phủ ban hành Nghị định về cơ chế điều chỉnh giá bán lẻ

điện, trong đó quy định thẩm quyền điều chỉnh giá bán lẻ điện theo từng mức điều chỉnh giá gồm Chính phủ, đơn vị điện lực (Tập đoàn Điện lực Việt Nam).

b) Nội dung quy định về thị trường điện

Theo Luật Điện lực hiện nay, các nội dung về thị trường điện được quy định bao gồm 05 Điều (từ Điều 17 đến Điều 21) Mục 1 Chương IV. Trên cơ sở nội dung báo cáo về kết quả thực thi cũng như các tồn tại trong quá trình thực hiện các quy định xây dựng và phát triển thị trường điện các cấp độ tại mục 4 Phần II Báo cáo này, các đề xuất sửa đổi Luật Điện lực như sau:

- Đối với các Điều 17, Điều 18, Điều 19 và Điều 21 Luật Điện lực hiện nay: Dự kiến Luật Điện lực sửa đổi sẽ tiếp tục kế thừa các nội dung của Luật Điện lực hiện nay. Do các nội dung quy định về nguyên tắc hoạt động thị trường điện (bảo đảm công khai, minh bạch, bình đẳng khi tham gia thị trường điện; hình thành và phát triển các cấp độ thị trường điện; đối tượng tham gia thị trường điện; hoạt động điều hành giao dịch trên thị trường điện) vẫn đảm bảo phù hợp với tình hình thị trường điện hiện nay và trong thời gian tới.

- Đối với Điều 20 Luật Điện lực hiện nay: khoản 1 và khoản 3 tiếp tục kế thừa các nội dung quy định tại Luật Điện lực hiện nay. Riêng điểm a khoản 2 dự kiến sẽ hiệu chỉnh để làm rõ hợp đồng mua bán điện có thời hạn là hợp đồng kỳ hạn dạng chênh lệch áp dụng cho các đối tượng trực tiếp tham gia thị trường điện. Hiện nay, hợp đồng này đã và đang áp dụng trong thị trường điện cạnh tranh để bên bán và bên mua quản lý rủi ro biến động giá thị trường. Tuy nhiên, tại Luật Điện lực hiện nay chưa có quy định về hợp đồng kỳ hạn dạng chênh lệch trong các giao dịch trên thị trường điện. Việc áp dụng cơ chế hợp đồng kỳ hạn dạng chênh lệch trong thị trường điện cũng liên quan đến cơ chế thuế giá trị gia tăng (VAT) đối với các giao dịch này. Đây cũng là yêu cầu cần thiết để xử lý các vấn đề bất cập của thị trường bán buôn điện hiện nay, tạo điều kiện mở rộng phạm vi thị trường bán buôn, tạo tiền đề cho thị trường bán lẻ điện sau này. Vì vậy, cần thiết phải bổ sung quy định về hợp đồng kỳ hạn dạng chênh lệch thành một hình thức giao dịch trong thị trường điện tại Luật Điện lực để có đủ cơ sở pháp lý xử lý các vấn đề có liên quan đến giao dịch của các bên trong thị trường điện.

- Đối với Điều 47 Luật Điện lực hiện nay: Đối với Khoản 1 Điều này kế thừa các nội dung cũ và có hiệu chỉnh các nội dung hướng dẫn làm rõ về việc mua bán điện trực tiếp giữa khách hàng sử dụng điện lớn với đơn vị phát điện thông qua lưới điện quốc gia, trong đó dự kiến quy định trách nhiệm của Chính phủ quy định về nội dung này.

- Bổ sung 03 Điều mới trong Luật Điện lực sửa đổi, cụ thể:

+ Bổ sung Điều quy định về quyền và nghĩa vụ của đối tượng tham gia thị trường điện cạnh tranh: Dự kiến nội dung của Điều này sẽ được bổ sung trên cơ sở tách một số quy định tại các Điều 39, 43, 44, 46, 47 của Luật Điện lực hiện nay đối với nội dung liên quan đến quyền và nghĩa vụ khi tham gia thị trường và một số trách nhiệm đã được quy định tại các văn bản dưới Luật của các đơn vị phát điện, đơn vị mua điện,... Việc tách từng nội dung theo phạm vi hoạt động sẽ

giúp các đơn vị dễ dàng thực hiện theo chức năng nhiệm vụ khi tham gia thị trường điện.

+ Bổ sung Điều quy định về quyền và nghĩa vụ của đơn vị điều hành giao dịch thị trường điện: Dự kiến nội dung điều này quy định về các quyền (như là yêu cầu cung cấp các số liệu liên quan trong công tác lập kế hoạch vận hành thị trường điện năm, tháng, tuần...) và nghĩa vụ (như là công bố thông tin thị trường điện, công bố bảng kê, báo cáo hoạt động vận hành thị trường điện,...) của đơn vị điều hành giao dịch thị trường điện. Việc quy định rõ quyền và nghĩa vụ của đơn vị này tại Luật để dễ dàng thực hiện theo đúng chức năng nhiệm vụ, đồng thời giúp các đơn vị liên quan liên hệ công tác thuận lợi.

+ Bổ sung quy định về hợp đồng kỳ hạn là một hình thức giao dịch trong thị trường điện cạnh tranh.

2.1.4. Cần thiết có chính sách quản lý, vận hành hệ thống điện an toàn, ổn định, tin cậy và đảm bảo chất lượng điện năng, đồng thời, khuyến khích tiết kiệm điện, hợp lý, tăng cường thực hiện giải pháp quản lý nhu cầu điện và điều chỉnh phụ tải điện

Ngoài việc kế thừa các quy định còn phù hợp tại Luật Điện lực, Luật Điện lực (sửa đổi) cần bổ sung một số quy định như sau:

- Bổ sung các quy định về vận hành, điều hành hệ thống điện, các quy định kỹ thuật đã được đưa và áp dụng nhiều năm mang tính ổn định tại các văn bản hướng dẫn Luật Điện lực.

- Cập nhật, bổ sung các quy định về hiện đại hóa lưới điện, lưới điện thông minh, các quy định mới phù hợp với tình hình phát triển của khoa học công nghệ và thực tế phát triển của lưới điện Việt Nam.

- Rà soát quy định giữa Luật Điện lực và Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả để chuẩn hóa lại vấn đề tiết kiệm điện trong phát điện, truyền tải và phân phối điện, quản lý nhu cầu điện, phát triển thị trường tiết kiệm điện, tiết kiệm năng lượng cần được điều chỉnh cho phù hợp với tình hình hiện nay.

- Xây dựng và ban hành cơ chế tài chính, bổ sung cơ sở pháp lý để triển khai các chương trình quản lý nhu cầu điện (DSM), chương trình điều chỉnh phụ tải theo yêu cầu của hệ thống điện; ban hành Chương trình quốc gia về tiết kiệm điện nhằm khuyến khích thúc đẩy các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân nâng cao ý thức tiết kiệm điện, tuân thủ các quy định về tiết kiệm điện, khuyến khích sử dụng điện trong giờ thấp điểm, giảm sử dụng điện trong giờ cao điểm của biểu đồ phụ tải hệ thống điện.

- Thực hiện phân cấp, phân quyền trong quản lý, vận hành hệ thống điện nhằm bảo đảm chất lượng điện năng và an ninh năng lượng, triển khai các giải pháp tiết kiệm năng lượng, quản lý nhu cầu, điều chỉnh phụ tải điện và phát triển lưới điện thông minh, cụ thể:

+ Bổ sung tại Điều 4: “Chính phủ quy định về các nhà máy điện lớn, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh” để làm cơ sở

quy định chi tiết nội dung trong Nghị định hướng dẫn Luật¹⁸. Đồng thời, giao Thủ tướng Chính phủ quy định danh mục các nhà máy điện lớn, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

+ Giao Chính phủ hướng dẫn chi tiết về quản lý nhu cầu điện và sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả (trong đó phân định trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước, của đơn vị điện lực và khách hàng sử dụng điện trong việc thực hiện các giải pháp để sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả).

+ Giao Bộ Công Thương quy định các quy định chi tiết về quy định tiêu chuẩn chất lượng điện năng, đo đếm điện năng, lập và thực hiện kế hoạch cung ứng điện khi hệ thống điện quốc gia thiếu nguồn điện, hướng dẫn trình tự thực hiện ngừng giảm mức cung cấp điện, bảo đảm chất lượng điện năng, quy trình đấu nối, quy trình khởi động đen, quy trình thao tác,... cho toàn bộ hệ thống điện. Xây dựng định mức điện tự dùng cho các loại nhà máy điện và xây dựng quy định kỹ thuật; các chương trình điều chỉnh phụ tải điện, phát triển lưới điện thông minh.

2.1.5. Cần thiết có quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện, an toàn điện sau công tơ và an toàn đập, hồ chứa thủy điện

Nhằm khắc phục các lỗ hổng về pháp luật liên quan đến công tác an toàn điện và an toàn đập, hồ chứa thủy điện cần nghiên cứu, hoàn thiện chính sách về an toàn điện và an toàn đập, hồ chứa thủy điện theo hướng như sau:

- Bổ sung quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị điện, dụng cụ điện với các nội dung như danh mục thiết bị, dụng cụ phải kiểm định, nội dung kiểm định, chu kỳ kiểm định, quản lý hoạt động kiểm định và phân cấp, phân quyền cho cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan thực hiện.

- Sửa đổi quy định nội dung quản lý sử dụng điện an toàn sau công tơ như tổng công suất sử dụng, trang thiết bị điện, dây dẫn điện, lưới điện hạ áp, nhánh dây điện, mạch điện, hoạt động sửa chữa kết cấu mạng điện, v.v..., các hành vi bị cấm của Khách hàng sử dụng điện và quy định nghĩa vụ và trách nhiệm của khách hàng nhằm đảm bảo sử dụng điện an toàn tạo điều kiện cho cơ quan quản lý nhà nước thực thi công vụ, nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra.

- Bổ sung quy định về an toàn cho nhà máy điện và trạm phát điện; về công tác quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện trong giai đoạn xây dựng và vận hành công trình thủy điện và phân cấp, phân quyền cho cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan thực hiện.

2.2. Hoàn thiện các quy định pháp luật có liên quan

Đề xuất sửa đổi Luật Doanh nghiệp, Luật Quy hoạch một số quy định như sau:

¹⁸ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP đã có quy định “các nhà máy điện lớn, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh” tuy nhiên, Luật Điện lực hiện hành thiếu quy định giao Chính phủ quy định nội dung này.

- Sửa đổi khoản 4 Điều 7 Luật Doanh nghiệp, quy định về quyền doanh nghiệp, như sau: “Tự do tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng, **trừ trường hợp quy định khác của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.**”

- Sửa đổi Phụ lục 1 Luật Quy hoạch: “Quy hoạch phát triển điện lực” thành “Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia” nhằm thống nhất với quy định tại Luật Điện lực sau khi sửa đổi và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.

2.3. Về một số giải pháp tổ chức thực hiện

Để có cơ sở triển khai đầu tư phát triển điện lực, kịp thời đáp ứng nhu cầu điện cho phát triển kinh tế, xã hội, các quy hoạch phát triển điện lực cần phải được thực hiện nghiêm túc. Vì vậy, công tác tổ chức thực hiện cần được triển khai bài bản, quyết liệt và dành sự quan tâm đúng mức. Theo đó, cần hoàn thiện theo hướng sau:

a) Chính phủ: Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc và theo dõi việc thực hiện đầu tư xây dựng các công trình nguồn điện và lưới điện; kịp thời chỉ đạo giải quyết những khó khăn, vướng mắc ảnh hưởng đến tiến độ đầu tư xây dựng các dự án điện.

b) Các Bộ, ngành: Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao để triển khai thực hiện một cách hiệu quả các quy hoạch điện.

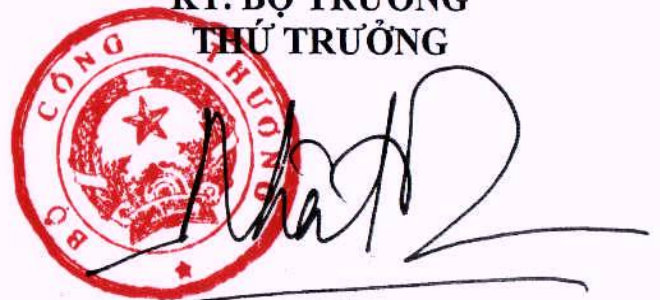
c) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Tổ chức thực hiện việc lựa chọn chủ đầu tư các dự án điện, bố trí quỹ đất cho phát triển các công trình điện theo quy định của pháp luật; chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các chủ đầu tư thực hiện việc giải phóng mặt bằng, bồi thường, di dân, tái định cư cho các dự án nguồn điện, lưới điện theo quy định.

d) Các Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam: thực hiện các nhiệm vụ được giao trong đảm bảo cung ứng điện cho phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư các công trình nguồn và lưới điện, đầu tư hạ tầng cung ứng nhiên liệu, tổ chức thăm dò, khai thác, cung cấp các nguồn năng lượng sơ cấp (than, khí) cho sản xuất điện./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các thành viên Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, ĐTĐL.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Sinh Nhật Tân